

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH

---

**99 Câu Hỏi Đáp Tìm Hiểu**  
**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**

**Biên Soạn:**  
**TÙNG THIÊN TỪ BẠCH HẠC**

**2010**

---

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ TỪNG THIÊN TỪ BẠCH HẠC, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 02/05/2012

Tâm Nguyên

---

**99 Câu Hỏi Đáp Tìm Hiểu**  
**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**  
Biên Soạn: **Tùng Thiên Từ Bạch Hạc**

---

---

## Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU .....	13
HỎI 1: NGHE NÓI ANH TU THEO ĐẠO MỘT MẮT PHẢI KHÔNG? .....	15
HỎI 2: SAO GỌI LÀ CAO ĐÀI? .....	15
HỎI 3: KHAI ĐẠO CAO ĐÀI TẠI ĐÂU? KHI NÀO? ...	15
HỎI 4: NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ LÀ AI? .....	17
HỎI 5: Ý NGHĨA CỦA DANH XƯNG TRÊN? .....	18
HỎI 6: VẬY THƯỢNG ĐẾ LÀ AI? .....	19
HỎI 7: THƯỢNG ĐẾ BIỂU HIỆN SỰ HIỆN DIỆN CỦA NGÀI NHƯ THẾ NÀO? .....	20
HỎI 8: TẠI SAO NHÂN LOẠI PHẢI THỜ TRỜI? .....	21
HỎI 9: THỜ THƯỢNG ĐẾ CÓ ÍCH GÌ CHO NHÂN LOẠI? .....	21
HỎI 10: ĐỨC THƯỢNG ĐẾ TOÀN NĂNG SAO TẠO DỰNG THẾ GIAN ĐẦY KHUYẾT ĐIỂM NHƯ VẬY? .....	22
HỎI 11: CÓ PHẢI PHẬT LỚN HƠN TRỜI CHĂNG? ..	23
HỎI 12: TU LÀ GÌ? .....	23
HỎI 13: VÌ SAO CHỌN VIỆT NAM ĐỂ MỞ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ? .....	24
HỎI 14: NỀN TẢNG GIÁO LÝ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI? ..	25
HỎI 15: VÌ SAO CHỌN THIÊN NHÂN ĐỂ THỜ? .....	26
HỎI 16: PHÍA DƯỚI THIÊN NHÂN, CÒN CÓ HÌNH CÁC Đấng NÀO VẬY? .....	28
HỎI 17: TẠI SAO CAO ĐÀI GIÁO THỜ PHẬT MẪU? PHẬT MẪU LÀ AI? .....	30
HỎI 18: CÚNG KIẾNG TỐN KÉM NHIỀU, NHƯ	

---

	NGHÈO QUÁ THÌ LÀM SAO? .....	32
HỎI 19:	SAO VĂN CHƯƠNG DẠY ĐẠO ĐỌC THẤY KHÔNG ĐƯỢC CAO SIÊU, TRAU CHUỐT, CẦU KỲ? .....	33
HỎI 20:	SAO MẤY VỊ THIÊN PHONG ĂN MẮC CHI ĐỦ MÀU? .....	34
HỎI 21:	LỊCH SỬ NHÂN LOẠI TRONG VÒNG 3000 NĂM TRỞ LẠI ĐÃ CÓ NHIỀU NỀN TÔN GIÁO, SAO PHẢI LẬP TÔN GIÁO MỚI? .....	34
HỎI 22:	THẬT BẦN KHOẢN KHÔNG BIẾT NÊN THỜ PHẬT, THỜ CHÚA HAY THỜ THƯỢNG ĐẾ? ..	35
HỎI 23:	TẠI SAO NÓI CÓ BA THỜI KỲ PHỔ ĐỘ? .....	36
HỎI 24:	TẠI SAO GỌI LÀ ĐẠI ÂN XÁ? .....	37
HỎI 25:	TẠI SAO BUỔI NÀY NÊN TU THEO ĐẠO CAO ĐÀI? .....	39
HỎI 26:	MUỐN VÀO ĐẠO CAO ĐÀI THÌ THỬ TỤC NHƯ THẾ NÀO? .....	40
HỎI 27:	Ý NGHĨA CỦA LỜI MINH THỆ? .....	41
HỎI 28:	TẠI SAO MUỐN VÀO ĐẠO PHẢI MINH THỆ? ..	42
HỎI 29:	KHÔNG NHẬP MÔN TU ĐẲNG CHẶNG? .....	44
HỎI 30:	CÒN NGƯỜI THẤT THỆ THÌ SAO? .....	45
HỎI 31:	SAU KHI NHẬP MÔN RỒI, NGƯỜI TÍN ĐỒ CÓ NHỮNG BỐN PHẦN GÌ? .....	46
HỎI 32:	LUẬT HÌNH TRONG ĐẠO CAO ĐÀI NHƯ THẾ NÀO? .....	47
HỎI 33:	GIẢI THÍCH NGŨ GIỚI CẤM? .....	47
HỎI 34:	GIẢI THÍCH TỬ ĐẠI ĐIỀU QUI? .....	48
HỎI 35:	NGHE NÓI TRONG CAO ĐÀI GIÁO, TÍN ĐỒ ĂN CHAY ĐƯỢC PHÉP DỪNG TRỨNG, TÔM CUA...? .....	49
HỎI 36:	LÀM CÔNG QUẢ LÀ LÀM GÌ? .....	51

---

---

HỎI 37:	CÁCH THIẾT LẬP THIÊN BÀN TẠI TƯ GIA? ..	52
HỎI 38:	Ý NGHĨA CÁC PHẨM VẬT TRÊN BÀN THỜ? ..	54
HỎI 39:	CÁCH CẨM NHANG THẤY KHÁC LẠ?.....	55
HỎI 40:	ẤN TÝ LÀ GÌ? CÁCH BẮT ẤN TÝ NHƯ THỂ NÀO?.....	57
HỎI 41:	CÁCH LẠY VÀ XÁ TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ?.....	58
HỎI 42:	VÌ SAO CHỈ CÚNG VÀO 4 THỜI TÝ, NGỌ, MỆO, DẬU?.....	65
HỎI 43:	VÌ SAO PHẢI SIÊNG NẶNG CÚNG KIẾN? .....	65
HỎI 44:	PHẨM VẬT HIỂN LỄ SAO CHỈ CÓ HOA, QUẢ, RƯỢU, TRÀ?.....	67
HỎI 45:	LUYỆN TAM BỬU BẰNG LỜI CẦU NGUYỆN? ..	68
HỎI 46:	BỐN PHẬN NGƯỜI TÍN ĐỒ? .....	69
HỎI 47:	KHI DỰ LỄ CÚNG ĐÀN TẠI ĐỀN THÁNH HAY THÁNH THẤT, NGƯỜI TÍN ĐỒ CÓ BỐN PHẬN GÌ?.....	70
HỎI 48:	NGƯỜI TÍN ĐỒ CẦN ĐỌC KINH SÁCH NÀO? .71	
HỎI 49:	ĐỌC KINH CẦU LÝ, VẬY PHẢI XEM KINH SÁCH THỂ NÀO CHO ĐÚNG? .....	72
HỎI 50:	KHI DÂNG LỄ LÊN THƯỢNG ĐẾ VÀ CÁC ĐẰNG HÀNG NGAY, TÍN ĐỒ NÊN CẦU NGUYỆN GÌ?.....	73
HỎI 51:	GIẢI THÍCH DANH TỪ TAM TRẦN OAI NGHIÊM? .....	75
HỎI 52:	TẠI SAO TU PHẢI CẦN CÓ ĐỦ TAM LẬP? ....	76
HỎI 53:	LẬP CÔNG LÀ GÌ? .....	77
HỎI 54:	LẬP NGỒN NHƯ THỂ NÀO?.....	78
HỎI 55:	LẬP ĐỨC RA SAO? .....	79
HỎI 56:	CỬU PHẨM THẦN TIÊN LÀ AI?.....	80
HỎI 57:	KHI BƯỚC VÀO CỬA CHÁNH ĐỀN THÁNH,	

---

---

	TA THẤY BỨC TRANH VẼ BA VỊ MẮC ÁO MÁO, ĐIỀU ĐÓ NÓI LÊN Ý NGHĨA GÌ? . . . . .	81
HỎI 58:	NỘI DUNG CỦA ĐỆ TAM THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC TUY CHỈ CÓ BỐN CHỮ, NHƯNG MUỐN THỰC HIỆN TRỌN VẸN BỐN CHỮ ĐÓ KHÔNG PHẢI LÀ ĐIỀU DỄ? . . . . .	84
HỎI 59:	TƯỢNG HỘ PHÁP SAO ĐỨNG TRÊN THẤT ĐẦU XÀ? . . . . .	85
HỎI 60:	ĐẠI- ĐỒNG LÀ GÌ? . . . . .	86
HỎI 61:	CẦU NGUYỆN NHƯ THẾ NÀO MỚI CÓ KẾT QUẢ? . . . . .	88
HỎI 62:	TRONG SINH HOẠT HÀNG NGÀY NGOÀI XÃ HỘI, THẬT BẤT TIỆN KHI CẦU NGUYỆN? . . . . .	89
HỎI 63:	ĐỐI VỚI NGƯỜI BUỒN BÁN CÓ THỂ CẦU NGUYỆN TRONG VIỆC LÀM ĂN? . . . . .	90
HỎI 64:	TÍN ĐỒ CAO ĐÀI QUAN NIỆM NHƯ THẾ NÀO VỀ THẦN LINH? . . . . .	91
HỎI 65:	CẦU NGUYỆN TRONG VIỆC THI CỬ, THĂNG QUAN TIẾN CHỨC THÌ THẾ NÀO? . . . . .	93
HỎI 66:	SAO TRONG ĐÀN CÚNG, THẤY ĐỨNG NGHE NHẠC LÂU QUÁ MỚI ĐỌC KINH? Ý NGHĨA CÁC BÀI NHẠC ẤY? SAO KHÔNG DỪNG TÂN NHẠC CHO THÍCH HỢP GIỚI TRẺ VÀ NGƯỜI ÂU MỸ? . . . . .	95
HỎI 67:	CÓ CHẮC THƯỢNG ĐẾ GIÁNG CƠ DẠY ĐẠO? KHÔNG BIẾT CHỪNG MA QUỶ NHẬP CƠ, RỒI MẠO DANH THƯỢNG ĐẾ, CHỖ BỨC CHÍ TÔN LỄ ĐÀU GIÁNG CHỖN PHẠM TRẦN Ô TRƯỚC? . . . . .	97
HỎI 68:	PHÁP ĐIỀU TAM KỶ PHỔ ĐỘ LÀ GÌ? . . . . .	98
HỎI 69:	CHỖN TRUYỀN LUẬT PHÁP CỦA ĐẠO ĐƯỢC GHI RÕ Ở Đâu? . . . . .	99

---



---

HỎI 70:	TẠI SAO PHÁP CHÁNH TRUYỀN ĐƯỢC XEM LÀ HIỂN PHÁP CỦA ĐẠO? .....	99
HỎI 71:	TÂN LUẬT QUI ĐỊNH NHỮNG GÌ?.....	101
HỎI 72:	NGỌC HƯ CUNG LÀ CUNG GÌ?.....	101
HỎI 73:	DIÊU TRÌ CUNG LÀ CUNG GÌ?.....	103
HỎI 74:	BÁT QUÁI ĐÀI LÀ GÌ? .....	104
HỎI 75:	CÁCH THỜ PHƯỢNG NƠI BÁT QUÁI ĐÀI TÒA THÁNH TÂY NINH? .....	104
HỎI 76:	HIỆP THIÊN ĐÀI LÀ GÌ?.....	106
HỎI 77:	CỬU TRÙNG ĐÀI LÀ GÌ?.....	108
HỎI 78:	CƠ CẤU CỦA HỘI THÁNH ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ CÓ ƯU ĐIỂM GÌ? .....	109
HỎI 79:	XIN CHO BIẾT CƠ CẤU CỦA HỘI THÁNH CỬU TRÙNG ĐÀI? .....	110
HỎI 80:	CƠ CẤU CỦA HỘI THÁNH HIỆP THIÊN ĐÀI? .....	111
HỎI 81:	CƠ CẤU HỘI THÁNH PHƯỚC THIÊN? .....	111
HỎI 82:	HÀNH CHÁNH ĐẠO LÀ GÌ? CÓ CẦN THIẾT KHÔNG? .....	112
HỎI 83:	BAN THỂ ĐẠO- PHẨM HIỂN TÀI TRỰC THUỘC AI? .....	113
HỎI 84:	HÀNH CHÁNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG? .....	116
HỎI 85:	NHIỆM VỤ CỦA BÀN TRỊ SỰ? .....	117
HỎI 86:	QUYỀN VẠN LINH LÀ GÌ?.....	119
HỎI 87:	HỘ PHÁP LÀ AI? VI HỘ PHÁP HAY PHẠM HỘ PHÁP? .....	121
HỎI 88:	VÌ SAO CHỌN THI SĨ LÝ BẠCH LÀM GIÁO TỔNG CỦA Đ.Đ.T.K.P.Đ.? .....	123
HỎI 89:	CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG & CỬU VỊ NỮ PHẬT LÀ AI? .....	124
HỎI 90:	ĐỀN THÁNH TÂY NINH KHÁNH THÀNH NĂM NÀO?.....	129

---

---

HỎI 91: NƠI THỜ ĐỨC PHẬT MẪU? .....	131
HỎI 92: Ý NGHĨA LỄ HỘI YẾN ĐIÊU TRÌ CUNG? .....	135
HỎI 93: CỔ PHÁP CỦA ĐẠO CAO ĐÀI?.....	136
HỎI 94: Ý NGHĨA LÁ PHƯỚC?.....	137
HỎI 95: ĐẠO KỲ CAO ĐÀI NHƯ THỂ NÀO? XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA? .....	139
HỎI 96: LUẬT NHÂN QUẢ & LUẬT HỒI. TIN VÀO HAI LUẬT ẤY CÓ ÍCH LỢI GÌ? .....	139
HỎI 97: THUYẾT TIỀN ĐỊNH & LUẬT NHÂN QUẢ? ..	144
HỎI 98: SAO CÓ NHỮNG NGƯỜI VỪA BẤT TÀI, VỪA ĐỘC ÁC MÀ LẠI GIÀU SANG? .....	145
HỎI 99: THƯỢNG ĐẾ SÁNG TẠO RA CON NGƯỜI, CON NGƯỜI TỰ TẠO LẤY KIẾP SỐNG CỦA MÌNH?.....	146
.....	147
<b>PHỤ LỤC</b> .....	149
CÁC NGÀY CÚNG LỄ HÀNG NĂM ÂM LỊCH TẠI TÒA THÁNH.....	149
HỆ THỐNG CHỨC SẮC CỬU TRÙNG ĐÀI .....	151
HỆ THỐNG CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI.....	152
TỔ CHỨC CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN .....	153
BẢNG ĐỐI PHẨM CHỨC SẮC CÁC CƠ QUAN .....	154
SÁCH THAM KHẢO .....	155



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

---

**LỜI NÓI ĐẦU**

Trong quá trình tiếp xúc với các du khách đến viếng Tòa Thánh Tây ninh và quý vị tín hữu của các tôn giáo bạn, tác giả được nghe nhiều câu hỏi thắc mắc về Đạo Cao Đài. Vì đây là một nền tôn giáo mới, tuy xuất hiện ở Việt nam là một nước nhỏ nhưng nền tảng triết lý đặt trên chủ nghĩa ĐẠI ĐỒNG nên rất được chú ý trong thời buổi này.

Thế nên, tuy tài sơ trí thiếu, tác giả cố gắng biên soạn quyển 99 câu hỏi đáp tìm hiểu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Quyển sách được biên soạn một cách cẩn trọng, dựa trên các Kinh, sách của Hội Thánh (Tây ninh) xuất bản và của các tác giả có uy tín. 99 câu đủ để tìm hiểu những nét căn bản từ nguyên nhân ra đời, ai là giáo chủ cho đến tôn chỉ, cách tổ chức hành chánh Đạo, những giáo lý mới cho nhân loại. v.v. Phần hai sẽ được biên soạn để tìm hiểu sâu hơn về giáo lý và triết lý của nền Đạo.

Xin cúi đầu cảm tạ công ơn của các bậc tiền bối và đàn anh đi trước.

Xin được dâng lên Hội Thánh để làm tư liệu phổ tế.

*Tùng Thiên Từ Bạch Hạc*

*2010*



**HỎI 1: NGHE NÓI ANH TU THEO ĐẠO MỘT MẮT PHẢI KHÔNG?**

**ĐÁP:** Nhiều người vì thấy trên bàn thờ có hình con mắt nên gọi như thế. Nếu tìm hiểu kỹ hơn, người ta sẽ biết đó là nền tôn giáo mới do Đức Thượng Đế khai mở tại Việt nam, và có tên là: ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ. Gọi vắn tắt là Đạo Cao Đài.

**HỎI 2: SAO GỌI LÀ CAO ĐÀI?**

**ĐÁP:** Gọi là CAO để tôn tặng Đức Thượng-Đế là Đấng Tối Cao. ĐÀI là cái Đài cao, xưa muốn cầu Thần Tiên thì cất một cái đài cao bằng tranh lá rồi lên đó để cầu-đạo gọi là thảo-đài.

*“Ngày nay Thầy mới đến lập một cái CAO-ĐÀI 高臺 nghĩa là Đền thờ cao trọng hay là Đức-tin lớn tại thế này,... lại mượn một sắc dân nhô-nhút của hướng Á-Đông là An-nam ta, dựng cho trọn lời tiên tri “Đạo xuất ư Đông” (trích Pháp Chánh truyền)*

Đức Thượng Đế đã giáng trần để ban cho nhân loại liều thuốc phục-sinh giúp cho nhơn-loại sống lại. Đó là Đạo-đức tinh-thần của Ngài tạo cho họ. Đức Thượng Đế mở ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ, để làm Tòa ngự của Thần, Thánh, Tiên, Phật đến thế gian này hiệp cả loài người làm một.

**HỎI 3: KHAI ĐẠO CAO ĐÀI TẠI ĐÂU? KHI NÀO?**

**ĐÁP:** Vào ngày 15. 10. Bính Dần (19.11.1926), Đại Lễ KHAI ĐẠO (Khai Tịch Đạo) được cử hành tại Thánh Thất Gò Kén (Tủ Lâm Tự, Tây Ninh)

Ý nghĩa buổi đại lễ là chính thức ra mắt việc khai

sáng mỗi Đạo Trời trước nhân sanh. Buổi lễ được tổ chức rất long trọng trong ba ngày 18-19-20/1926 với sự hiện diện của Toàn Quyền Đông Dương, Thống Đốc Nam Kỳ và nhiều viên chức cao cấp Pháp, Việt Nam được mời tham dự. Ông Lê Văn Trung thay mặt cho Hội Thánh tiếp đãi khách một cách ân cần trọng hậu. Ngoài cúng phẩm ra thì không thu tiền bạc của ai cả. Những ngày đầu khai đạo trên 20.000 người xin nhập môn cầu Đạo.

Tôn giáo Cao Đài có danh hiệu là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Muốn hiểu rõ tại sao có hai danh hiệu cùng một lúc, chúng ta cần trở lại những ngày đầu tiên trong lịch sử lập giáo.

- Vị Giáo chủ vô hình của Đạo Cao Đài ban đầu xuất hiện dưới danh hiệu là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ tát Ma Ha Tát. Người đệ tử đầu tiên là Ông Ngô văn Chiêu được Ngài giảng dạy về Đạo và truyền cho bí pháp luyện Đạo (1920).

- Trong giai đoạn thứ hai từ năm 1925 trở đi, qua sự thông công của nhóm các Ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Lê văn Trung, Cao Hoài Sang..., Đức Thượng Đế đầu tiên xưng danh AÁÁ, sau đó mới xưng danh chính thức là:

**NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ kim viết**  
**CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT**

Tôn giáo có danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời. Danh xưng ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ được dùng đến trong giai đoạn thứ hai đánh dấu sự trưởng thành của một tôn giáo, khởi sự truyền bá sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân.



**HỎI 4: NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ LÀ AI?**

**ĐÁP:** Giáo lý Đạo Cao Đài tin rằng, trong Càn Khôn Vũ Trụ này, có một Đấng duy nhất tuyệt đối, tối cao tối đại, chí tôn chí linh, tạo hóa ra Càn khôn Vũ trụ và vạn vật. Đấng ấy ngày nay giảng cơ dạy Đạo, xưng là:

«NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ  
kim viết CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT,  
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.»

Danh xưng này có nghĩa: *Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế nay gọi là Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, dạy Đạo cho nước Việt Nam.*

Nhiều người tôn sùng Thượng Đế, thờ phụng Thượng Đế, nhưng tựu chung, họ không biết gì về Thượng Đế, hay có biết thì cũng chỉ biết chút ít và rất mơ hồ. Ngày nay, nhờ hiện tượng thông linh bằng cơ bút, Đấng Thượng Đế giảng trần mở Đạo Cao Đài, nhờ đó hơn loại mới biết được nhiều hơn về Ngài.

Bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế mà tín đồ Cao Đài tụng hằng ngày cho biết số nét chính về Đức Thượng Đế, xin ghi ra sau đây:

– Đức Thượng Đế còn được gọi là Đại La Thiên Đế, Đức Thái Cực Thánh Hoàng, Đức Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng

– Đấng ấy tạo ra và nuôi dưỡng vạn vật. Đó là Đại Từ Phụ.

– Phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, biến Tứ Tượng, hóa Bát Quái mà tạo thành Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật.

– Trên thì chưởng quản 36 tầng Trời và 3000 thế giới,

- Dưới chướng quân 72 Địa cầu và Tứ Đại Bộ Châu.
- Là vua của Nhật, Nguyệt, Tinh, và thời gian,
- Là chủ của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.
- Là Đấng Đại Thiên Tôn...

**HỎI 5: Ý NGHĨA CỦA DANH XƯNG TRÊN?**

**ĐÁP:** Trong danh xưng CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG thì

- **Cao Đài** là Đài Cao, chỉ về chỗ cao thượng của Đạo Nho,
- **Tiên Ông** là chỉ về Đạo Tiên,
- **Đại Bồ Tát Ma Ha Tát** chỉ về Đạo Phật.

Thánh danh ấy gồm đủ Tam Giáo NHO, PHẬT, ĐẠO qui nguyên.

- **Giáo Đạo Nam Phương:** mở mối Đạo ở nước Việt Nam

Đức Thượng-Đế đã giảng về việc xưng danh ấy:

*“Các con coi bậc Chí-Tôn như Thầy mà hạ mình đặng độ-rỗi nhưn-sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên-Ông và Bồ-Tát là hai phẩm chót của Tiên Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối-cao tối trọng, còn Thầy thì khiêm-nhường là thế nào. Vì vậy mà nhiều kẻ Môn-đệ cho Thầy là nhỏ! Hạnh khiêm-nhường là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rỗi Thiên-hạ đặng. Các con phải khiêm-nhường sao cho bằng Thầy. Thầy lại nói buổi lập Thánh-Đạo, Thầy đến độ rỗi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không tội-lỗi, đâu đến nhọc công Thầy. Ấy vậy, các con ráng độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui lòng hơn hết.”*

**HỎI 6: VẬY THƯỢNG ĐẾ LÀ AI?**

**ĐÁP:** Ngôi Thượng Đế là nguồn sanh phát, là động năng tiến hóa của vạn loại. Thượng Đế sanh hóa và nuôi dưỡng muôn loài. Thượng Đế là Sự Sống thẩm nhuần vũ trụ, hiện diện trong từng hạt nguyên tử bé nhỏ nhất cho đến bao trùm cả vũ trụ bao la. Tuy không thấy, nhưng Sự Sống thiêng liêng này ẩn tàng trong tâm mỗi người, và được gọi dưới nhiều danh từ: CHÂNNGÃ, LINH HỒN, CHÂN NHƯ PHẬT TÍNH, THƯỢNG ĐẾ TÍNH....

Hằng hà sa số hành tinh mà không cái nào đụng cái nào, không thể gọi đó là tự nhiên được vậy mà phải do một quyền năng sáng tạo và điều khiển. Trời điều khiển sự tiến hóa của vạn linh. Sự điều khiển ấy ẩn trong mỗi cá thể đang phát triển và tiến hóa hằng theo qui luật chung nên lại như cho thấy rõ có sự điều khiển của Đấng Tạo hóa.

Giáo lý Cao Đài cho biết Trời là nguồn sáng vĩ đại tạm gọi ĐẠI LINH QUANG, chiết thành vô số TIỂU LINH QUANG (Divine spark, Spirits). Khi xuống cõi hồng trần nặng trịch này, các Tiểu Linh Quang ấy phải mang thêm các thể khác, trong đó có thể xác và được gọi là con người. Sự sanh hóa này vô biên không có giới hạn. Đức Thượng Đế đã nhiều lần cho các Đấng Thiêng Liêng xuống thế gian hướng dẫn cho nhân loại ngày càng khôn ngoan, khám phá và lập nên những nền văn minh trên thế giới. Nếu muốn dạy dỗ bên Tây Phương thì cho giáng sanh dưới hình dạng người Âu Mỹ. Nếu muốn dạy người Á châu thì lấy hình dạng người Châu Á...

Đồng thời, các Đấng Thiêng liêng còn dạy Đạo, ban nhiều Kinh Sách quý báu để thức tỉnh nhân loại, biết rằng

thế gian này chỉ là cõi tạm, chết không phải là hết... vv...  
Cách dạy của Đức Chí Tôn biến hóa tùy thời, tùy trình độ.

**HỎI 7: THƯỢNG ĐẾ BIỂU HIỆN SỰ HIỆN DIỆN CỦA NGÀI NHƯ THẾ NÀO?**

**ĐÁP:** “Thượng Đế là Nguồn Của Sự Sống, thế sao Ngài giấu mặt khỏi con cái Ngài, không được nhìn thấy Ngài? Điều đó có thể lý giải như sau:

– Con mắt trần tục chỉ có thể nhận biết được những điều trần tục, con mắt xác thịt chẳng có thể nhìn được Thượng Đế bất tử và các Đấng Thiêng liêng. Chẳng hạn chính con người không thể nào nhìn thấy được Chơn thần, Chơn linh của mình, vậy thì làm sao có thể nhìn được Đấng Tạo Hóa? Chỉ những vị nào đã mở được nhãn quang tâm linh mới có thể thấy được Ngài mà thôi.

– Nhiều người trong thế gian này biết về Thượng Đế, nhưng họ không biết Thượng Đế; đó là vì họ không có một mối liên hệ mật thiết với Ngài, họ không có đức tin chân thật hay không chấp nhận Thượng Đế. Cũng như có người nào đó nói với một người mù bẩm sinh về các màu sắc như đỏ, xanh, vàng. Người mù tuyệt đối không biết được vẻ đẹp của các màu sắc đó, không thể nào định được giá trị của chúng nó; bởi vì anh ta chỉ biết về những tên gọi khác nhau của chúng mà thôi. Có nhiều người tín đồ ý thức được sự hiện diện của Thượng Đế nội tâm đã đem lại sự sống và bình an cho tâm hồn họ.

Tóm lại, chúng ta không thể nào lấy trí phàm mà tưởng tượng hình dạng Ngài cho được. Thượng Đế vẫn là một khối linh quang vô cùng vô tận, nhờ đó mà Càn Khôn vũ trụ cùng vật loại mới tồn tại và phát triển.

**HỎI 8: TẠI SAO NHÂN LOẠI PHẢI THỜ TRỜI?**

**ĐÁP:** Đã làm người, ai cũng phải biết công ơn cha mẹ đã sinh thành và nuôi dạy cho mình nên người. Để đền đáp thâm ân nghĩa trọng ấy, bốn phận làm con phải phụng dưỡng cha mẹ.

Khi cha mẹ mất, con cái phải biết thờ kính.

Ngoài thờ cha mẹ, nhân loại còn biết thờ các vị Thần, các vị Tổ dạy nghề, các vị trung quân ái quốc, chư vị Thánh, Tiên, Phật đã giáng thế xuống trần hưởng dẫn tinh thần của nhân loại. Còn Trời là Chúa cả Càn khôn Vũ trụ, chẳng luận chi đến mặt trời, mặt trăng, vô số tinh tú... tất cả đều do Ngài chủ quản nắm máy huyền vi xây chuyển. Nhờ có sự mâu nhiệm từ Thượng Đế mà từ người đến thú vật, cây cỏ đều sống trong bầu không khí này được. Trời đã cho ta sự sống. Trời đã ban cho ta ánh sáng linh hồn để hiểu biết phải trái mà người đời thường gọi là lương tâm. Nếu không có linh hồn thì con người chỉ là khối thịt xương bất động. Vì thế, đáng làm người phải biết thờ nguồn cội của Sự Sống, nói cách khác là phải biết thờ Trời vậy.

**HỎI 9: THỜ THƯỢNG ĐẾ CÓ ÍCH GÌ CHO NHÂN LOẠI?**

**ĐÁP:** Trời đối với con người, công ơn thật bao la vĩ đại. Tình thương của Ngài thật vô tận vô biên. Dù ta có thờ phượng Ngài trang trọng như thế nào cũng chỉ đáng gọi là đền đáp trong muôn một. Sự thờ phượng của ta đối với Ngài suy cho cùng thì sự thật là ta tìm phương gần gũi Ngài, mong mỗi Ngài dìu dẫn khỏi chốn vô minh hắc ám.

Có một điều rất may mắn cho những ai sanh nhằm

lúc Ngài mở Đạo, được nghe lời vàng tiếng ngọc do chính Ngài giáo hóa và được hưởng hồng ân ĐẠI ÁN XÁ của Ngài.

**HỎI 10: ĐỨC THƯỢNG ĐẾ TOÀN NĂNG SAO TẠO DỰNG THẾ GIÀN ĐÂY KHUYẾT ĐIỂM NHƯ VẬY?**

**ĐÁP:** Con người khi đứng trước chiến tranh hoặc thiên tai như bão tố, động đất, sóng thần đau đớn, khổ sở, chết chóc v.v... thường có lời phàn nàn, phê phán như thế. Cái ngây thơ của lời chỉ trích đó cũng giống như một người thiếu hiểu biết nhưng hay phê bình đứng nhìn một kiến trúc xây chưa xong hay là một bức tranh dở dang và lên tiếng chê bai nó.

Con người hiểu được gì về CƠ SÁNG TẠO, BẢO TỒN VÀ HỦY DIỆT vĩ đại của Ngài? Tâm linh con người ở trong thân thể cũng giống như con gà ở trong vỏ trứng, nếu có cách nào bảo con gà đang ở trong vỏ trứng rằng bên ngoài nó có một thế giới vĩ đại với tất cả những hoa thơm, cỏ lạ, những trái cây ngon ngọt, có sông suối, núi non và mẹ nó cũng đang ở trong thế giới đó; nó cũng sẽ thấy được thế giới đó khi được giải thoát khỏi cái vỏ trứng, thì nó không thể hiểu được hay tin được. Ngay cả nếu có người bảo nó rằng bộ lông, đôi mắt của nó bây giờ đã thành hình để sử dụng một ngày kia nó sẽ dùng để nhìn và để bay, thì chắc nó cũng không tin, và cũng không có cách nào để chứng minh cho nó được cho đến khi nó ra khỏi vỏ trứng.

Tương tự thế, nhiều người không tin là có LINH HỒN, có cõi THIÊN LIÊNG HẰNG SỐNG, có LUẬT LUÂN HỒI, luật NHƠN QUẢ và luật TIẾN HÓA hay

không? Bởi vì họ không thể nào nhìn qua khỏi cái vỏ thể xác trần gian, những tư tưởng của họ giống như đôi cánh mỏng manh không thể nào đưa họ ra khỏi ranh giới hạn hẹp của trí não. Đôi mắt trần gian của họ không thể nào khám phá được những kho tàng đời đời vô tận của Đấng Tạo Hóa đã dành sẵn cho những ai biết tôn thờ Ngài. Con người không thấy được những gì thuộc tâm linh nhưng có thể cảm nhận được sự hiện diện của Thượng đế trong Sự Sống và các qui luật của vũ trụ. Trong khi vẫn còn ở trong thân thể này, chúng ta cần phải có đức tin để nhận từ Thượng Đế hơi ấm của sự sống mà con gà con nhận được từ mẹ nó; nếu không, chú gà con sẽ có nguy cơ chết đi mà không thể về được cõi huyền diệu và bất tử.

**HỎI 11: CÓ PHẢI PHẬT LỚN HƠN TRỜI CHĂNG?**

**ĐÁP:** Chẳng phải lớn hơn. Trời là Chúa cả Kiến-Khôn hóa dục quần sanh. Trong bài KINH xưng tụng Ngọc Hoàng Thượng Đế có câu: “*Đại-La Thiên-Đế... Nãi nhật nguyệt tinh thần chi quân, vi Thánh, Thần, Tiên, Phật, chi chủ*” nghĩa là: Trời làm chủ mặt nhật, mặt nguyệt, sao, Chúa của các Đấng Tiên, Phật, Thánh, Thần.

Bởi Trời sanh người, người biết giác ngộ thức tỉnh tu hành mới thành Thần, Thánh, Tiên, Phật. Chữ Phật phải có chữ Nhơn người, một bên chữ Phất mới là Phật. Có làm người trước rồi sau tu mới làm Phật, nên Phật không thể lớn hơn Trời được. Nhứt nhứt Đạo nào cũng do Đấng Tạo-Hóa gây dựng ra cả.

**HỎI 12: TU LÀ GÌ?**

**ĐÁP:** Tu là trau giồi tánh tốt, dọn mình cho trong

sạch, nếu gây lầm lỗi phải biết ăn năn, cho tâm mình trở nên tinh tấn, linh hồn mình trở nên nhẹ nhàng, sáng láng, hầu khi thoát xác trở lại bốn nguyên (ngôi cũ), hiệp làm một cùng Thượng Đế, gọi là đắc Đạo.

Tu chẳng cần phải cạo đầu, mặc áo già, ở chùa và tụng kinh gõ mõ cho nhiều. Quý chẳng là tại tâm đó thôi. Ta vừa làm Nhơn đạo, vừa lo Thiên đạo cũng được vậy, nghĩa là cũng làm ăn như thường, song khác hơn người thường là ngoài giờ làm việc, thay vì đi chơi bởi giải trí, rượu trà cờ bạc v.v..., ta lại để giờ rảnh ấy mà trau mình, quan sát việc hành động nội ngày coi phải hay là quấy, như có lỗi làm điều chi ta nghĩ ra mà biết là quấy, thì phải ăn năn sám hối, hầu ngày sau khỏi tái phạm. Trong giờ rảnh, ta nên để lòng thanh tịnh mà hàm dưỡng tinh thần, cùng là tưởng Trời, niệm Phật, niệm Chúa. Nếu ta thành tâm tưởng niệm thì tự nhiên có mối dây liên hệ với Chơn linh ta. Trời Phật độ ta vì Trời Phật tại tâm chớ chẳng đâu xa.

Chớ nên hèn rằng: *“Nay tôi còn bận lo sinh kế, tu chưa được, đợi chừng nào già rồi sẽ tu...”*. Tính như vậy rất lầm, vì nếu chẳng lo dưỡng tánh, tu tâm ngay, đợi đến buổi chung qui mới rõ Thiên đàng Địa ngục thì đã muộn rồi.

**HỎI 13: VÌ SAO CHỌN VIỆT NAM ĐỂ MỞ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ?**

Nước Việt-nam là một quốc gia Thiên định. Nước VN có hình chữ S nghĩa là hình Âm Dương với đảo Hải nam là điểm dương trong Âm (Thái bình Dương), còn Biển Hồ là điểm Âm trong Dương (Campuchia). Như thế, Việt-Nam là một Thái-cực-đồ trọn vẹn có đủ Âm dương tạo nên linh khí cho Việt-nam.

Tất cả hình dạng chữ S không có cái nào tốt bằng



cái có Ý nghĩa Dương trung hữu Âm căn nên cái chữ S của VN là căn cốt cho những cái còn lại khi chuyển đổi Ngươn Kỳ. Trạng Trình có câu thơ rất hay là “*Đồ Thư một quyển xem nay mới rành*” tức đã biết được Thiên cơ.

Đức Chí-Tôn nói: “Chỉ có xứ Việt-Nam còn duy trì được sự tôn-sùng Tổ-phụ theo tục lệ cổ truyền, mặc dầu xứ ấy chỉ biết chịu ở dưới quyền lệ-thuộc từ ngày được tạo lập đến giờ. Nơi xứ này dân tình rất thuần hậu và ôn-hòa. Thấy đến cũng như Chúa Cứu-thế đã đến với chúng con để bài trừ tà thuyết và truyền bá chơn Đạo trên toàn cầu:

(TNI/134)

*“Một nước nhỏ-nhoi trong vạn quốc,  
Ngày sau làm CHỦ mới là kỳ.”*

#### **HỎI 14: NỀN TẢNG GIÁO LÝ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI?**

**ĐÁP:** Giáo lý của Đạo Cao Đài đặt nền tảng phần lớn từ các chánh đạo xưa: Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo... Đạo Cao Đài giữ lại những nguyên tắc thuần túy được nhìn nhận như là những chơn lý vĩnh cửu, bất biến của Thiên điều nhưng buộc phải khôi phục trong ý nghĩa chơn thật của nó một vài giáo điều đã bị biến đổi.

– **Về phương diện luân lý,** Đạo Cao Đài nhắc nhở con người bốn phận và nghĩa vụ của mình, dạy con người biết cách cư xử đối với chính bản thân mình, đối với gia đình, xã hội và đối với toàn nhơn loại.

– **Về phương diện triết lý,** Đạo Cao Đài giảng giải sự khinh thường công danh quyền thế, sự phú quý xa hoa, giải thoát con người khỏi nô lệ vật chất để tìm kiếm sự sự yên tịnh tràn ngập trong tâm hồn.

– **Về phương diện thờ cúng,** Đạo Cao Đài khuyên nhủ thờ phượng Thượng Đế và tôn sùng các Đấng chơn linh thượng đẳng, lập thành hệ thống thần bí uy nghiêm. Đạo Cao Đài nhìn nhận sự thờ cúng Tổ tiên được thiết lập theo nguyên tắc của Phật giáo, nhưng chống lại sự dâng cúng các thứ thịt cá và việc sử dụng các loại giấy vàng bạc.

– **Về phương diện tâm linh:** Đạo Cao Đài đồng ý với các tôn giáo khác về sự hiện hữu của linh hồn sau khi thoát xác, sự tiến hóa của linh hồn bởi nhiều kiếp luân hồi liên tiếp, những hậu quả sau khi chết của những hành động do con người gây ra theo đúng luật Nhân Quả báo ứng.

– **Về phương diện tâm truyền:** Đạo Cao Đài giảng phần bí pháp cho các tín đồ đã được xét là xứng đáng, những giáo huấn khả thi để cho phép họ đạt đến hạnh phúc hoàn toàn bởi một tiến trình tiến hóa tâm linh.

Căn bản của giáo lý Cao Đài là thực hành NHÂN NGHĨA, THƯƠNG YÊU và CÔNG CHÁNH.

**HỎI 15: VÌ SAO CHỌN THIÊN NHÂN ĐỂ THỜ?**

**ĐÁP:** Đức Chí Tôn dạy rằng:»Tại sao Thầy lại biểu các con tạo hình Thiên Nhân mà thờ, không dạy thờ hình tượng như các tôn giáo khác? Thầy vốn là Hư Vô chi Khí, không giống cái chi hết. Các con chớ tạo hình Thầy mà thờ. Trời là Lý, thì Lý ấy rất thông linh bao quát Càn khôn Thế giới. Thầy đâu phải có xác phàm như các con mà tạo hình thể như các con. Nên chi, thờ Thiên Nhân là thờ Thầy.»

Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng «con mắt» mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh.

Nhân thị chủ tâm,	眼是主心
Lưỡng quang chủ tể,	兩光主宰
Quang thị Thần,	光是神
Thần thị Thiên,	神是天
Thiên giả Ngã giã.	天者我也

Nhân thị chủ tâm,	<i>Thượng Đế là chủ của Đại hôn.</i>
Lưỡng quang chủ tể,	<i>Dương quang và Âm quang là chúa tể.</i>
Quang thị Thần,	<i>Đại linh quang là Đại hôn.</i>
Thần thị Thiên,	<i>Đại hôn ấy là Thượng Đế.</i>
Thiên giả Ngã giã.	<i>Thượng Đế ấy là Ta vậy.</i>

Đức Hộ-Pháp giảng như sau: “Mọi nhà thờ Thiên-Nhân sùng bái hằng ngày đặng xét mình, coi các điều tội lỗi. Thoảng như trong tâm giục khởi làm việc chi bất bình thì sợ có quyền-năng của Trời răn phạt, nên thờ Thiên-Nhân là một phương mầu-nhiệm cho mọi người biết tòng thiên-lý.

“Kỳ hạ-ngươn này Đức Chí-Tôn giảng cơ dạy Đạo không có chơn-linh giảng sanh nguyên hình như các vị Giáo-chủ trước nữa. Nếu sự thờ phượng riêng một vị Giáo-chủ như buổi trước thì không đủ thống nhất đặng tín ngưỡng của nhơn-sanh trong hoàn-cầu thế-giới. Cho nên thờ Thiên-Nhân là cơ-quan hiệp cả chơn-thần của toàn vạn linh và hiệp Tam-Bửu: Tinh Khí Thần vi nhưt. Ấy là cơ mầu-nhiệm siêu phàm nhập Thánh. Từ khi các Tôn-giáo bị bế: Âm thịnh dương suy, nên Thần chẳng hiệp cùng Tinh Khí đặng, vì vậy nên người tu hữu công mà không đắc quả.

“Nay Đức Chí-Tôn khai Đại-Đạo đem chơn Thần hườn nguyên cùng Tinh Khí là cơ mầu-nhiệm cho chúng

sanh đắc Đạo. Ai biết noi theo chơn-truyền luật pháp giữ trai kỳ 10 ngày trở lên đến ngày công viên quả mãn đặng thọ truyền bửu pháp, Chơn Thần siêu thăng.

*“Trong buổi hạ-nguơn chuyển thế Đức Chí-Tôn khai Đạo dạy thờ Thiên-Nhân là thờ Chơn-thần của Chí Linh cho hiệp cùng Vạn-linh tức là thờ ngôi Thái Cực, là thờ Thầy vậy”.* (26-6-Mậu Dần 1938)

**HỎI 16: PHÍA DƯỚI THIÊN NHÂN, CÒN CÓ HÌNH CÁC ĐĂNG NÀO VẬY?**

**ĐÁP:** Phía dưới Thiên Nhân là một ngôi sao lớn, đó là sao Bắc đẩu, trung tâm của Càn Khôn Vũ Trụ. Đây là nơi ngự của Đức Chí Tôn nên phải vẽ Thiên Nhân ngay phía trên sao Bắc đẩu. Hai bên sao Bắc đẩu có vẽ mặt trời và mặt trăng. Hợp lại là Nhật, Nguyệt, Tinh. Đó là Tam bửu của Trời.

Các Đăng ngôi bên dưới kể ra từ trên xuống dưới gồm có:

– ĐỨC PHẬT THÍCH CA ngôi giữa, đắp y vàng, ngôi kiết già trên tòa sen, là Giáo chủ PHẬT GIÁO.

– ĐỨC LÃO TỬ, ngôi bên tay mặt của Đức Phật Thích Ca, mặc áo đạo màu xanh, tay cầm phất chủ, râu bạc trắng, đầu để trần. Ngài là Giáo chủ TIỀN GIÁO.

– ĐỨC KHỔNG TỬ, ngôi bên tay trái của Đức Thích Ca, mặc áo đạo màu hồng, râu bạc trắng, đầu đội mũ. Ngài là Giáo chủ NHO GIÁO.

Như vậy, ở hàng ngang này là hình của Ba Đăng Giáo chủ Tam giáo thời **Nhị Kỳ Phổ Độ**.

– ĐỨC LÝ THÁI BẠCH, ngôi hàng giữa, ngay phía

dưới Đức Phật Thích Ca, có râu dài và đen, đầu đội mão cánh chuông. Ngài là một vị Đại Tiên Trưởng, giữ chức Nhứt Trấn Oai Nghiêm, thay mặt Đức Lão Tử, cầm quyển Tiên giáo thời ĐĐTKPĐ. Đức Lý Thái Bạch còn được Đức Chí Tôn giao phó kiêm nhiệm Giáo Tông ĐĐTKPĐ.

– ĐỨC QUAN THẾ ÂMBỒ TÁT, ngồi phía tay mặt của Đức Lý Thái Bạch, là vị Nữ Phật ngự trên tòa sen, đắp y màu vàng, đầu đội mũ ni, tay mặt cầm tịnh bình có nhành dương liễu, tay trái bắt ấn. Ngài là Nhị Trấn Oai Nghiêm, thay mặt Đức Phật Thích Ca, cầm quyển Phật giáo thời ĐĐTKPĐ.

– ĐỨC QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN, ngồi phía tay trái của Đức Lý Thái Bạch, ngài đội mão, mặc áo đạo màu xanh, râu dài và đen, tay trái đang lật xem quyển Kinh Xuân Thu. Ngài là Tam Trấn Oai Nghiêm, thay mặt Đức Khổng Tử, cầm quyển Nho giáo thời ĐĐTKPĐ.

– ĐỨC CHÚA JESUS (Gia Tô Giáo chủ), ngồi hàng giữa, ngay dưới Đức Lý Thái Bạch, tóc đen, râu ngắn đen, tay mặt chỉ trái tim bác ái tỏa hào quang. Ngài là Giáo chủ của Thiên Chúa giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

– ĐỨC KHƯƠNG THƯỢNG TỬ NHA: ngồi hàng giữa, ngay phía dưới Đức Chúa Jesus, không đội mão, râu bạc trắng, mặc áo bát quái màu vàng, tay mặt cầm cây roi Đả Thần (Đả Thần tiên), tay trái cầm cây Hạnh Huỳnh kỳ. Ngài cầm Bảng Phong Thần, đứng đầu Thần vị.

– **Bảy cái ngai**, đặt phía dưới các Đấng, sơn sơn thếp vàng. Bảy ngai này tượng trưng 7 Chức sắc cao cấp nhứt của Cửu Trùng Đài cầm quyển trong cơ phổ độ nhơn sanh của Đức Chí Tôn:

– ngai giữa lớn nhất là ngai Giáo Tông,  
– 3 ngai kế dưới dành cho 3 vị Chưởng Pháp ba phái Thái Thượng Ngọc.

– 3 ngai kế dưới nữa dành cho 3 vị Đầu Sư ba phái

Chúng ta đã thấy, các Đấng ngồi theo **hàng ngang thì cầm quyền Tam giáo**, thời Nhị Kỳ Phổ Độ và thời Tam Kỳ Phổ Độ; còn các Đấng ngồi **ở giữa, theo hàng dọc từ trên xuống dưới tượng trưng cho các phương cách dạy Đạo**:

– Đức Phật Thích Ca tượng trưng **PHẬT ĐẠO**.

– Đức Lý Thái Bạch tượng trưng **TIÊN ĐẠO**.

– Đức Chúa Jêsus tượng trưng **THÁNH ĐẠO**

– Đức Khương Thượng tượng trưng **THẦN ĐẠO**.

– 7 cái ngai của 7 Chức sắc cao cấp nhất của **CỬU TRÙNG ĐÀI** tượng trưng **NHON ĐẠO**.

Vậy theo hàng giữa này, 4 Đấng ấy và 7 cái ngai tượng trưng **Ngũ Chi Đại Đạo**: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo.

**HỎI 17: TẠI SAO CAO ĐÀI GIÁO THỜ PHẬT MẪU? PHẬT MẪU LÀ AI?**

**ĐÁP:** Từ trước đến nay, các nền tôn giáo mở ra trên thế giới đều chỉ biết thờ Ngôi Dương. Như Phật giáo thờ Đức Phật Thích Ca, Đạo giáo thờ Đức Thái Thượng Lão Quân, Nho giáo thờ Đức Khổng Tử, Thiên Chúa giáo và Đạo Tin Lành thờ Đức Chúa Jêsus Christ. Không có một tôn giáo nào biết thờ Ngôi Âm. Chỉ có Thiên Chúa giáo có thờ Đức Mẹ Maria, Mẹ của Đức Chúa Jêsus, nhưng chưa phải là thờ Ngôi Âm.

Chúng ta đã biết, trong Càn Khôn Vũ trụ này, không phải chỉ có Ngôi Dương, mà luôn luôn phải có Ngôi Âm đi kèm theo, thì mới có đủ hai yếu tố Âm Dương để tạo thành cơ sanh hóa. Một Dương không thể sanh, một Âm cũng không sanh, phải có đủ cả Âm Dương mới sanh hóa được.

Theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn, khởi thủy của Càn Khôn Vũ trụ là Hư Vô Chi Khí (tức là ĐẠO). Khí Hư Vô mới sanh ra một Đấng duy nhất là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, và ngôi của Ngài là Thái Cực (tức là khối Đại Linh Quang). Đức Thượng Đế phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi: Dương Quang và Âm Quang. Đức Thượng Đế mới phân tánh ra Pháp, tức là định luật chi phối Càn Khôn. Đấng chưởng quản Khí Âm Quang, chưởng quản Pháp được gọi là Đức Phật Mẫu. Vũ trụ có hai khối khí vĩ đại là Dương Quang và Âm Quang, có hai Đấng đầu tiên cầm quyền Càn khôn vũ trụ là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Sau đó, Đức Phật Mẫu đem Âm Quang phối hợp với Dương Quang, để tạo hóa ra các tầng Trời, các quả Tinh cầu và các Địa cầu, tạo thành Càn khôn vũ trụ. Tiếp theo, Đức Phật Mẫu tạo ra Vạn linh, tạo thành Vạn vật. Chúng sanh gồm kim thạch, thảo mộc, thú cầm, nhơn loại. Chúng sanh trải qua vô số kiếp ở thế gian để học hỏi, tiến bộ về tâm linh, đạt quả vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Vậy:

- **Đức Chí Tôn ngôi PHẬT**, nắm cả huyền vi bí mật tạo đoan, chủ chơn linh
- **Đức Phật Mẫu ngôi PHÁP**, Mẹ sanh vạn vật, chủ chơn thần.
- **Càn khôn vạn vật ngôi TĂNG**, cầm quyền giáo

hóa vạn loại.

Người nắm ngôi Tăng là vị Phật cầm quyền quản trị Càn khôn thế giới. **Phật Pháp không thay đổi nhưng chủ ngôi Tăng thay đổi tùy theo từng thời kỳ phổ độ**, như Đức Phật Nhiên Đăng (Nhất kỳ phổ độ), Đức Phật Thích Ca (Nhị kỳ phổ độ) và trong thời Tam kỳ phổ độ này là Đức Phật Di Lặc.

Như vậy, Phật-Mẫu là Đấng Tạo-Đoan cả Càn-Khôn **hữu-vi**, nắm trọn chơn- pháp **tạo thành sắc-tướng cho muôn loài trong vũ-trụ**, ban cho ta Chơn-Thần để bảo-sanh thể xác, gây dựng nên cơ Đồi, lập thành trường thi công-quả, hầu đoạt phẩm-vị Thiêng-Liêng. Chương quyền khai tông định Đạo, dưỡng sanh đảm bảo hồn hài cho vạn-vật, tức là mẹ sanh của tất cả.

**HỎI 18: CÙNG KIẾNG TỐN KÉM NHIỀU, NHƯ NGHÈO QUÁ THÌ LÀM SAO?**

**ĐÁP:** Quý hay không là tại lòng mình. Kẻ thành tâm, dầu một nhánh cây, một ly nước lạnh trong sạch cũng đủ cho Trời, Phật chứng lòng. Kính thành Trời, Phật mà không biết lấy chi tỏ ra bề ngoài, nên mới dùng sự cúng kiếng. Trời, Phật có chứng là chứng tác lòng thành, chớ không vì lễ vật. Thượng Đế có giáng cơ cho một bài như vậy:

*“Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,  
Không cần hạ giới vọng cao ngôi.  
Sang bản trời mặc, tâm là quý,  
Tâm ấy tòa sen của Lão ngôi”.*



**HỎI 19: SAO VẤN CHƯƠNG DẠY ĐẠO ĐỌC THẤY KHÔNG ĐƯỢC CAO SIÊU, TRAU CHUỐT, CẦU KỶ?**

**ĐÁP:** Nếu dùng lời văn quá cao xa, bóng bẩy, trừu tượng như trước đây, nhân sanh phần nhiều học thức không cao sẽ thấy khó hiểu. Nay buổi Đạo trời khai mở, Đức Thượng-Đế muốn độ toàn vạn-linh sanh chúng nên Ngài dùng lời văn giản dị để phần lớn đọc là hiểu.

Đức Hộ-Pháp có nói rằng: \*Tôi thấy phần nhiều sách vở của nhiều người đạo-hữu viết ra chẳng dùng lý lẽ giản-dị lại dùng văn mắc-mở, ý tứ rất cao-kỳ, làm cho phần đông coi không hiểu thấu nên không bỏ ích chi cho Đạo hết. Rất đỗi Thầy còn phải dùng tiếng nói dễ-dàng rẻ rúng mà làm thi dạy Đạo thay! Nhờ vậy mà văn-từ của Thầy ai coi cũng hiểu. Tôi xin chư đạo-hữu coi cách hành-văn của Thầy, đọc lại mấy bài thi Thầy dạy Đạo thì sẽ thấy rõ ý tứ dẫu cao kỳ, mà câu văn ai cũng hiểu. Tôi dám chắc rằng tuy vậy mặc dù mà cái ngòi văn tuyệt bút rõ-ràng, càng hiểu càng thấu tứ lại càng thâm-thúy vô cùng. Tôi nhớ có một phen kẻ nghịch Đạo để lời dèm pha biếm-nhê rằng văn-từ của Thầy xem rất thường tình, tôi chấp bút phân-phiên cùng Thầy. Thầy dạy rằng:

*“Con ôi! trong anh em của con phần dốt nhiều hơn phần hay chữ, đũa ám muội đông hơn đũa thông-minh; Thầy đến chăm-nom dạy-dỗ đũa ngu-dốt hơn là đũa hay giỏi; thà là đũa sáng khôn quá hiểu mà chê Thầy hơn là đũa dốt nghe Đạo Thầy không rõ lý.*

*“Thầy cười rồi tiếp nữa rằng: Thầy muốn Đạo của Thầy làm thế nào cho trẻ con lên ba tuổi cũng hiểu đặng,*

*con nghĩ sao con? ”.*

*(PHƯƠNG TỬ ĐẠI ĐẠO)*

**HỎI 20: SAO MẤY VỊ THIÊN PHONG ĂN MẶC CHI ĐÙ MÀU?**

**ĐÁP:** Đạo là việc trọng, cần phải lập chánh thể, cho có lớn nhỏ để diu dắt nhau cho có điều trật tự. Ba sắc áo đỏ, vàng, xanh chỉ về ba phái trong Tam Giáo:

- **Sắc đỏ** thuộc về **phái Ngọc (NHO)**
- **Sắc vàng** thuộc về **phái Thái (THÍCH)**
- **Sắc xanh** thuộc về **phái Thượng (ĐẠO)**

Còn như Tín đồ mặc toàn **sắc trắng**, nghĩa là hễ bước chơn vào đường Đạo rồi, nhứt nhứt phải giữ lòng thanh bạch, rồi mới mong bước lên hàng Chức Sắc. Thiên phục chỉ để dùng trong khi hành lễ mà thôi, giống như trong các tôn giáo khác.

**HỎI 21: LỊCH SỬ NHÂN LOẠI TRONG VÒNG 3000 NĂM TRỞ LẠI ĐÃ CÓ NHIỀU NỀN TÔN GIÁO, SAO PHẢI LẬP TÔN GIÁO MỚI?**

**ĐÁP:** Đạo đã có sẵn từ tạo Thiên, lập Địa, hễ có Trời tức là có Đạo. Hư Vô là Đạo, Âm Dương là Đạo, Trời Đất là Đạo, nhơn vật là Đạo. Các nền tôn giáo lớn bị phàm ý của người đời sửa đổi, thêm bớt nên càng ngày càng sai lệch so với chơn truyền.

Chánh giáo theo thời gian bị biến cải thành Phàm giáo. Thượng Đế lấy làm đau đớn, thấy hằng hà vô số nhơn sanh phải bị sa vào tội lỗi, bị đọa đày chốn A Tỳ, nên nhứt định chuyển Tam Giáo qui nguyên phục nhứt, chấn hưng Tôn giáo lại cho hoàn toàn, rồi khêu sáng ngọn đèn thiêng liêng lên để diu dắt bước đường cho chúng

sanh khỏi lạc lối.

**HỎI 22: THẬT BẢN KHOẢN KHÔNG BIẾT NÊN THỜ PHẬT, THỜ CHÚA HAY THỜ THƯỢNG ĐẾ?**

**ĐÁP:** Khi Thích Ca truyền đạo, dân Braman cho là bàng môn; khi Lão Tử truyền đạo thì đời cho là phù phép mê hoặc; khi Chúa Jésus truyền đạo thì dân Israel gọi là tà đạo. Khi được hỏi về Thượng Đế, Phật tử thường là không tin.

Chân lý Triết học không thể chứng minh như khoa học mà chỉ khêu gợi, giác ngộ. Đó mới là Đạo tâm sâu kín. Hai nền văn minh lớn và cổ của nhân loại là Ấn độ và Trung Hoa từ xa xưa đã tin có ngôi Thượng Đế thống ngự vạn vật. Hội Thông Thiên Học là một hội nghiên cứu những luật bí ẩn của Trời Đất, của Thiên đình và những quyền năng ẩn tàng trong con người. Theo đó, Người Thông Thiên Học kính trọng tất cả các tôn giáo và cũng kính tất cả các Đức Giáo chủ, thờ phượng tất cả các Đấng Trọn Lành (Trời, Phật, Thánh, Tiên) vì biết rằng các tôn giáo đều do một gốc, một luật mà ra. Gốc ấy, luật ấy đều từ Đấng Tạo hóa.

Dưới trần thế, sở dĩ có nhiều Đạo là vì có nhiều nước, nhiều giống dân, nhiều màu da, nhiều trình độ tiến hóa khác nhau. Người Âu Châu, phần lớn giữ Đạo Ki Tô (Công giáo), gọi **Đức Jésus là Chúa Cứu Thế**; người Á Châu phần đông theo Phật giáo, gọi **Đức Phật Thích Ca là Đấng Giác ngộ**. Hai tôn giáo này nằm trong số những tôn giáo có số tín đồ nhiều nhất trên hoàn cầu này. Nhưng ít ai biết rằng hai Đấng Giáo chủ ấy và luôn cả các Giáo chủ của các Đạo khác đều do một gốc mà ra. Tuần lịnh

Đức Ngọc Đế trên Thiên đình, các Đấng Giáo chủ, mỗi Ngài xuống một nơi để dạy Đạo. Đức Chúa Jêsus xuống thế dạy Đạo cho nhơn loại trong thời buổi ấy để nhơn loại tiến hóa theo Cơ Trời. Ngài giảng trần gần bên Âu Châu, nên người Âu Châu gần gũi Ngài và theo Đạo của Ngài nhiều hơn. Còn Đức Phật Thích Ca giảng trần bên Á Châu, xác phàm là người Ấn Độ, tên là Cakyamouni, tức là Thích Ca Mâu Ni, mà dạy Đạo. Đức Thích Ca lâm phàm tại Ấn Độ nên người Á Châu được gần gũi Ngài và theo Đạo của Ngài nhiều hơn. Khi hai vị Giáo chủ làm xong phận sự thì hai Ngài đều bỏ xác phàm mà trở lại ngôi thứ cũ ở Thiên đình và không ngừng lo cho sự tiến hóa của nhơn loại. Hai Đức Giáo chủ thường gặp nhau ở Thiên đình và chắc không khi nào hai Ngài nói: Đạo người, Đạo ta bao giờ. Vậy, ai là người đi tìm Chơn lý, nên mở trí cho thật sâu rộng để thấu rõ nguồn cội của mình.

Các dân tộc trên thế giới cũng như các tôn giáo đã ra đời đều tin có một Lý Tuyệt đối, tối cao, siêu nhiên mà loài người không ý niệm nổi. Dù con người tin hay không, vũ trụ và chúng sanh đều chịu thống quản bởi luật của Thiên điều. Đấng điều khiển ấy là Đức Chí Tôn, Đức Thế Tôn, Ông Trời, Đức Chúa Trời, Đức Thượng Đế v...v. tùy theo quan niệm và tên gọi của mỗi dân tộc.

**HỎI 23: TẠI SAO NÓI CÓ BA THỜI KỲ PHỔ ĐỘ?**

**ĐÁP:** Mỗi nguơn-hội, Đức Chí-Tôn đều có mở một kỳ Phổ-Độ để cứu vớt chúng-sanh.

I. Các tôn giáo lớn thuộc *Nhứt Kỳ Phổ Độ* mở ra vào thời thái cổ gồm:

- Nhiên Đăng Cổ Phật mở Phật giáo ở Ấn Độ.

- Thái Thượng Đạo Tổ mở Tiên giáo ở Trung hoa.
- Vua Phục Hy khởi đầu Nho giáo ở Trung hoa.
- Thánh Moïse mở Do Thái giáo ở nước Do Thái.

II. Các tôn giáo lớn thuộc **Nhị Kỳ Phổ Độ** mở ra vào thời thượng cổ, gồm:

- Phật Thích Ca mở Phật giáo ở Ấn Độ.
- Lão Tử mở Tiên giáo ở Trung hoa.
- Khổng Tử chấn hưng Nho giáo ở Trung hoa.
- Chúa Jêsus mở Kỵ Tô giáo ở Do Thái.

III. Cuối Hạ nguyên tam chuyển, Đức Chí Tôn mở lòng đại từ đại bi khai **Tam Kỳ Phổ Độ** tại nước Việt Nam, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Đạo Cao Đài, sẽ kéo dài đến 700 ngàn năm tạo lập thời Thượng nguyên Thánh đức.

**HỎI 24: TẠI SAO GỌI LÀ ĐẠI ÂN XÁ?**

**ĐÁP:** Mỗi kỳ phổ-độ đều có mở một cuộc ân-xá; nhưng tại sao trong Tam-kỳ Phổ-Độ lại gọi là Đại-ân-xá? Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thực sự là một cuộc Ân-xá lớn của Đức Thượng-Đế. Đức Ngài ban nhiều ân huệ để tha thứ tội tình của con cái, đem về hiệp một cùng Ngài. Các ân huệ của Ngài được nhìn thấy trong các bí pháp và các bài Kinh tận độ:

1. Đức Chí-Tôn mở Đạo kỳ này cho Kinh tận độ người sống và độ luôn cả linh-hồn người chết. Đức Chí-Tôn ban cho các Bí-pháp:

- **Tâm Thánh** cho các trẻ em con nhà Đạo.

– Người mới nhập môn vào Đạo Cao-Đài khi lập minh-thệ thì được hưởng đặc ân là thọ **phép Giải oan**. Phép này rửa sạch tội tiền khiên của mình từ những kiếp trước, nhưng kể từ ngày nhập môn về sau phải lo lập công quả và không gây nên tội mới.

– Người tín đồ Cao-Đài nào giữ đặng mười ngày chay mỗi tháng đổ lên được thọ truyền bửu pháp tức là được hưởng **phép xác**, là được cắt bảy dây oan nghiệt nên được xuất ra nhẹ-nhàng để về cõi thiêng-liêng hằng sống. Còn **phép độ thẳng** là để giúp cho linh hồn những Chức-sắc được nhập vào Bát-quái-đài dễ-dàng hơn. Các đẳng chơn hồn từng nơi chơn pháp của Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, một khi xuất lìa khỏi xác thì được pháp của Lục Nương Diêu-Trì-Cung và Tiếp-Dẫn Đạo-Nhơn đưa phước linh dẫn đường, (khỏi sợ lạc vào Tam thập lục động của Quỷ-vương) để đi thẳng về với Chí-Tôn và Phật-Mẫu.

2. Đức Chí-Tôn mở rộng cửa cho các đẳng linh-hồn đầu cho nguyên-nhân, hóa-nhân hay qui-nhân cũng đều được cứu độ hết.

3. Đức Chí-Tôn còn cho đóng cửa Địa-ngục và bãi bỏ hết những khổ hình đã đặt để từ xưa đến giờ nơi cửa Thập điện Diêm cung để cho các chơn hồn kể từ nay chiếu luật vay trả ở tại mặt thế này cho đến khi nào sạch hết oan khiên thì sẽ đặng ân-thương. Đức Chí-Tôn còn quyết “*Khai cơ tận-độ Cửu-tuyên diệt vong*”. Điều đó có nghĩa, kể từ ngày mở Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ cái Địa-ngục kia đã bị tiêu-diệt, đó là điều trọng hệ.

Đức Hộ-Pháp cho biết: “**Mỗi ngươn niên, theo ta hiểu biết cái đại nghiệp của càn khôn vũ-trụ với triết lý nhà Phật, thì cả tinh-thần lẫn vật-chất của vạn linh đều**

thay đổi mới. Theo cái triết-lý ấy thì ngày nay là ngày các chơn hồn dạng quyền Chí-Tôn ân-xá nếu không nói rằng hưởng được một sự tấn-hóa đặc ân hơn nữa!

...Ngài đến để hai chữ Ân-xá thì chúng ta đoán hiểu rằng “Ngài đã đến rồi!” và Ngài biết con cái của Ngài đã chịu khổ nhiều rồi, đã có nhiều phương-pháp giải khổ của Ngài đến giao nơi mặt địa cầu này. Từ thử đến giờ cái thống khổ tâm hồn hơn loại bao nhiêu thì Ngài thống khổ bấy nhiêu, Ngài đến đem Long-Hoa-Hội cốt để bảo-thủ hai chữ Ân-xá. Trong bao nhiêu đó, chúng ta cũng đủ thấy lòng thương-yêu vô tận của Ngài thế nào... Ngài sẵn-sàng để hai chữ Ân-xá thì mấy người xin cái gì thì Ông cũng cho cái ấy”.

Tóm lại, trong Tam-Kỳ Phổ-Độ lần này Đức Thượng Đế đã ban cho nhân-loại một đặc ân chưa từng có. Chúng sanh được tận độ về cả hai phương diện: độ sanh và độ tử.

– Lúc còn sống, Ngài dùng đủ mọi phương diện để độ rồi và dạy dỗ con cái sống cho nên Đạo.

– Khi chết rồi, có đủ kinh tận độ linh hồn cùng ban những bí pháp để rửa tội, và còn được siêu rồi bởi Đức Chí Tôn để có thể về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**HỎI 25: TẠI SAO BUỔI NÀY NÊN TU THEO ĐẠO CAO ĐÀI?**

**ĐÁP:**

1. Trong Tam-Kỳ Phổ-Độ lần này, Đức Thượng Đế đã ban cho nhân-loại một đặc ân chưa từng có. Chúng sanh được tận độ về cả hai phương diện: độ sanh và độ tử.

2. Khi nói đến TU là nghĩ ngay rằng là phải vô chùa hay tu viện, bỏ lại sau lưng tất cả những gì gọi là ĐỜI.

Nhưng nay, với tinh-thần Cao-Đài Đại-Đạo trong ngôn ngữ này, ý nghĩ tu như vậy không còn đúng nữa; gọi là **tu nhập thế**.

Đạo Cao-Đài là một nền Đạo tu nhập thế tức nhiên có đường lối rõ-rệt; qua lời dạy của Đức Hộ-Pháp: *“Đạo Cao-Đài vốn là một Tôn-Giáo để cứu khổ cho nhân-loại. Đạo Cao-Đài cốt yếu không phải làm chủ thiên-hạ, mà cốt-yếu làm tôi-đòi tạo hạnh-phúc cho thiên-hạ, tạo cái hạnh-phúc chơn thật.”*

3. Thánh-giáo của Chí-Tôn đã tiên-tri hồi mới khai Đạo năm Bính-Dần:

“Đạo bị bế lại gần hai ngàn mấy trăm năm, thậm thương cho các con, tu có công mà thành chẳng đặng. Nếu không đi vào con đường Tam-Kỳ Phổ-Độ thì không thể gì đi con đường nào về Cực-Lạc Thế giới là vậy đó...”

Ai là người hữu duyên hữu phước được sanh vào thời kỳ này khá sớm mau thức tỉnh nhập vào cửa Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ để được hưởng hồng-ân của Đức Thượng Đế. Nếu để lỡ trễ kỳ Đại-ân-xá này, không biết phải chờ đến mấy muôn ngàn kiếp nữa?.

**HỎI 26: MUỐN VÀO ĐẠO CAO ĐÀI THÌ THỦ TỤC NHƯ THẾ NÀO?**

**ĐÁP:** Bước đầu tiên để một người thường trở thành đệ tử Cao Đài là phải NHẬP MÔN cầu Đạo.

Người muốn nhập môn lập Minh thế trước Thiên bàn thờ Đức Chí Tôn và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Lời minh thế phải được phát âm thành tiếng nói rõ ràng trước sự chứng kiến vô hình của Thần linh và giới chức sắc, chức việc có thẩm quyền Hành chánh Đạo về



mặt hữu hình. Điều quý báu là Lời Minh thệ do Đức Chí Tôn đặt ra, nên về mặt Thần quyền có hiệu quả rất quan trọng.

Lời Minh Thệ cho các tín đồ gồm 36 chữ, có in rõ trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

*Tên gì?..... Họ gì?.....*

***“Thê rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục.”***

Đây là một nghi lễ hữu hình nhưng rất có giá trị về mặt tâm linh. Người hành lễ là một vị Chức Sắc ở cấp nào cũng được. Tại các địa phương hẻo lánh không có chức sắc thì do chức việc trong “*Bản Trị Sự*” hành lễ. Sau nghi lễ đó, người đệ tử được cấp một giấy chứng nhận tạm thời gọi là “SỐ CẦU ĐẠO”.

#### **HỎI 27: Ý NGHĨA CỦA LỜI MINH THỆ?**

**ĐÁP:** Hội Thánh có ban hành một văn bản chánh thức dẫn giải Lời Minh thệ. **Ý nghĩa lời Minh thệ trên là: lời tuân hứa nhứt quyết cùng Đấng Thượng Đế, để trọn tâm thi hành Thiên đạo và cam kết làm tròn phận sự y theo lời Minh thệ.**

*Điều thứ nhứt: Biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế.*

Là trọn nhìn một Đạo Cao Đài của Chí Tôn, ngoài ra không đặng xu hướng theo ngoại giáo, tà quyền, lập nên phe đảng, chia rẽ tâm lý, gây nên sự rắc rối chia ly làm mất đức tin trong cửa Đạo.

*Điều thứ nhì: Hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao*

*Đài.*

Tín đồ nhập môn rồi phải tuân hành luật pháp chơn truyền của Đại Đạo là: Tân Luật, Đạo Luật, Pháp Chánh Truyền, v.v... và thi hành các qui điều giáo huấn của Hội Thánh để làm tròn phận sự mình. Ấy là phương hiệp đồng nhứt trí của toàn đạo, tín đồ, Chức việc, Chức sắc Hội Thánh để nhứt gìn Luật lệ Cao Đài của Đấng Chí Tôn.

*Điều thứ ba: Như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục.*

Ấn ở hai lòng, bất trung bất chánh, dối Thầy phản bạn và làm những việc trái với luật lệ của Đại Đạo cùng hành động vô nhân vô nghĩa, mất sự thương yêu, mất điều tín nhiệm, gieo rắc những điều ngờ vực, hiểm khích giữa tình đồng đạo và manh tâm bội nghịch cùng Hội Thánh, sẽ chịu luật công bình của Trời Đất tru diệt. Minh thệ đối với luật vô vi tức là Thiên điều của Chí Tôn và các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần cấm quyền trị thế, là một ân huệ được chọn làm môn đệ của Đấng Chí Tôn. Khi giữ tròn lời Minh thệ sẽ được Đấng hộ trì ban ân lành, đạo tâm sáng suốt, trọn vẹn đức tin, đến ngày thành công đắc đạo, được ghi tên vào Tiên tịch (Bộ Tiên).

**HỎI 28: TẠI SAO MUỐN VÀO ĐẠO PHẢI MINH THỆ?**

**ĐÁP:**

– VỀ HÀNH CHÁNH ĐẠO: Để có đủ yếu tố pháp lý cấp giấy chứng nhận tín đồ gọi là Sơ Cầu Đạo.

– VỀ CÁ NHÂN NGƯỜI VÀO ĐẠO: Minh thệ cốt để tín đồ dứt khoát tư tưởng mà thủ tín với lời thề, không dám làm điều gì trái với lời thề tức là trái với luật đạo, để hết lòng lo lập công bồi đức, trau tâm luyện tánh mà đạt

đến phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

– VÊ THẦN QUYÊN: Chúng ta biết rằng mỗi linh hồn đều có quyền tự chủ của mình, thăng hay đọa là do luật nhân quả tác động một cách vô tư do sở hành của chính linh hồn ấy gây ra. Vì vậy phải có lời minh thệ là một hình thức cam kết tự nguyện sống trong giáo pháp Đạo Cao Đài, chấp nhận sự thưởng phạt của các chơn linh cao trọng đóng vai trò người hướng đạo cho mình trong suốt cuộc hành trình trở về cùng Thượng Đế thì những chơn linh ấy mới sẵn sàng can thiệp vào đời sống của mình với mục đích yểm phạm phục thánh.

Điều kiện này được xác định qua lời dạy của Đức Chí Tôn đối với một số môn đệ tại Cần-Giuộc chưa qua thủ tục nhập môn trong thời kỳ mới khai Đạo.

*« Qui Vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con, Thấy chẳng chịu cho hành xác, chúng nó hiệp Tam Thập Lục Động toan hại các con. Nên Thầy sai Quan Thánh và Quan Âm gìn giữ các con nhưng phần đông chưa lập minh thệ nên chư Thần Thánh Tiên Phật không muốn nhìn nhận». (TNHT 1. 7. BD)*

Người có lập Minh thệ thì các Đấng thiêng liêng mới nhìn nhận là môn đệ của Đức Chí Tôn, tức là tín đồ của Đại Đạo. Khi được làm môn đệ của Đức Chí Tôn thì mới hưởng được hồng ân của Đức Chí Tôn ban cho như sau:

– Môn đệ giữ tròn luật đạo và ăn chay được 10 ngày trong một tháng thì vào hàng Đạo hữu, đổi phẩm Địa Thần trong Cửu phẩm Thần Tiên.

– Môn đệ giữ tròn luật đạo và ăn chay 10 ngày mỗi tháng thì khi qui liễu mới được làm Phép Xác, Phép Đoạn

Căn, làm Tuần Cửu, Đại Tường và Tiểu Tường, để đưa chơn hồn đi lên các tầng Trời, bái kiến các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, bái kiến Đức Phật Mẫu và Đức Chí Tôn, sau đó mới được Tòa Tam Giáo Ngọc Hư Cung định phận.

**HỎI 29: KHÔNG NHẬP MÔN TU ĐẰNG CHẰNG?**

**ĐÁP:** Có những giáo pháp chủ trương không cần đến tha lực mà chỉ tập trung ý chí của mình để phát triển nội lực, thôi thúc tiến trình hoàn thiện đến mức độ giác ngộ. Trên bình diện ngôn ngữ chúng ta thấy có sự khác biệt giữa các giáo pháp nhưng trên thực tế, sự chuyển hóa dòng sinh lực nội thân khi con người có những cố gắng tu học vẫn giống nhau.

Khi người tín đồ chân thành cầu nguyện sự trợ giúp của Thần Linh hay chỉ tập trung ý chí muốn hoàn thiện bản thân kết quả của hai phương pháp này vẫn giống nhau ở chỗ là làm cho sức sống tâm linh của mình trở nên mãnh liệt hơn thì phương pháp cầu nguyện Thần Linh trợ lực cũng là một hình thức nâng cao ý chí hoàn thiện và ngược lại tập trung ý chí hoàn thiện cũng là một hình thức thu hút sự trợ lực của Thần Linh qua luật giao cảm tự động. Đó là chỗ gặp nhau giữa các giáo pháp. Hễ mình biết và tu hành thật sự thì đương nhiên tinh thần trở nên tinh tấn còn tranh luận về giáo pháp chỉ là kiến thức mà thôi. Do đó khi đã chọn một giáo pháp nào cần phải theo đuổi cho đến nơi đến chốn. Vị Giáo chủ nào cũng chỉ có mục đích là dạy cho con người làm lành lánh dữ.

**Thủ tục minh thệ nhập môn trong Đạo Cao Đài là một sự ràng buộc cần thiết để giúp người tín đồ chế**

**ngự phạm tánh cho dễ dàng đi đến đích sau cùng của đời tu là giải thoát.**

**HỎI 30: CÒN NGƯỜI THẤT THỆ THÌ SAO?**

**ĐÁP:** Từ ngày lập đạo, Đức Chí Tôn chưa hề bắt buộc người nào theo Đạo. Đức Chí Tôn chỉ vạch ra cho nhơn sanh thấy con đường nào chánh, con đường nào tà, con đường nào chơn thật đưa đến giải thoát khỏi luân hồi, con đường nào quanh co đưa đến tội tình sa đọa. Nhơn sanh hiểu biết rõ như thế để giác ngộ, rồi đi con đường nào hay không đi là tùy ý nhơn sanh lựa chọn và định đoạt.

*TNHT: Nếu kẻ nào biết hiểu Thánh Ngôn của Thầy nơi miệng các con mà tỉnh ngộ thì số hàng sống của nó vốn còn, còn chẳng thì thôi, để chúng nó theo Tà quai.*

*TNHT: Đạo là quý, của quý chẳng bán nài, các con đừng thối chí.*

Lập Minh thệ là sự biểu lộ quyết tâm theo Đạo đến trọn đời. Theo Đạo là một đại sự trong cuộc đời mình, nhập môn cầu Đạo và Lập Minh thệ là một khúc quanh vô cùng quan trọng trong cuộc đời của mình, nên cần phải cân nhắc cẩn thận, tìm hiểu cho kỹ lưỡng, xét nét thật nghiêm chỉnh các mặt.

Thời kỳ này là mạt kiếp của Hạ Nguơn Tam Chuyển, bước qua Thượng Nguơn Tứ Chuyển lập đời Thánh đức, nhơn loại phải trải qua một cuộc Đại Phán Xét cuối cùng, để chấm dứt một chu kỳ tiến hóa cũ, bắt đầu một chu trình tiến hóa mới. Bởi vậy Đức Chí Tôn buộc Minh thệ là thể lòng thương yêu vô lượng của Đấng Cha Lành, buộc con cái phải gấp rút tu hành để kịp trở về cùng Ngài.

Đương nhiên luật công bình thiêng liêng mở ra có thưởng ắt có phạt. Nếu thực thi đúng theo lời Minh thể thì chắc chắn sẽ được thiêng liêng ân thưởng như đã trình bày bên trên, còn nếu không giữ đúng lời Minh thể thì ắt bị phạt.

Thất thể là mất lời thể, không giữ được lời thể, không thực thi đúng lời thể. Thất Nương Điều Trì Cung giảng giải về cõi Âm Quang cho biết như sau:

*“Ôi! Tuy vẫn, hồng ân của Đại Từ Phụ như thể mà vẫn thấy các chơn hồn sa đọa hàng hà, mỗi ngày chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng tin cậy nơi Thấy. Đó là mấy Đạo hữu, tín đồ bị thất thể.”*

TNHT: *Hồng ân của Đại Từ Phụ như thể mà vẫn thấy các chơn hồn sa đọa hàng hà, mỗi ngày xem chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thấy, đó là mấy Đạo hữu tín đồ thất thể.*

**HỎI 31: SAU KHI NHẬP MÔN RỒI, NGƯỜI TÍN ĐỒ CÓ NHỮNG BỐN PHẬN GÌ?**

**ĐÁP:** Sau khi nhập môn, người tín đồ phải gìn giữ một vài điều khoản luật định sơ khởi và thực hành một vài nghi lễ thường xuyên như:

– **Ăn chay mỗi tháng ít nhất 6 ngày:** 6 ngày chay trong tháng âm lịch là mồng 1, 8, 14, 15, 23, 30 (Như tháng thiếu thì ăn ngày 29 thế cho ngày 30)

– Ăn chay theo Đạo Cao Đài có nghĩa là nuôi dưỡng cơ thể bằng chế độ thực phẩm gốc ở thực vật. Họ không được phép ăn thịt của bất kỳ loại động vật nào trong ngày chay lạt, từ con thú lớn như thịt bò, thịt heo cho đến tôm cua. Nói cách khác, thực phẩm mà họ dùng không do một

vụ sát sanh động vật nào.

– **Sau 6 tháng, người đệ tử bắt đầu ăn chay 10 ngày trong một tháng:** 10 ngày chay trong tháng âm lịch là mồng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30 (Tháng thiếu ăn ngày 27, 28, 29)

– **Châu lễ Chí Tôn tại các Thánh Thất vào ngày rằm và mồng một âm lịch:** Mỗi tháng hai kỳ người đệ tử nên đến Thánh Thất cúng. Những bài kinh có tính cách đồng nhất cho tất cả mọi nơi.

Sau 6 tháng, nếu tín đồ làm tròn những phận sự này sẽ được Hội Thánh cấp cho SỐ CẦU ĐẠO thiết thọ.

**HỎI 32: LUẬT HÌNH TRONG ĐẠO CAO ĐÀI NHƯ THẾ NÀO?**

**ĐÁP:** Về luật hình, có Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Qui, áp dụng cho tất cả tín đồ, dầu ở cấp bậc nào cũng vậy.

**HỎI 33: GIẢI THÍCH NGŨ GIỚI CẤM?**

1. NHỨT BẤT SÁT SANH là chẳng nên sát hại sanh vật.

2. NHÌ BẤT DU ĐẠO là cấm trộm cướp, lấy ngang lưng gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy, để ý hại người mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận.

3. TAM BẤT TÀ DÂM là cấm lấy vợ hoặc chồng người, thả theo đảng điểm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt (vợ chồng không gọi tà dâm).

4. TỬ BẤT TỬU NHỤC là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon bụng mơ đồ mỹ vị.

5. NGŨ BẤT VỌNG NGŨ là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người; khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mắng thô tục, chửi rủa người; hủy báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa...

**HỎI 34: GIẢI THÍCH TỬ ĐẠI ĐIỀU QUI?**

I. Phải tuân lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bậc thấp hơn, điều độ, lấy lễ hòa người, lỡ lầm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

II. Chớ khoe tài đừng cao ngạo, quên mình làm nên cho người, giúp người nên Đạo, đừng nhớ cừu riêng, chớ che lấp người hiền.

III. Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả, đối với trên dưới đừng lờn dễ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

IV. Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi lại khi sau. Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngồi mà xem không để lời hòa giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung, pháp luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên để dưới, đừng cậy quyền mà yếm tài người.



**HỎI 35: NGHE NÓI TRONG CAO ĐÀI GIÁO, TÍN ĐỒ ĂN CHAY ĐƯỢC PHÉP DÙNG TRỨNG, TÔM CUA...?**

Ăn chay là chỉ ăn các loại thực phẩm phát xuất từ ngũ cốc, thảo mộc hay được chế biến từ thảo mộc. Chữ “**chay**” do chữ Hán là “**trai**” nói trại ra. Trai có nghĩa là trong sạch, thanh tịnh.

Trai kỳ là ăn chay kỳ, tức là ăn chay một số ngày nhứt định trong mỗi tháng âm lịch, những ngày còn lại thì được ăn mặn. Có hai loại trai kỳ: Lục trai và Thập trai.

– *Lục trai* là ăn chay mỗi tháng 6 ngày, đạo Tiên gọi là Nguơn Thủy Lục trai, do Đức Nguơn Thủy lập ra. Sáu ngày chay qui định trong tháng âm lịch là: 1, 8, 14, 15, 23, 30. Nếu tháng âm lịch thiếu, không có ngày 30 thì ăn chay ngày 29 thế vào cho đủ 6 ngày chay.

– *Thập trai* là ăn chay mỗi tháng 10 ngày, đạo Phật gọi là Chuẩn Đề Thập trai, do Đức Phật Chuẩn Đề lập ra. Mười ngày chay qui định trong tháng âm lịch là: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30.

Nếu tháng âm lịch thiếu, không có ngày 30 thì ăn chay ngày 27 thế vào cho đủ số 10 ngày chay.

– *Trường trai* là ăn chay trường, tức là ăn chay từ ngày nầy qua ngày khác (không có ngày nào ăn mặn).

Theo Tân Luật, các tín đồ còn trong cấp Hạ thừa thì ăn chay kỳ tức là ăn 6 ngày hoặc 10 ngày trong tháng; còn các tín đồ trong bậc Thượng thừa thì ăn chay trường.

Trong bậc Hạ thừa, ăn chay 6 ngày trong một tháng là giai đoạn tập sự để cho quen dần với việc ăn chay, không nên giữ hoài như vậy, mà sau đó phải ráng tiến lên ăn chay

10 ngày trong một tháng thì mới được nhìn nhận là tín đồ thiết thọ chánh thức của Đạo Cao Đài, mới thọ hưởng được các bửu pháp khi qui liễu, tức là các phép bí tích độ hồn trong cơ tận độ của Đức Chí Tôn; nếu còn ăn chay 6 ngày trong một tháng thì không hưởng được những điều này và tang lễ chỉ làm bạt tiến mà thôi. *(Làm bạt tiến là làm lễ để cử dâng lên các Đấng thiêng liêng xin cứu giúp vong hồn cho được siêu thăng).*

**Hai bực tín đồ: 10 ngày chay và 6 ngày chay trong một tháng, chỉ khác nhau có 4 ngày chay, mà quyền lợi trong Đạo rất khác biệt nhau. Chúng ta rất nên lưu ý.**

Ngũ vị tân là 5 thứ có vị cay nồng và mùi hôi. (Tân là cay).

Ngũ vị tân gồm: hành, hẹ, tỏi, kiệu, nén.

Theo Phật giáo thì kỵ, Tiên giáo thì không.

Phật vì tích Mục Liên Thanh Đề gọi là uế vật, là phi.

Tiên đạo cho dùng các thảo mộc, chẳng kỵ vật chi.”

Trong quyển sách Thiên Đạo của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có dạy như sau:

*“Trong Trời Đất không có chi là tuyệt đối, thì sự ăn chay tất nhiên cũng không nên tuyệt đối. Cái nguyên tắc của sự ăn chay là ăn toàn những chất thuộc thảo mộc, thì năm thứ: hành, hẹ, tỏi, nén, kiệu, gọi là Ngũ luân, vẫn là thảo mộc.*

*Có cũ chẳng là những bậc công cao quả dày, tham thiên nhập định, vì nó có tính cách kích thích và thương tổn tinh thần. Người mới học đạo cần phải lao động trong trường công quả thì chưa buộc phải kiêng cũ, nhưng ai kiêng cũ được cũng nên.*

*Vậy, việc ăn chay cũng như việc tu hành, không nên thái quá mà cũng không nên bất cập.”*

Như vậy, trong Cao Đài giáo không cho phép ăn trứng, tôm, cua trong ngày chay. Có những vị muốn bớt sát sanh nhưng chưa ăn chay trường nổi thì dùng thêm các thứ đó trong những ngày ăn mặn. Riêng đối với sữa và các sản phẩm từ sữa như phô mai thì không cấm vì không phải sát sinh.

### **HỎI 36: LÀM CÔNG QUẢ LÀ LÀM GÌ?**

**ĐÁP:** Làm công quả là làm những công việc nơi cõi trần để hưởng cái kết quả ích lợi nơi cõi thiêng liêng.

Không phải chỉ có vô Thánh Thất hay Điện Thờ Phật Mẫu làm những công việc nơi đó mới gọi là công quả. Chúng ta phải hiểu cho rộng rãi hơn, nghĩa là làm tất cả công việc giúp đời, giúp người, nói chung là cứu khổ ban vui cho chúng sanh mà không nhận tiền thù lao với tấm lòng vui vẻ tự nguyện thì gọi là công quả.

Trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này, muốn đắc đạo thành Tiên, Phật thì phải làm công quả. Trong TNHT, Đức Chí Tôn xác định rằng:

*“Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của; còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo phải có công quả. Thấy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên đạo. Vậy đắc đạo cũng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ.”*

**Đạo hữu,** khi đi trên con đường đạo, gặp phải nhiều

khó khăn chướng ngại thì nên xin thọ Phép Giải Oan nơi vị Giáo Hữu Khâm Châu Đạo trong những ngày mùng 1 hay 15 tại Thánh Thất. Hiệu quả của Phép Giải Oan được nói rõ trong bài Kinh Giải Oan in trong quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.

**HỎI 37: CÁCH THIẾT LẬP THIÊN BÀN TẠI TƯ GIA?**

**ĐÁP:** Khi đã nhập môn vào Đạo, người tín đồ cần phải lo thiết lập Thiên bàn tại tư gia của mình để thờ phượng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng.

**BÀN THỜ THẦY**

Lập vị THƯỢNG ĐẾ thì phải lựa nơi nào cho tinh khiết, tốt hơn hết là giữa nhà, lập trang thờ cho cao và treo màn cho khuất chỗ thờ phượng.

		I		
4		2		3
6	8	7	9	5
10		12		11

- 1 – Thánh tượng THIÊN NHÂN
- 2 – Đèn Thái Cực
- 3 – Trái cây
- 4 – Bông
- 5 – Nước trà (để bên hữu ấy là ÂM)
- 6, 7 và 8 – Ba ly rượu
- 9 – Nước trắng (để bên tả ấy là DƯƠNG)
- 10 và 12 – Hai cây đèn

11 – Lư hương

*Bông chỉ về TINH, Rượu chỉ về KHÍ, Trà chỉ về THẦN  
TINH, KHÍ, THẦN là Tam Bửu của các Đấng Thần,  
Thánh, Tiên, Phật.*

*Thời TÝ, NGỌ cúng RƯỢU.*

*Thời MỆO, DẬU cúng nước ÁMDƯƠNG.*

*Khi cúng THẤY phải đốt cho đủ 5 cây hương:*

*– Cắm hàng trong ba cây gọi là AN TAM TÀI (Thiên,  
Địa, Nhân)*

*– Thêm hàng ngoài hai cây nữa gọi là TƯỢNG NGŨ  
KHÍ.*

Phía dưới Thiên bàn đặt 1 cái mõ và 1 cái chuông.

Tắm Thánh tượng do Hội Thánh in ra và được Hội Thánh trấn Thần trước khi phát ra cho bốn đạo thỉnh về thờ tại tư gia.

Không kể chuông và mõ, trên Thiên bàn có tất cả 12 món, sắp đặt theo hình chữ CHỦ (chữ Nho). Chủ là làm chủ, còn đọc là Chúa: Chủ tể càn khôn vũ trụ, làm Chúa chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Về sự thờ phượng, Đức Chí Tôn dạy như sau:

*“Phần nhiều trong các con chẳng để lòng thờ kính Thầy, tưởng cho đem thờ Thầy vào nhà là chủ ý cầu một việc lợi riêng chi cho gia quyến vậy thôi, chớ chẳng hiểu là một nguồn trong sạch để rửa các lỗi phạm tục của các con. Nhiều đứa lại còn mờ hồ, đã thờ Thầy mà chưa chắc ý rằng thờ đấng chi và mở Đạo có ích gì? Than ôi! Đã bước chân vào đường đạo hạnh mà chẳng để công tìm kiếm học hỏi cho rõ ngọn nguồn thì làm phận sự môn đệ như thế có ích chi cho nên*

*Thánh giáo đâu?”(TNHT 1-2 hợp nhất, B 70)*

**HỎI 38: Ý NGHĨA CÁC PHẨM VẬT TRÊN BÀN THỜ?**

**ĐÁP:** Có 12 phẩm vật trên bàn thờ:

1. **THIÊN NHÃN:** như đã nói ở trên

2. **ĐÈN THÁI CỤC:**

Chính giữa bàn thờ là một cái đèn bằng thủy tinh hình cầu là đèn Thái cực (Thái cực đặng), tượng trưng ngôi Thái cực của vũ trụ. Vũ trụ được tạo ra bởi Thái cực, đó là Đại hỗn vũ trụ, là hình thức không biểu lộ của Thượng Đế.” Đèn Thái Cực tượng trưng ngôi Thái Cực của Đức Chí Tôn nên phải luôn luôn được đốt sáng, dầu có cúng hay không cúng; và vì đèn Thái Cực còn tượng trưng cho cái tâm của ta, đó là ngọn tâm đặng nên phải đốt sáng luôn luôn.

3. **HOA:** (đặt bên trái của Thánh Tượng nhìn ra).

Cúng hoa tươi. Tinh thể của Hoa là Dương. Hoa tượng trưng phạm thể: TINH

4. **TRÁI CÂY:** (đặt bên phải của Thánh Tượng nhìn ra)

Biểu tượng cho Âm tính thuần khiết của sự kết tụ thành Quả từ Hoa mà có (Dương cực âm sinh). Hoa nhờ thiên nhiên cấu tạo và theo thời gian biến thành ra Quả, tượng trưng đắc Đạo.

5. **TÁCH NƯỚC TRÀ:** (đặt bên phải) gọi là Thần của Âm, biểu tượng dòng nước sinh đời đời, Trà nuôi dưỡng nguồn sinh của Thần chảy trong sự sống và cấu tạo thể chất bền vững.

**6,7,8. BA LY RƯỢU:** (Đặt trung tâm Thiên Bàn)

Rượu tượng trưng KHÍ, mà Khí là chơn thần. Khí mang đặc tính Hư Vô, biểu tượng cho mọi sự ngưng tụ của vạn vật muôn loài.

**I. TÁCH NƯỚC TRẮNG:** (đặt bên trái) dương, kết hợp với Trà bên phải là nước Âm Dương

**IO & II. CẶP ĐÈN LƯƠNG NGHI:**

Sự biểu lộ của Thái cực tiếp hiện ra hai hình trạng: Âm và Dương (Lưỡng nghi) được tượng trưng trên bàn thờ bằng hai ngọn đèn ở 2 bên. Hai nghi Âm và Dương do Thái Cực biến hóa tạo ra. Khi cúng Đức Chí Tôn thì đốt lên cặp đèn Lương nghi, cúng xong thì tắt, còn đèn Thái Cực thì phải đốt sáng luôn luôn. Đèn trái là Thái Dương thấp trước, đèn phải là Thái Âm thấp sau.

**12. LỬ HƯƠNG:** cúng tứ thời, Tiểu lễ và Đại lễ đều thấp 5 cây hương..

### HỎI 39: CÁCH CẮM NHANG THẤY KHÁC LẠ?

**ĐÁP:** Trong phần tiểu dẫn về cách thờ phượng và cúng kiếng, nơi phần đầu của quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Hội Thánh viết như sau:

*“Khi cúng Thầy, phải đốt cho đủ năm cây hương, cắm hàng trong ba cây gọi là **Án Tam Tài**, thêm hàng ngoài hai cây nữa gọi là **Tượng Ngũ Khí**.”*

Thứ tự cắm 5 cây hương:

2	1	3
4		5

### **Ấn Tam Tài:**

Ấn là đứng hàng ngang. Tam Tài là: Thiên, Địa, Nhơn.

Ấn Tam Tài là ba ngôi Thiên Địa Nhơn đứng hàng ngang.

Cắm cây hương 1 tượng trưng *Thiên*, cắm cây hương 2 bên phía mặt của bàn thờ thuộc âm, tượng trưng *Địa*, cắm cây hương 3 bên phía trái bàn thờ thuộc dương tượng trưng *Nhơn*.

**Tượng Ngũ Khí:** Cắm thêm ở hàng ngoài hai cây hương 4 và 5, tất cả là 5 cây hương, tượng Ngũ Khí tức là tượng trưng 5 chất Khí, là 5 cái năng lực khởi đầu của vũ trụ. Ngũ Khí là 5 chất khí nên không hình ảnh, thuộc thời Tiên Thiên, nhưng khi ngưng kết lại thì có hình ảnh, thuộc thời Hậu Thiên, tạo thành Ngũ Hành.

Khi đứng trước bàn thờ nhìn vào lư hương, thấy đủ 5 cây hương, không có cây nào bị che khuất là đúng. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giải thích như sau:

*“Nói về năm cây nhang, từ thờ Bản đạo để cho các Nho gia tự do giảng giải sao thì giảng, còn Bản đạo hiểu rõ là Ngũ Khí. Chí Tôn dùng Ngũ Khí biến thành Ngũ Hành, vận chuyển càn khôn thế giới, tức là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Mỗi chất đều có mỗi sắc, mỗi sắc đều có mỗi Khí. Mùi vị và sanh quang của nó, chúng ta không thể hưởng được, nghe được.*

*Nên chi, khi làm lễ đốt đủ Năm cây hương là đúng theo phép tín ngưỡng, là qui pháp lại, mọi vật trong Ngũ Khí dâng lễ cho Đức Chí Tôn, chỉ có Người vui hưởng qui pháp ấy mà thôi. Cắt nghĩa rõ rệt ra là Ngũ Khí đó vậy.*



Ghi chú: Năm cây hương ấy sẽ hiệp với Ngũ hương trong người là:

– **Giải Hương** nghĩa là phải sạch việc trần thì trong mình mới thơm.

– **Định Hương** nghĩa là định tâm, định thần được thì trong mình mới thơm.

– **Tri Huệ Hương** nghĩa là phải phát huệ thì trong mình mới thơm.

– **Tri Kiến Hương** nghĩa là phải biết mình, thấy mình thì trong mình mới thơm.

– **Giải Thoát Hương** nghĩa là luyện đặng dương thần xuất nhập thì trong mình mới thơm

Năm cây hương này là lễ hiến Ngũ Khí dâng lên Đức Chí Tôn. Do đó, không bao giờ được dùng nhang giả (nhang điện) cắm vào lư hương

**HỎI 40: ẤN TÝ LÀ GÌ? CÁCH BẮT ẤN TÝ NHƯ THẾ NÀO?**

**ĐÁP:** Ấn là dấu hiệu đặc biệt về mặt đạo có tác dụng huyền bí do hai bàn tay kết lại tạo ra. Tý là chi đầu tiên trong Thập nhị Địa chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, v.v....

Trên bàn tay trái, vị trí của Tý ở tại chân ngón áp út, Sửu ở chân ngón giữa và Dần ở chân ngón trỏ. Ấn Tý là cái ấn mà ngón tay cái của bàn tay trái co lại chỉ vào chi Tý rồi nắm lại, bàn tay mặt bao lấy bên ngoài bàn tay trái mà ngón cái chỉ vào chi Dần của bàn tay trái.

Ấn Tý là cái ấn đặc biệt của Đạo Cao Đài, cách bắt như sau:

Hình: Hai tay bắt như vậy gọi là Ấn Tý.

Cách bắt Ấn Tý có ý nghĩa về sự tạo thành Trời Đất và Nhơn loại, theo quan niệm của người xưa ở đông phương: Thời gian tạo thành càn khôn vũ trụ và vạn vật được chia làm 12 khoản, mỗi khoản thời gian được gọi là Hội và đặt tên theo Thập nhị Địa chi: Hội Tý là Hội đầu tiên, kể đến Hội Sửu, sau đó là Hội Dần, vv...

- *Thiên khai ư Tý*: Trời mở ra ở hội Tý.
- *Địa tịch ư Sửu*: Đất mở ra ở hội Sửu (tịch là mở).
- *Nhơn sanh ư Dần*: Người sanh ra ở hội Dần.

Các hội tiếp theo là sự tiến hóa của trời, đất, người và vạn vật đến chỗ hoàn hảo.

Ấn Tý là ấn đặc biệt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà Đức Chí Tôn đặt ra. Cho nên trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mỗi khi lạy tín đồ đều phải bắt Ấn Tý trong tất cả các trường hợp; dù đó là lạy Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, lạy các Đấng Thần Thánh Tiên Phật, hay lạy Cửu Huyền Thất Tổ, lạy Vong phàm.



Hình: Hai tay bắt như vậy gọi là Ấn Tý.

**HỎI 41: CÁCH LẠY VÀ XÁ TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ?**

**ĐÁP:** Lạy là gì? Lạy là tỏ ra bề ngoài lễ kính trong

lòng. Tay trái tượng trưng Dương, tay mặt tượng trưng Âm, hai tay chấp lại tượng trưng Âm Dương hiệp như phát khởi càn khôn, hóa sanh vạn vật.

**Hai tay chấp lại bắt theo Ấn Tý tạo hình như một trái cây, tượng trưng sự kết quả của hai thời kỳ Phổ Độ trước là: Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ.**

– **THỜI NHỨT KỶ PHỔ ĐỘ:** Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy cách bắt tay: Bàn tay trái nắm lại, ngón cái để ngoài, bàn tay mặt ộp vào bên ngoài, hai ngón cái đặt song song sát nhau, giống như cái bông búp. Khi lạy thì đứng chấp tay nơi ngực, cúi người xuống thấp, hai bàn tay chống lên đất, hai đầu gối lần lượt quì xuống, cúi đầu gần sát đất. Xong rồi rút hai tay lên, kế chống một gối, đặt hai tay lên gối rồi đứng dậy. Lạy như vậy gọi là *phủ phục*.

– **THỜI NHỊ KỶ PHỔ ĐỘ:** Đức Phật Thích Ca dạy cách bắt tay và lạy như sau: Hai bàn tay xòe ra và chấp lại cho hai lòng bàn tay ộp sát vào nhau, giống như cái hoa sắp nở, khi lạy thì cúi người xuống thấp, mở hai bàn tay ra đặt giữa trên mặt đất, giống như cái hoa nở (gọi là hoa khai), cúi đầu xuống cho trán chạm vào lòng hai bàn tay, xong rút tay lên chấp lại như cũ và đứng dậy.

– **THỜI TAM KỶ PHỔ ĐỘ:** Đức Chí Tôn dạy chúng ta chấp hai tay bắt Ấn Tý, giống như trái cây có cái hột bên trong (gọi là kết quả), quì xuống, cúi đầu và mở hai bàn tay ra đặt úp lên mặt đất, hai ngón tay cái gác chéo nhau (Hình 5), giống như chúng ta gieo hột giống xuống đất, trán cúi xuống chạm nhẹ lên mô bàn tay, rồi cất người lên.

Đạo đã hoàng khai thì như bông sen đã nở, rồi sanh

ra trái, gọi là kết quả, ấy là hai tay ôm tròn lại như trái cây vậy. Mà kết quả rồi không phép hưởng riêng một mình, phải gieo ra cho chúng sanh chung hưởng, gọi là *Phổ độ*. Vì vậy mà khi cúi lạy phải sè hai bàn tay ra như gieo hạt vậy.

Cách lạy ấy cũng do theo nghĩa lý của cuộc tạo Thiên lập Địa. Tay mặt úp ngoài tay trái gọi là *Âm Dương* tương hiệp (hữu là Âm, tả là Dương) mới sanh *Thái Cực* là hai bàn tay ôm tròn lại; *Thái Cực* sanh *Lưỡng Nghi* là hai ngón cái, khi lạy hai ngón cái tréo nhau gài chữ thập, gọi *Lưỡng Nghi* phân *Tứ Tượng*; đoạn tám ngón tay kia trải ra gọi là *Bát Quái*. Nhờ thế mà nhiều kẻ sau nầy được siêu Phàm nhập Thánh gọi là “*Biến hóa vô cùng*”.



**Cách xá:** khi đứng xá, hai tay bắt Ấn Tý, đưa lên trán, ý nghĩa là kính Thiên (Trời), xá sâu xuống, ý nghĩa là kính Địa (Đất), rồi rút Ấn Tý lên đặt nơi ngực, ý nghĩa là kính Nhơn (Người). Xá như vậy nhắc chúng ta kính Tam Tài: Thiên, Địa, Nhơn.

Chỉ xá trước khi lạy và sau khi lạy xong, phải xá sâu xuống.

Lưu ý là giữa hai lạy, không có xá nhỏ xen vào.

## I. CÁCH LẠY ĐỨC CHÍ TÔN

– Đứng thẳng người, mặt hướng vào Thiên bàn, tay bắt Ấn Tý, xá sâu 3 xá, quì xuống (chân trái bước tới, chân phải quì xuống, chân trái quì theo), đặt ấn Tý trước ngực.

– Lấy dấu Phật Pháp Tăng:

– Đưa ấn Tý lên giữa trán niệm: *Nam mô PHẬT.*

– Đưa qua màng tang trái, niệm: *Nam mô PHÁP.*

– Đưa qua màng tang mặt, niệm: *Nam mô TĂNG.*

Chấm dấu lên giữa trán nghĩa là kinh *Phật*, bên tả là kinh *Pháp*, bên hữu là kinh *Tăng*, gọi là *Tam Qui*.

(Khi đưa ấn Tý qua Pháp hay qua Tăng, nhớ giữ cái đầu luôn luôn thẳng đứng, đừng nghiêng đầu qua nghiêng đầu lại)

– Đưa ấn Tý xuống đặt giữa ngực, cúi đầu và niệm:

– *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

– *Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.*

– *Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

– *Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.*

– *Nam mô chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần.*

– Đưa ấn Tý lên giữa trán cầu nguyện Đức Chí Tôn.

– Lạy xuống lần thứ nhất: nhớ hai bàn tay mở ra

úp xuống, hai ngón cái gác chéo nhau (Hình 5), đầu gậy xuống niệm: NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT. Ba lần gậy sau cũng niệm y như vậy. Xong rồi cất mình lên, vẫn quì.

– **Lạy xuống lần thứ nhì:** lần lượt gậy 4 gậy, mỗi gậy cũng niệm câu Chú của Thầy y như vậy.

– **Lạy xuống lần thứ ba:** làm y như lần lạy thứ nhì.

Như vậy, có 3 lần lạy (tức là lạy 3 lạy), mỗi lạy gậy đầu 4 gậy, mỗi gậy niệm “*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”. Câu niệm đó gọi là câu Chú của Thầy.

Tổng cộng lạy 3 lạy, 12 gậy, 12 lần niệm. Lạy xong, đứng dậy, xá sâu xuống 3 xá.

Nếu nơi Thánh Thất thì có bàn thờ Đức Hộ Pháp, phải quay lại, xá chữ KHÍ một xá. Nếu không phải nơi Thánh Thất, không có bàn thờ Đức Hộ Pháp và chữ KHÍ thì khỏi quay lại xá. Xong lui ra.

Tại sao mà lại phải cúi đầu ba lần, rồi mỗi lần cúi phải gậy bốn cái? Gậy ba lần bốn cái là mười hai gậy, thế cho mười hai lạy. *Lạy mười hai lạy là lạy Thượng Đế* vì Thượng Đế là Thập Nhị Khai Thiên, chúa cả Càn Khôn, Thế Giới nắm trọn Thập Nhị Thời Thần vào tay là: Tí, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Số mười hai là số riêng của Thượng Đế.

## II. CÁCH LẠY ĐỨC PHẬT MẪU

Chúng ta vào chánh điện, đứng thẳng người hướng vào bàn thờ Đức Phật Mẫu, tay bắt ấn Tý, xá sâu 3 xá vừa cúi đầu, rồi quì xuống. Đưa ấn Tý lên trán, xá sâu xuống một xá, vừa xá vừa niệm:

**Nam mô ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN.**

Rút ấn Tý đặt trở lên ngực, rồi đưa lên trán, xá sâu xuống lần thứ nhì, vừa xá vừa niệm:

**Nam mô CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG.**

Xá sâu xuống lần thứ ba, vừa xá vừa niệm:

**Nam mô BẠCH VÂN ĐỘNG CHỦ THÁNH.**

Đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện với Đức Phật Mẫu... Rồi lay xuống 3 lay, mỗi lay 3 gật, mỗi gật niệm:

**Nam mô ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN.**

Như vậy, lay 3 lay, 9 gật, có 9 lần niệm danh hiệu của Đức Phật Mẫu.

Lay xong đứng dậy, xá 3 xá, day ngược ra sau xá 1 xá.

**III. CÁCH LẠY CỬU HUYỀN THẤT TỔ VÀ THẦN, THÁNH, TIÊN, PHẬT**

1. ĐỐI VỚI PHẨM VỊ TIÊN, PHẬT: trước khi lay, vào đứng, bắt ấn Tý, xá 3 xá, rồi quì xuống, nếu có cầu nguyện chi thì đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện, xong lay xuống 3 lay, mỗi lay gật 3 gật, mỗi gật niệm danh hiệu của Đấng ấy. Thí dụ: Lay Đức Phật Thích Ca thì niệm:

*Nam mô Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.*

Lay Cửu vị Tiên Nương thì niệm

*Nam mô Cửu vị Tiên Nương.*

2. CÁCH LẠY THẦN, THÁNH, CỬU HUYỀN THẤT TỔ: trước khi lay, đứng bắt ấn Tý, xá 3 xá, rồi quì xuống, nếu có cầu nguyện chi thì đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện, xong lay xuống 3 lay trơn (không gật), mỗi lay

niệm danh hiệu của Đấng ấy.

Thí dụ:

Lạy Bạch Vân Động chư Thánh thì mỗi lạy niệm:

*Nam mô Bạch Vân Động chư Thánh.*

Lạy Thần Hoàng Bốn Cảnh thì mỗi lạy niệm:

*Nam mô Thần Hoàng Bốn Cảnh.*

Đối với Cửu Huyền Thất Tổ, lạy 3 lạy trơn, mỗi lạy niệm:

*Nam mô Cửu Huyền Thất Tổ.*

**3. CÁCH LẠY VONG PHẠM:** Vong phạm là vong linh của người phạm tục. Người phạm tục là người chưa giác ngộ lẽ đạo, chưa có tín ngưỡng Trời Phật hay tôn giáo, chưa tin tưởng con người có một linh hồn bất diệt. Lạy Vong phạm gồm 4 lạy: 2 lạy quì và 2 lạy đứng, thực hành như sau:

– Trước khi lạy, vào đứng, hai tay bắt ấn Tý, xá 3 xá. Quì xuống, nếu có cầu nguyện chi thì đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện, xong lạy xuống 2 lạy trơn (không gật). Hai lạy quì ý nghĩa là 1 lạy kính Thiên và 1 lạy kính Địa.

– Xong rồi đứng lên, tay vẫn bắt ấn Tý, cúi mình lạy xuống theo lối phủ phục, chống đầu gối đứng dậy, rồi lạy xuống như vậy một lần nữa. Đó là 2 lạy đứng dành cho phần người, ý nghĩa là 1 lạy Âm và 1 lạy Dương. Xong thì xá 1 xá rồi lui ra.

**Riêng đối với người đã nhập môn vào Đạo và giữ 10 ngày chay thì được xếp vào Nhơn Thần nên lạy vong 3 lạy.**



**HỎI 42: VÌ SAO CHỈ CÚNG VÀO 4 THỜI TÝ, NGỌ, MỆO, DẬU?**

**ĐÁP:**

– Thời Tý, lúc 0 giờ, khí Âm cực thịnh rồi giảm dần, khí Dương khởi sinh và cường độ tăng dần

– Thời Mão, lúc 6 giờ sáng, khí Âm và khí Dương cân bằng nhau. Sau đó khí Dương tiếp tục tăng và khí Âm tiếp tục giảm.

– Thời Ngọ, lúc 12 giờ trưa, khí Dương cực thịnh, khí Âm giảm đến mức triệt tiêu và khởi sinh trở lại với cường độ tăng dần gọi là Dương cực Âm hồi, nghĩa là: Dương cực thịnh thì Âm khởi sinh trở lại.

– Thời Dậu, lúc 18 giờ tức 6 giờ chiều, khí Âm và khí Dương cân bằng.

Vào 4 thời điểm trên, hai nguyên khí Âm Dương của Trời Đất có sự biến đổi đặc biệt như thế nên sự cúng kiếng và cầu nguyện trong các giờ này được tiếp nhận dễ dàng hơn vào các thời điểm khác.

**HỎI 43: VÌ SAO PHẢI SIÊNG NĂNG CÚNG KIẾN?**

**ĐÁP:** Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy phải siêng năng cúng kiếng cho thường vì những lý do sau:

*“**Một** là tập cho chơn thần được gắn gũi các Đấng Thiêng Liêng đăng sáng lạn. **Hai** là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh. **Ba** là có tế lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự nhiên. **Bốn** là tâm có cảm thì lòng bái ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ. Các em nhớ à.”*

Việc cúng tế để thể hiện lòng thành kính Trời Phật. Trời, Phật, Thánh, Tiên, chẳng vì sự cúng tế mà độ cho siêu-thăng và ban phước. Nếu không giữ qui giới điều lệ, không biết tâm-pháp diệu lý của Phật, Thánh, Tiên, mà tu, dẫu cúng lạy bao nhiêu cũng không thể được cứu độ. Sự cúng tế như thế chẳng khác nào lễ lo lót, mà Trời Phật chỉ công đầu dùng của lo lót.

Hơn thế nữa, Hương đăng trà quả, bần thờ, tiếng chuông, tiếng mõ hay cúi đầu đảnh lễ tất cả chỉ là hình tướng bên ngoài gọi là thể pháp của Đạo. Điều trọng yếu hơn hết là phải biết nương nhờ vào thể pháp ấy đặng đạt đến bí pháp huyền linh là sức sống tâm linh ẩn tàng bên trong. Vậy bí pháp ấy là gì? Sự lễ bái cúng kiếng ngoài ý nghĩa thi lễ với Phật Trời, còn có những ý nghĩa sau:

- Cầu thúc thân mình trong sự khó khăn để trừ bớt nghiệp thân.
- Tụng Kinh để trừ bớt nghiệp khẩu.
- Ngó ngay vào Thiên Nhân hoặc ngọn nhang hay ngọn đèn Thái Cực là để trừ lần nghiệp nhãn
- Nhớ lời Kinh đọc để định ý không cho tư tưởng suy nghĩ vẩn vơ phóng túng để trừ lần nghiệp ý.
- Thiền định không chú tâm vào tiếng động, ngoại trừ âm thanh chuông mõ để trừ lần nghiệp nhĩ.

Nếu không có đức tin có nghĩa là không sống thực với lòng mình thì sự tập trung tư tưởng cầu nguyện, lễ bái không có thần lực của mình phát ra cao độ cũng như máy thu thanh thiếu điện đương nhiên không có cảm ứng, cúng lạy suốt đời cũng chỉ lòng vòng với hình tướng mà thôi không có bí pháp ứng hiện.

Đọc Kinh cần cầu LÝ. Đọc Kinh cần phải hiểu ý nghĩa của lời Kinh vì lý trí có hiểu đúng ý nghĩa mới có thể điều khiển thân xác hành động theo chánh tín.

**HỎI 44: PHẨM VẬT HIẾN LỄ SAO CHỈ CÓ HOA, QUẢ, RƯỢU, TRÀ?**

**ĐÁP:** Những phẩm vật hiến lễ là: Hoa, Rượu và Trà, tượng trưng theo thứ tự ba phần tử cấu tạo con người: Tinh, Khí và Thần. Chỉ có Hoa, Quả, Rượu, Trà không được phép để gì khác.

– **Tinh (Bông):** TINH là danh từ chỉ cái tinh túy của vật chất, cái tinh ba của vũ trụ, không có nó thì không có sự sống nào thể hiện ra được. Ý nghĩa là Ngài biểu ta dâng thể xác, dâng cái sống của ta nơi mặt thể gian nầy dâng cho Ngài làm khí cụ dâng Ngài phụng sự cho con cái của ngài, nó thuộc về Tinh tức nhiên Bông đó vậy. Phải dâng cho Ngài cái hình xác của chúng ta cho đẹp đẽ, cho trong sạch, cho thơm tho, cho quý hóa như Bông kia mới được.

– **Khí (Rượu):** KHÍ nghĩa theo từ ngữ là hơi thở; nơi con người nó là sức khỏe, sức mạnh, sinh lực. Trong chơn thần, nó là tác nhân liên kết giữa linh hồn và xác thân vật chất đồng thời chính nó làm sống xác thân vật chất.

Ngài dùng rượu tượng trưng cái Chơn Thần của ta, tức nhiên thay thế cái trí thức khôn ngoan của ta. Đó là Ngài biểu cả trí não con cái của Ngài phải dâng trọn cho Ngài dâng làm khí cụ.

*“Chúng tôi không biết làm gì ngoài phận sự Thiêng Liêng của Đức Chí Tôn giao phó.”* Ngày giờ nào toàn thể con cái của Ngài biết nói như thế đó, thì ôi! Hiến cho Đức Chí Tôn một vật quý hóa không thể gì nói được.

– **Thần (Trà):** THẦN là tinh thần thiêng liêng của con người. Ngài thể Trà là tâm hồn, tức nhiên Ngài biểu cả tâm hồn của ta hiệp lại làm một khối với nhau. Giờ phút nào toàn thể con cái của Ngài hiệp cả tâm hồn làm một, cái tâm hồn này sẽ làm tâm hồn của mặt địa cầu này, cho trái đất này, nó sẽ làm tâm hồn của toàn thể nhơn loại.

Tại sao Chí Tôn lấy Bông tượng trưng hình hài? Ngài muốn nhìn con cái của Ngài bằng cái giá trị tốt đẹp như con mắt ngó thấy cái bông. Ngài lấy Rượu là muốn tinh thần của loài người cường liệt như rượu mạnh vậy. Ngài lấy Trà là muốn chơn linh ta điều hòa như trà vậy. Sự chuyển đổi năng lực giới tính thành năng lực sống (Luyện Tinh hoá Khí); chuyển đổi năng lực sống thành năng lực tinh thần (Luyện Khí hóa Thần); chuyển đổi năng lực tinh thần thành sức mạnh tâm linh (Luyện Thần hoàn Hư): đó là tiến trình tinh luyện thần bí Tam thể xác thân của con người.

**HỎI 45: LUYỆN TAM BỮU BẰNG LỜI CẦU NGUYỆN?**

**ĐÁP:** Khi nào hành lễ dâng Tam Bửu, nguyện như sau:

1. Hễ ta dâng Bông lên là dâng cái thể hình của chúng ta đó, ta cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn: **“Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.”**

2. Khi dâng Rượu cầu nguyện: **“Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.”**

3. Khi dâng Trà cầu nguyện: **“Con xin dâng cả linh**

### **hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.”**

Câu chốt nếu chúng ta khôn ngoan thì nguyện như vậy: **“CẢ LINH HỒN, CẢ TRÍ NÃO, CẢ HÌNH HÀI CON THẤY ĐÀO TẠO, ĐÓ LÀ CỦA THẤY THÌ DO NƠI QUYỀN HÀNH ĐỘC ĐOÁN CỦA THẤY ĐỊNH.”**

#### **HỎI 46: BỐN PHẬN NGƯỜI TÍN ĐỒ?**

Người tín đồ, tuy đã nhập môn vào Đạo Cao Đài, nhưng vẫn là một công dân của quốc gia, một thành viên của xã hội và của gia đình, nên người tín đồ Cao Đài phải có bốn phận đối với quốc gia, xã hội và gia đình. Đó là phần Nhơn đạo. Ở đây, trong phần này, chỉ nêu ra một số bốn phận căn bản của người Đạo hữu Cao Đài trong phạm vi tôn giáo:

1. Phải tuân theo và gìn giữ luật pháp chơn truyền của Đại Đạo.
2. Luôn luôn ghi nhớ lời Minh Thệ lúc nhập môn cầu Đạo và giữ mình không được thất thệ.
3. Phải tuân lời dạy của Hội Thánh và của Chức sắc bề trên, nhưng cũng phải có sự nhận định sáng suốt đúng theo chơn truyền.
4. Phải ăn chay tối thiểu 10 ngày trong một tháng, gìn giữ Ngũ giới cấm và Tứ đại điều qui theo Tân Luật.
5. Phải năng hầu đàn tại Thánh Thất và cúng Tứ thời tại tư gia.

*“Vào đạo rồi chớ nên lằm tưởng rằng, nhà mình có lập Thiên bàn thờ Thượng Đế, mỗi bữa cúng Tứ thời là đủ, cần chi phải đến Thánh Thất hầu đàn, vì ở đâu cũng Thấy vậy.*

*Nghĩ như thế rất sai. Thánh Thắt là nhà thờ chung lập ra cho chư Đạo hữu tới ngày sóc vọng (mùng 1 và 15) tựu đến, trước là dâng đại lễ cúng Thầy, cùng nghe thuyết pháp, sau nữa là có dịp cho mình hội hiệp nhau để luận bàn đạo đức, cùng se chặt mối tương thân.*

*“Thánh Thắt lại là nơi biểu hiệu nền chơn đạo của Đấng Chí Tôn. Cho nên ngày sóc vọng, chư Đạo hữu nơi nào cần đến Thánh Thắt nơi đó hầu đàn cho đông đảo thì đạo mới ra vẻ thanh hành. Nếu mỗi người cứ nói ở nhà cũng có Thầy, rồi nhà ai nấy cúng mãi, thì Thánh Thắt tất phải bỏ không, ấy có phải là điều đại quan hệ cho nền đạo lắm chăng?”*

**HỎI 47: KHI DỰ LỄ CÚNG ĐÀN TẠI ĐỀN THÁNH HAY THÁNH THẮT, NGƯỜI TÍN ĐỒ CÓ BỐN PHẬN GÌ?**

**ĐÁP: Điều lệ hầu đàn:**

Cúng tế Trời Phật quý tại lòng thành kính. Chư Đạo hữu nam nữ đến hầu đàn phải cho tinh khiết nghiêm trang.

*“Vậy, trước khi đến hầu đàn, phải dọn mình cho sạch sẽ, hết lòng thành kính khẩn nguyện cùng Trời Phật. Đến đàn rồi, phải giữ lễ nghi cho nghiêm trang. Trước khi chỉnh đàn, không đứng ở trước Thiên bàn mà giỡn cợt hay là nói điều chi hoại sự hay là khạc nhổ trong đàn”. Dẫu chỉnh đàn rồi, dẫu chưa chỉnh đàn cũng vậy, nam nữ phải cho phân biệt thứ tự hẳn hoi, cứ trong ngó ra thì nam tả nữ hữu, không được lộn xộn, không phép nói cười lả lơi, không đặng lời to tiếng nhỏ, không đặng phép đem chuyện người ngoài mà thuật lại, không đặng luận bàn quốc sự, không đặng đồn đãi điều chi huyền hoặc, không đặng nhắc chuyện bất bình buổi trước mà cãi lầy nhau, không đặng hơn thua*

rầy rà, không đặng nói chuyện của Đạo hữu vắng mặt, không đặng dùng lời quanh co soi bói nhau, không đặng giả ý nói chơi mà kỳ trung châm chích nhau, không đặng đem đến đàn những sách vở chi khác hơn là sách vở mà Hội Thánh đã phê chuẩn.

**Khi nhập đàn:** Nhập đàn phải khăn đen áo dài trắng, môn đệ của Đấng Chí Tôn thì sắc phục cứ tuân theo Thánh ý, mỗi người ai phải lo phận nấy, giữ cho khỏi vô lễ với Đấng Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

“Chỉnh đàn rồi, phải phân hàng đứng hầu lắng lặng, khi cúng phải cho đại tịnh.

“Những người uống rượu lỡ thì không nên nhập đàn.

*“Hầu đàn thì thân thể phải cho tinh sạch, lòng dạ kính thành. Việc tinh khiết cùng chẳng tinh khiết trong mình thì ai biết nấy, chớ người nào khác hơn mình thì không thể rõ đặng. Ai đến lỡ mà trong mình không tinh khiết thì chẳng khá nhập đàn, e mang lỗi cùng Trời Phật.”*

(TRÍCH PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐẠO  
CỦA ĐỨC QUYỂN GIÁO TỔNG)

**HỎI 48: NGƯỜI TÍN ĐỒ CẦN ĐỌC KINH SÁCH NÀO?**

**ĐÁP:** Tìm hiểu và học hỏi cho thấu đáo 4 quyển sách căn bản của Đại Đạo là:

- Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.
- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
- Pháp Chánh Truyền.
- Tân Luật.

Đạo hữu còn học tập thêm các kinh sách khác của

Đạo để trau dồi kiến thức và nhờ đó:

- Củng cố và phát triển đức tin,
- Từ bỏ mê tín, chỉ còn chánh tín,
- Biết phân thiện ác, chánh tà.

Sách kinh luật lệ trong Đạo chẳng khác nào ngọn đèn để soi tỏ bước đường cho người giữ đạo. Người ít học cần năng đọc sách xem kinh, một là mở mang kiến thức cho mình, hai là đặng rõ thông đạo lý. Luật đạo là qui tắc dọn sẵn để mọi người do theo mà hành đạo cho đúng chơn truyền.

**HỎI 49: ĐỌC KINH CẤU LÝ, VẬY PHẢI XEM KINH SÁCH THẾ NÀO CHO ĐÚNG?**

**ĐÁP:** Kinh sách vẫn do các Ngài rõ thông đạo lý soạn ra, song các bực ấy vốn cũng người phạm như mình, nên cũng có chỗ sai lầm sơ sót, vì vậy mà kinh sách tự nơi mấy vị ấy soạn ra cũng có chỗ khuyết điểm sai lầm. *(Xin chớ lầm tưởng rằng, kinh điển xưa vẫn là của Thánh Tiên làm ra hết; dầu cho thiệt của Thánh Tiên đi nữa, chớ lúc soạn ra kinh điển ấy, các Ngài vẫn cũng còn phạm thì tất phải còn lầm lạc).*

“Vả lại, kinh sách làm ra phải hợp thời tùy thế. Có nhiều quyển kinh xưa, sách cũ đối với đời trước thì rất hợp thời, mà đối với đời nay lại có lắm điều không hợp

*(Đức Quyền Giáo Tông không trưng bằng có ra đây là không muốn kích bác đến kinh sách nào cả).*

“Vậy nên, muốn đọc kinh sách nào cho được bổ ích, ta cần biết suy nghĩ nghiên cứu, khoản nào chánh lý thì để lòng, đoạn nào mờ hồ thì chớ nên tin vội, chỗ nào hợp



theo thời thế thì nghe, khoản nào nghịch với tôn chỉ thì bỏ. Chẳng nên quá tin nơi kinh sách, chớ nên tưởng rằng, kinh sách của Thánh Hiền làm ra cả thấy, nên dạy sao phải nghe nấy. Đọc sách như vậy thì nguy lắm đó!

“... Ấy vậy, xem kinh sách để rõ thông đạo lý thì nên, chớ do theo đó mà luyện đạo thì nguy lắm, vì hiểu lầm một mấy thì cũng đủ hại cho châu thân.” Muốn luyện đạo cho ấn chứng, trước hết ta cần phải tu âm chất và lập công bồi đức cho đầy đủ, đến khi công viên quả mãn rồi, một câu tâm pháp chơn truyền của Thầy ta là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng đủ cho ta hiểu đạo. Và lại Đức Thượng Đế có dạy rằng: “*Kinh điển giúp đời siêu phàm nhập Thánh chẳng khác chi dưa ăn cơm. Chẳng có nó, kẻ ăn cơm bốc tay cũng ăn đặng.*” Ý Đấng Chí Tôn muốn nói như vậy: Kinh điển tỉ như dưa, luyện đạo tỉ như ăn cơm. Người đủ âm chất đạo đức, rõ thông kinh điển thì luyện đạo rất giản tiện, tỉ như người ăn cơm có dưa vậy. Còn người có đủ âm chất đạo đức mà không rõ thông kinh điển đi nữa, bất quá luyện đạo khó một chút vậy thôi, thế nào luyện cũng thành đặng, tỉ như kẻ ăn cơm, dầu không dưa, bốc ăn cũng xong vậy.

“*Tóm lại, vào cửa Đạo rồi, bất kỳ kinh xưa sách nay, thấy đều nên xem cho biết, song cần phải xét suy chiêm nghiệm, phân biệt giả chơn, thì đọc mới bổ ích.*”

(Trích trong Phương Châm Hành Đạo của Đức Quyền Giáo Tông)

**HỎI 50: KHI DÂNG LỄ LÊN THƯỢNG ĐẾ VÀ CÁC ĐẰNG HÀNG NGÀY, TÍN ĐỒ NÊN CẦU NGUYỆN GÌ?**

**ĐÁP:** Hằng ngày người tín đồ Cao Đài cầu nguyện

năm điều chung:

1. **ĐẠI ĐẠO HOẰNG KHAI:** Đạo Cao Đài được truyền bá sâu rộng.

2. **PHỔ ĐỘ CHÚNG SANH:** Chúng sanh biết thức tỉnh tu hành và giải thoát.

3. **XÁ TỘI ĐỆ TỬ:** Oan nghiệt tội tình của đệ tử được ân xá.

4. **THIÊN HẠ THÁI BÌNH:** Thế giới được hòa bình.

5. **THÁNH THẤT AN NINH:** Nơi thờ phượng Thượng Đế được an ninh.

Những lời cầu nguyện này được dâng lên Đức Chí Tôn và chư Thần Thánh Tiên Phật vào các thời cúng Tý Ngọ Mẹo Dậu (12 giờ khuya, 12 giờ trưa, 6 giờ sáng, 6 giờ chiều). Ngũ nguyện là phần chót của kinh cúng Tứ Thời. Những làn sóng tư tưởng phát xuất từ đáy lòng thành khẩn của người tín đồ Cao Đài ở khắp mặt địa cầu hiệp sức lại, cộng hưởng, tạo thành một mạch tâm linh tác động trên tinh thần của nhơn loại theo chiều hướng thánh thiện.

Ngoài năm điều chung trên đây thỉnh thoảng cũng có những vấn đề riêng của cá nhân mà sức phạm không giải quyết nổi người tín đồ cũng cầu nguyện với các Đấng Thiêng Liêng để xin hộ trì. Tuy nhiên không phải điều cầu xin riêng tư nào cũng được thỏa mãn bởi lý do con người thường hay cầu nguyện theo nhơn dục, mà hễ thuận cùng nhơn dục thì thường nghịch với Thiên Điều.

**HỎI 51: GIẢI THÍCH DANH TỪ TAM TRẤN OAI NGHIÊM?**

**ĐÁP:** Tam Trấn Oai Nghiêm là ba Đấng có nhiệm vụ bảo vệ và phát triển nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn, thay mặt ba Đấng Giáo chủ, cầm quyền Tam giáo trong ĐĐTKPĐ.

– Nhứt Trấn Oai Nghiêm là Đức Đại Tiên Trưởng Lý Thái Bạch, thay mặt Đức Lão Tử, cầm quyền Tiên giáo.

– Nhị Trấn Oai Nghiêm là Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, thay mặt Đức Phật Thích Ca, cầm quyền Phật giáo.

– Tam Trấn Oai Nghiêm là Đức Quan Thánh Đế Quân, thay mặt Đức Khổng Tử, cầm quyền Nho giáo.

Tam Kỳ Phổ Độ thờ Tam Trấn Oai Nghiêm thay mặt Tam giáo. Tam Trấn cầm quyền vô vi lập Pháp Chánh Truyền, đào tạo đời gọi là chấn hưng Tam giáo. Tại sao thờ Tam Trấn? Tại thời kỳ khai Đại đồng Tôn giáo, Nho Thích Đạo qui nguyên, Đức Chí Tôn làm chủ, cầm quyền chương pháp cho phù hợp buổi Hạ nguơn tuần hoàn chuyển thế. Ba vị Tam Trấn chấp chương cơ quan mẫu nhiệm, trấn nhậm quyền hành, lập luật pháp, Đạo Nghị Định cho hiệp với Thiên thơ. Vì thọ mạng lệnh của Đức Chí Tôn nên toàn bốn đạo phải để tâm thành kính và phụng thờ Tam Trấn.”

*Thờ Tam Trấn Oai Nghiêm còn có ý nghĩa là thờ ba thể tánh: Bi, Trí, Dũng.*

– Đức Quan Âm Bồ Tát tượng trưng thể Bi: thương xót.

– Đức Lý Thái Bạch tượng trưng thể Trí: sáng suốt.

– Đức Quan Thánh tượng trưng thể Dũng: ý chí

mạnh mẽ.

**HỎI 52: TẠI SAO TU PHẢI CẦN CÓ ĐỦ TAM LẬP?**

**ĐÁP:** Tam lập là ba điều lập nên. Tam lập gồm: Lập đức, Lập công và lập ngôn.

Đạo Cao Đài mở ra ba cách tu, đặc đạo đoạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật:

- *Cách thứ nhất hay con đường tu thứ nhất* là hành đạo nơi Cửu Trùng Đài, đi theo Cửu phẩm Thần Tiên. Con đường tu này chủ yếu về phần Lập Công và Lập Ngôn.
- *Cách thứ nhì hay con đường tu thứ nhì* là hành đạo nơi Cơ Quan Phước Thiện, đi theo Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng. Con đường tu này chủ yếu về phần Lập Đức.
- *Cách thứ ba hay con đường tu thứ ba* là vào Tịnh Thất luyện đạo, học và thực hành các bí pháp luyện đạo, luyện cho Tam bửu Tinh Khí Thần hiệp nhất thì đắc đạo tại thế.

Nhưng trước khi được vào Tịnh Thất luyện đạo, hành giả phải trải qua thời kỳ hành đạo cho đủ Tam Lập. Nếu không đủ Tam Lập thì không thể nào luyện cho đắc đạo. Đức Phạm Hộ Pháp giảng như sau:

*«Ai không xuất thân hành đạo, nghĩa là không có công phước độ thì không vào tịnh được, vì không đủ Tam Lập. Trước khi xin vào Tịnh Thất, phải nạp tất cả giấy tờ hành đạo, lai lịch từ thuở nhỏ đến trưởng thành, ở ngoài đời không có án tiệt, trong cửa đạo cũng vậy, trọn từng luật pháp đạo và trường chay mới được, rồi giao cho Chi Pháp mình tra về thể pháp đủ bằng chứng... Khi mình tra đủ lẽ rồi mới giao cho Hộ Pháp cân thân. Nếu vị nào đủ Tam*

*Lập thì cho vào Tịnh Thất, bằng thiếu thì trở lại đi Đâu Hộ, Đâu Quận hành đạo nữa. Nói rõ là có Hộ Pháp trực thân khai khiếu mới biết đặng đủ thiếu, bằng không thì ngồi tịnh lớn bụng vô ích.”*

Trong thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn, Đức Chí Tôn miễn cho môn luyện đạo nơi Tịnh Thất, nên trong thời kỳ này, người tín đồ Cao Đài chỉ cần đủ Tam Lập là đắc đạo. Đức Phạm Hộ Pháp giảng về Tam Lập như sau:

– “*Mình học để biết Đạo là Lập Đức, nói Đạo cho thân tộc mình biết là Lập Công, độ toàn Nhơn loại là Lập Ngôn. Có làm đủ ba điểm đó mới về đặng với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu Thiên Khai Hóa.”*

– “*Lập Đức thì phải nhớ đạo lý. Lập Công thì phụng sự Nhơn sanh. Lập Ngôn thì để hết trí óc tìm hiểu về triết học tinh thần, tìm tòi mọi lẽ cao sâu để thuyết minh Chánh giáo.”*

– “*Phương pháp Tam Lập, nói rõ ra là chỉ đem mảnh thân này làm tế vật cho Đức Chí Tôn đặng phụng sự Nhơn loại”.*

### **HỎI 53: LẬP CÔNG LÀ GÌ?**

**ĐÁP:** Lập Công là đem sức lực và sự hiểu biết của mình ra làm việc phụng sự Nhơn sanh.

Đức Chí Tôn có nói nhiều lần rằng: *Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPD là lập một trường thi công quả cho Nhơn sanh đắc đạo. Đắc đạo cùng chẳng là do công quả. Muốn làm giàu thì phải tìm cách làm ra của cải cho nhiều, muốn làm Tiên Phật thì phải có công quả.*

Công quả đúng nghĩa của nó phải là công quả xuất phát từ lòng tự giác tự nguyện. Mỗi người tùy theo khả

năng chuyên môn mà làm công quả. Trong đạo có biết bao nhiêu công việc, đủ mọi ngành nghề, đủ mọi trình độ, từ lao động trí thức cho đến lao động chân tay, ai có sở trường trong công việc nào thì xin vào làm công việc đó cho đạt được mau chóng nhiều kết quả tốt đẹp. Đức Chí Tôn có dạy rằng: “*Vậy Thầy khuyên các con, đứa nào có trí lực bao nhiêu, khá đem ra mà thi thử, chớ đừng sụt sè theo thói nữ nhi, vậy cũng uống cái điểm linh quang của Thầy ban cho các con lắm.*» TNHT

Đức Chí Tôn cũng có hứa rằng: “*Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần.*”

Muốn Lập công cho được kết quả mỹ mãn, người tín đồ cần phải lưu ý các điều sau đây:

– Thứ nhất, tự rèn luyện khả năng hiểu biết đạo lý của mình để dẫn dắt người chưa biết đạo hay chưa hiểu đạo đi vào con đường đạo đức như mình. Đó là mình tự giác ngộ lấy mình rồi sau đó giác ngộ người khác.

– Thứ nhì, phải gìn giữ sức khỏe của mình cho được tráng kiện, dẻo dai, để làm điều thiện không biết mệt, phụng sự cho Đạo và cho nhơn sanh không ngừng nghỉ và đặc lực.

**HỎI 54: LẬP NGÔN NHƯ THẾ NÀO?**

**ĐÁP:** Lập Ngôn là nói những lời chơn thật, chánh đáng, có đạo đức để người nghe phát tâm hành thiện hay tu hành. Lời nói thốt ra từ cửa miệng gây ra Khẩu nghiệp. Trong Tam nghiệp: Thân nghiệp, Ý nghiệp, Khẩu nghiệp, thì Khẩu nghiệp dễ mắc phải nhất, vì lời nói không mất tiền mua, nên người ta cứ phát ngôn bừa bãi vô tội vạ.

Nhưng người tu nên nghĩ rằng: lời nói không tốt sẽ gây ra khẩu nghiệp, cũng nặng nề như Thân nghiệp và Ý nghiệp vậy. Cho nên khi nói ra lời nào, phải suy nghĩ cho cẩn thận, xem lời nói đó có chơn thật không, có gây thiệt hại hay phiền giận cho ai không.

Đức Chí Tôn cũng thường dạy: *“Thầy dạy các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.”*

Người tín đồ Cao Đài muốn Lập Ngôn đúng đắn thì phải nghiêm chỉnh tuân theo giới cấm thứ 5 trong Ngũ Giới Cấm: Ngũ bất vọng ngữ là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mãng thô tục, chửi rủa người, hủy báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa.”

#### **HỎI 55: LẬP ĐỨC RA SAO?**

**ĐÁP:** “Có học mới biết phương lập đức. Có học thì tâm mới hướng về đức. Lập đức lấy bố thí làm phương tiện:

- Thí tài là đem tiền của ra giúp khó trợ nghèo.
- Thí công là đem sức lực làm những công việc giúp người.
- Thí ngôn là đem lời nói mà giúp ý kiến hay cho người để giải quyết những khó khăn của người.
- Thí pháp là đem lẽ Đạo để cảm hóa giáo dục người trở nên lành.

Trong những cách bố thí trên, chỉ có Thí pháp là có nhiều công đức hơn cả. Giúp người đói, giúp người hết khổ hay thoát khỏi tai nạn, cũng chỉ qua một lúc, duy có đem Pháp ra hóa độ người dữ ra hiền, người mê muội ra giác ngộ, lo tu hành để thoát vòng sinh tử luân hồi thì công đức ấy đời đời. Lập đức phải đứng trên quan điểm VÔ NGÃ, tức là quên mình mà lo cho người, chẳng cầu người trả, chẳng nghĩ đó là công do ta làm.

Trong Đạo Cao Đài, muốn lập đức cho được trọn vẹn thì phải theo con đường Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của Cơ Quan Phước Thiện. Trong Con Đường thiêng liêng hằng sống. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng giải như sau:

*“Lập vị mình theo Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, tức là theo Hội Thánh Phước Thiện. Nơi đây, ngoài việc ăn chay, giữ gìn luật đạo, từng theo chơn pháp của Đức Chí Tôn, còn phải dùng đức để lập vị mình. Muốn lập đức, phải đi từ Minh Đức, Tân Dân, Thỉnh Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, v.v...”*

**Lập đức là gì? là dùng sự thương yêu để cứu độ chúng sanh, mà Đức Chí Tôn đã có nói: “Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh”.**

**HỎI 56: CỬU PHẨM THẦN TIÊN LÀ AI?**

**ĐÁP:** Cửu phẩm Thần Tiên là 9 phẩm vị từ Thần đến Tiên, kể ra:

Địa Thần	Nhơn Thần	Thiên Thần
Địa Thánh	Nhơn Thánh	Thiên Thánh



Địa Tiên	Nhơn Tiên	Thiên Tiên
----------	-----------	------------

Theo PHÁP CHÁNH TRUYỀN:

\* Đạo hữu giữ tròn Minh Thệ và Tân Luật thì được đối phẩm Địa Thần.

\* Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự, làm tròn phận sự thì được đối phẩm Nhơn Thần.

\* Lễ Sanh đối phẩm Thiên Thần.

\* Giáo Hữu đối phẩm Địa Thánh. vv....

**HỎI 57: KHI BƯỚC VÀO CỬA CHÁNH ĐẾN THÁNH, TA THẤY BỨC TRANH VỀ BA VỊ MẶC ÁO MÀO. ĐIỀU ĐÓ NÓI LÊN Ý NGHĨA GÌ?**

**ĐÁP:** Đó là hình Tam Thánh, đại diện cho nhân loại, ký Thiên Nhơn hòa ước, còn gọi là Đệ Tam Hòa Ước:

– Tiêu đề: THIÊN NHƠN HIỆP NHỨT (chữ Hán viết là Thiên thượng Thiên hạ và chữ Pháp là Dieu et Humanité).

– Nội dung: THƯƠNG YÊU & CÔNG CHÁNH (Amour et Justice).

*Thiên Nhơn Hòa Ước là bản Hòa ước giữa Trời và Người, tức là giữa Thượng Đế và Nhơn loại.*

Đức Chí Tôn ký bản Thiên Nhơn Hòa ước này khi Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm Bính Dần (1926) đại khai Ân Xá cứu vớt nhơn sanh trong thời kỳ cuối Hạ nguơn Tam Chuyển, trước khi mở Đại Hội Long Hoa. Kể từ khi có nhơn loại trên quả Địa cầu đến nay, giữa Trời và Người, đã có 3 lần ký Thiên Nhơn Hòa ước, tương ứng với 3 thời kỳ Phổ độ:

### 1. **Đệ nhất Thiên Nhon Hòa ước:**

Đức Chí Tôn mở ra Nhứt Kỳ Phổ Độ, khai Đạo Thánh tại nước Do Thái với Thánh Moise làm Thiên sứ, công bố *Đệ Nhất Thiên Nhon Hòa ước*.

Bản Đệ nhất Thiên Nhon Hòa ước chính là 10 Điều Răn mà Đức Chúa Trời (Thượng Đế) viết trên tấm bảng đá ban cho ông Moise trên đỉnh núi Sinai nước Do Thái.

### 2. **Đệ nhị Thiên Nhon Hòa ước:**

Các mối đạo mà Đức Thượng Đế đã cho mở ra vào thời Nhứt Kỳ Phổ Độ đã bị nhơn loại sửa cải làm sai lạc chơn truyền, khiến nhiều người tu lầm lạc. Đức Thượng Đế mở ra Nhị Kỳ Phổ Độ, cho các Đấng Tiên Phật giảng trần, lập ra nhiều mối đạo khác nhau trên khắp hoàn cầu. Đức Jésus lãnh nhiệm vụ công bố Đệ Nhị Thiên Nhon Hòa ước cho nhơn loại rõ. Bản Đệ nhị Thiên Nhon Hòa ước lúc đó được gọi là **TÂN ƯỚC** (để đối lại với Cựu Ước thời ông Moise).

### 3. **Đệ tam Thiên Nhon Hòa ước:**

Đức Chí Tôn mở lòng đại từ đại bi lần thứ ba, khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ký với nhơn loại một tờ Hòa ước thứ ba, gọi là Đệ tam Thiên Nhon Hòa ước, giao cho ba vị Thánh đứng đầu Bạch Vân Động nơi cõi Thiêng liêng, viết ra trên tấm bảng đá, công bố cho toàn nhơn loại rõ, đồng thời Đức Chí Tôn ra lệnh cho Tam Thánh làm Thiên sứ hướng dẫn nhơn loại khắp hoàn cầu đi vào con đường Đại Đạo. Ba nhân vật trên bức tranh tiêu biểu cho ba nền văn hiến của ba dân tộc Pháp, Hoa, Việt.

– **Victor Hugo** (1802-1885) là Đại văn hào của nước Pháp.

– **Tôn Dật Tiên** (1866-1925) là Đại tổng thống, nhà cách mạng dân chủ với chủ nghĩa tam dân của nước Trung Hoa.

– **Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm** (1491-1565) là nhà hiền triết, nhà tiên tri nổi tiếng của Việt Nam.

Theo bản Hòa ước này, Đức Chí Tôn cam kết với Nhơn loại, nếu người nào thực thi được 4 chữ Bác ái - Công bình, thì Đức Chí Tôn rước về cõi Thiêng liêng Hằng sống. Nhơn loại muốn thực hiện được bản Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước nói trên thì phải nhập môn vào Đạo Cao Đài, tụng giáo Đức Chí Tôn, lo việc tu hành. Do đó, Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là Đạo Cao Đài, lấy 4 chữ: Bác ái - Công bình làm tiêu chuẩn cho Luật và Quyền trong việc phổ độ nhơn sanh:

– *Luật là Bác ái* (Thương yêu)

– *Quyền là Công chánh* (Công bình)

*“Ngài đã ký kết với nhơn loại bản Hòa ước thứ ba. Hai Hòa ước kỳ trước, nhơn loại đã phản bội, không giữ sớ tín của mình, vì có cho nên phải thất Đạo, nhơn loại đi trong con đường diệt vong, tương tranh tương sát nhau. Vì lòng bác ái từ bi, Đức Chí Tôn đến ký Hòa ước thứ ba nữa để trong Luật điều. Chúng ta thấy các Đấng Thiêng liêng chỉ tẩm tượng Tam Thánh biểu nhơn loại tín ngưỡng: Thiên thượng Thiên hạ, về Luật có Bác ái, Pháp có Công bình, ngoài ra dấu luật pháp muôn ngàn hình tướng, Hội Thánh Đạo Cao Đài diu dẫn tâm lý nhơn sanh, chỉ dẫn họ vô mặt luật tối cao là Luật Bác ái và vô một nền Chơn pháp tối trọng là Pháp Công bình. Luật pháp của Đạo Cao Đài, ngoài Luật Bác ái và Pháp Công bình, tất cả luật điều*

*khác đều là phương pháp lấy giả tạo chơn mà thôi.”*

*(THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP)*

Nếu THIÊN HẠ biết hiệp nhất với THIÊN THƯỢNG để thực hiện THƯƠNG YÊU VÀ CÔNG CHÁNH tức là xây dựng nên đời thánh đức hay thiên đàng tại thế. Đó cũng chính là mục đích cứu độ của Thượng Đế khi mở Đại Đạo cho Tam Kỳ Phổ Độ.

**HỎI 58: NỘI DUNG CỦA ĐỆ TAM THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC TUY CHỈ CÓ BỐN CHỮ, NHƯNG MUỐN THỰC HIỆN TRỌN VẸN BỐN CHỮ ĐÓ KHÔNG PHẢI LÀ ĐIỀU DỄ?**

**ĐÁP:** Muốn thực hiện trọn vẹn bốn chữ đó không phải là điều dễ dàng, mà cũng không phải quá khó khăn để không thể thực hiện được. Chỉ cần có một chữ TÂM

– Muốn có lòng Bác ái, phải có lòng nhân, tránh sát sanh và biết bố thí, biết chia xẻ trước nỗi đau khổ của nhơn sanh. Từ đó, chúng ta mới thể hiện được tình thương yêu trên muôn loài vạn vật, tức là Bác ái.

– Muốn thể hiện sự Công chánh, chúng ta không hiệp đáp kẻ thế cô, không gian lận không lường gạt ai trong mọi việc. Nếu thiếu nợ thì phải lo trả cho dứt nợ, bởi vì nếu chưa trả dứt nợ thì các chủ nợ đâu có cho ta được trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Nhưng có những món nợ từ nhiều kiếp trước mà ta đâu có biết ai là chủ nợ để trả? Muốn trả những món nợ nầy, Đức Phạm Hộ Pháp khuyên chúng ta phụng sự nhơn sanh. Trong số nhơn sanh mà ta phụng sự, ắt có những chủ nợ của ta từ nhiều kiếp trước, và dần dần việc phụng sự nầy giúp chúng ta trả hết các món nợ tiền kiếp. Hiện tại, nếu chúng ta gặp nghịch cảnh đau khổ tức đang trả nợ kiếp trước thì chúng ta cố

vượt qua chớ đừng than trời, trách đất.

– Như vậy, muốn thực hiện Bác ái và Công bình thì chúng ta phải làm Công quả phụng sự nhơn sanh. Nói như thế tức là việc làm Công quả phụng sự nhơn sanh là hình thức tốt nhất để thực thi Bác ái và Công bình, tức là thực thi Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước vậy.

**HỎI 59: TƯỢNG HỘ PHÁP SAO ĐỨNG TRÊN THẤT ĐẦU XÀ?**

**ĐÁP:** Thất đầu xà được đặt ở Hiệp-Thiên-Đài Tòa-Thánh Tây-Ninh. Nơi đây, có hình tượng của ba vị Tướng-soái của Chí-Tôn là Hộ-Pháp, Thượng-Phẩm, Thượng-Sanh. Bảy đầu rắn quấn vào chiếc cấm đôn, mà thân tượng của các Ngài đứng trên Cấm đôn ấy.

Từ phía dưới của cấm đôn Hộ-Pháp ngóc lên ba đầu mang chữ: HỈ, ÁI, LẠC; bốn đầu còn lại cúi xuống, cái đuôi quấn vào Ngai của Đức Thượng-Sanh, choàng cái mình qua quấn vào Ngai của Đức Thượng-Phẩm. Bốn đầu còn lại mang chữ: AI, Ồ, NỘ, DỤC.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trấn thần Thất đầu xà, Đức Ngài giảng giải như sau:

«Rắn Thần 7 đầu tượng trưng con người có Thất tình. Ba đầu rắn ngó lên sau lưng Hộ Pháp là: Hỷ (mừng), Lạc (vui), Ái (thương). Người tu nên luyện tập nâng đỡ 3 tình: mừng, vui, thương. Còn 4 tình: Ai (buồn), Nộ (giận), Ồ (ghét), Dục (tham muốn) thì đè nén xuống, đừng cho ngóc đầu lên.

Khi Đức Hộ Pháp trấn pháp, hành Bí pháp cùng Thể pháp trong các đàn Vía, Sóc, Vọng, khi Ngài đứng là Chuyển pháp, Ngài ngồi là Trụ pháp. Nên khi ngồi, hai

chân đạp lên 2 đầu Ai (tả), Nộ (hữu), hai tay đè Ô (hữu), Dục (tả).

Hỷ, Nộ, Ái, Ô, Ai, Lạc, Dục ở trong châu thân con người. Phạm con người ở thế, từ ngôi thiên tử cho đến hàng thứ dân, ai cũng có đủ 7 cái Tình ấy tất cả, nhưng do người biết độ lượng cho vừa theo bực trung thì mới khỏi hại đến châu thân và sự nghiệp. Đức Chí Tôn có dạy rằng: Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Tam thập lục Thiên, đặng vào nơi Bạch Ngọc Kinh, còn sự ghét là phương tà mị, nó làm cho lòng người chia rẽ, mất tình đoàn thể, cốt nhục phân ly cũng do sự ghét. Hãy nhớ câu của Thầy dạy: *“Từ đây các con chẳng đủ sức thương yêu nhau thì cũng chẳng đặng ghét nhau.”*

Tóm lại, khi Hộ-Pháp ngồi trên Ngai thì hai chân đạp lên hai đầu rắn có chữ “AI, NỘ” hai tay đè lên hai đầu rắn có chữ “Ô, DỤC” ý-nghĩa là chế ngự Thất tình. Như vậy tu theo Đạo Cao-Đài là chế ngự thất tình, phải nêu cao ba tình: Hỷ, Ái, Lạc và đè xuống bốn tình còn lại là: Dục, Ai, Ô, Nộ.

Đức Hộ-Pháp còn dạy: *“Vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc vui buồn thấm vào chân tánh”.*

**HỎI 60: ĐẠI-ĐỒNG LÀ GÌ?**

**ĐÁP:** 大同

*Đại đồng là cả thế giới chung một nhà, không phân biệt quốc gia hay chủng tộc.*

Xã hội đại đồng là một xã hội trong đó khắp mọi nơi đều hòa bình, an lạc, mọi người đều bình đẳng, xem nhau như anh em một nhà. Đó là một xã hội thái bình an

lạc lý tưởng, là đời Thượng nguơn Thánh đức, mà nhưn loại đều mong ước. Trong Kinh Lễ, Đức Khổng Tử nói về xã hội đại đồng như sau: «Ở thời Đại Đạo thực hành thì thiên hạ là của chung, người ta chọn kẻ hiền năng, giảng điều xác thực, thực hiện trên thuận dưới hòa. Cho nên, người ta không chỉ thương kính riêng cha mẹ mình, không riêng yêu con mình. Kẻ già được nuôi dưỡng trọn đời, người trẻ được sử dụng, trẻ con được săn sóc đến trưởng thành; người ta biết thương kẻ góa, con cô, người già cô độc, người tàn tật được châu cấp, con trai có chức phận, con gái có chồng con. Người ta ghét thấy của cải bỏ phí trên đất mà lượm lên, chứ không chú ý giấu giếm trong mình, ghét sự không dùng sức mình (tức không chịu ngồi không) nên làm việc chứ không chú ý lợi riêng cho mình. Vì vậy mà cơ mưu phải bế tắc, kẻ trộm cắp, người làm loạn làm giặc không nổi lên, cho nên cửa ngõ không cần đóng. Đó là thời đại đồng.

Từ xưa cho tới nay, đã có nhiều nhà đạo đức, nhiều triết gia, nêu ra nhiều học thuyết để thực hiện đưa đến một thế giới Đại đồng, nhưng tất cả đều không đạt được, vì con người còn quá tham lam ích kỷ. Muốn tiến tới xã hội đại đồng thì phải có những con người biết đại đồng (Tân dân) với hai phẩm chất căn bản là: Bác ái và Công bình.

Tôn chỉ của Đạo Cao-Đài là Đại-dồng, QUITAM-GIÁO HIỆP NGŨ CHI, đem về một mối trở lại nguồn gốc, thờ Đấng Chúa-Tể càn-khôn vũ-trụ tức là chủ-trương thờ Đấng Cha lành đã hoá-sanh ra muôn loài vạn-vật và tôn-kính tất cả các vị Giáo-chủ giảng-trần dạy Đạo ngang hàng nhau. Đó là chủ-nghĩa ĐẠI-ĐỒNG, gồm:

–Đại-dồng Tôn-giáo vì QUITAM-GIÁO HIỆP NGŨ

CHI.

–Đại-đồng xã-hội vì biết nhìn Thượng-Đế là Cha chung; nhân-loại xem nhau như là huynh đệ.

**HỎI 61: CẦU NGUYỆN NHƯ THẾ NÀO MỚI CÓ KẾT QUẢ?**

**ĐÁP:** Bí quyết trong phép cầu nguyện là phải thành ý, chánh tâm, có đức tin mạnh mẽ, thần trí phải thật yên tĩnh và lập lại nhiều lần lời cầu nguyện trong một thời gian nào đó và điều cầu xin không quá hơn những gì mà định mệnh đã an bày, cho mỗi cá nhân trong mỗi kiếp sanh mới có cảm ứng được.

Có những kẻ mà đời sống đầy những tham vọng phàm tục, quên câu luân hồi nghiệp báo tiền khiên vay trả chỉ vụ lấy điều lợi trước mắt. Họ đi vào cửa Đạo, lễ bái nhiệt tình trong buổi đầu với thâm tâm mong cầu sự đổi chất có lợi bội phần đối với thế giới Thân Linh. Họ cũng cầu nguyện rất nhiều nhưng chỗ mong cầu vụ lợi phàm tục không được đáp ứng bèn mất đức tin cho rằng Trời Phật không linh.

Lời cầu nguyện chắc chắn được đáp ứng dù ít hay nhiều là những lời cầu nguyện Hội Thánh đã đặt thành thể pháp trong kinh điển như: Ngũ nguyện, dâng Tam Bửu, kinh Thế Đạo: trước và sau khi ăn, khi đi ngủ, lúc thức dậy, khi đi ra đường, lúc trở về.... v.v.

Tất cả đều mang ý nghĩa một tinh thần hướng thượng vô biên, sẵn sàng phụng sự vạn linh sanh chúng để sau một kiếp mang xác phàm, Chơn Thần sẽ được nhập vào cõi Hằng Sống.



**HỎI 62: TRONG SINH HOẠT HÀNG NGÀY NGOÀI XÃ HỘI, THẬT BẤT TIỆN KHI CẦU NGUYỆN?**

**ĐÁP:** Tín đồ Hồi giáo vẫn làm được đó thôi. Tuy nhiên trong Đạo Cao Đài, về thể thức áp dụng kinh Thế Đạo trong sinh hoạt hằng ngày, người tín đồ có thể dùng lối Tâm Pháp nghĩa là chỉ cầu nguyện trong tâm trí của mình bằng tư tưởng, không phát âm thành lời nói. Chẳng hạn như trước và sau khi ăn, khi đi ngủ, lúc thức dậy, khi đi ra đường, lúc trở về.... v.v.

Tín đồ cầu nguyện trong tâm theo lời kinh, không làm ra vẻ gì khác biệt với những người xung quanh về hình thức bên ngoài.

Nếu áp dụng đầy đủ trung bình cứ một ngày 24 giờ người tín đồ Cao Đài đánh thức đời sống tâm linh mình ít nhất 10 lần. Sinh hoạt này không mấy khó khăn nặng nhọc (tương tự phép niệm của Tịnh Độ tông) nhưng đòi hỏi phải có đức tin mãnh liệt, sự thành tâm, trì chí liên tục mới có kết quả tạo được sự cảm ứng thường xuyên với quyền năng thiêng liêng của Đức Chí Tôn và các Đấng. Hiệu ứng rõ rệt nhất của nó là quan niệm sống, tánh tình của người cầu nguyện sẽ thay đổi tốt đẹp dần theo chiều hướng thượng. Toàn bộ sinh hoạt tâm linh loại này đòi hỏi phải sống thật với lòng mình. Với nội dung, ý nghĩa của lời kinh như nói chuyện với Thần Thánh trước mặt mình vậy. Nếu chỉ áp dụng lấy lệ cho có hình thức như trả bài sẽ không có kết quả.

Nguyện kinh Thế Đạo theo lối tâm pháp này dễ dàng áp dụng trong mọi hoàn cảnh, mọi lứa tuổi đều thích hợp vì nó chỉ diễn ra trong nội tâm của từng cá nhân người

cầu nguyện. Khi áp dụng Kinh Thể Đạo trong phép tu thân thì vấn đề chính là tâm linh của người tín đồ phải có tiến bộ. Còn nếu như không có tiến bộ ắt phải có một nguyên nhân sai lầm ở một điểm nào đó trong chu trình chuyển hóa nguồn năng lực sống từ tiên thiên đến hậu thiên và từ hậu thiên đến tiên thiên nơi nội thân của mỗi con người. Chẳng hạn đức tin không chánh lý nên thiếu sự trợ thần của Bát Quái Đài hoặc không biết trụ thần khi cầu nguyện hoặc biết trụ thần nhưng cường độ không đủ mạnh v.v... Trong trường hợp đó phải học lại lý đạo cho sâu và điều chỉnh chỗ sai pháp ấy.

**HỎI 63: ĐỐI VỚI NGƯỜI BUỒN BÁN CÓ THỂ CẦU NGUYỆN TRONG VIỆC LÀM ĂN?**

Trong công việc làm ăn sinh sống hằng ngày một số người tín đồ Cao Đài vẫn có thói quen cầu khẩn sự phò hộ của Thần Linh để giúp họ dễ dàng đạt đến mục đích mà họ mong muốn. Họ thường kêu gọi đến quyền năng Thiêng Liêng của các phẩm: Thần Hoàng Bổn Cảnh, Thần Thổ Địa và Thần tài. Nếp sinh hoạt tín ngưỡng dân gian này đã có từ lâu đời trước khi khai mở Đạo Cao Đài và người tín đồ Cao Đài vẫn tiếp tục tin tưởng như thế. Tuy nhiên khi hòa nhập chung vào nghi lễ của nền tôn giáo mới này, vẫn có vài biến đổi.

Chẳng hạn tập tục tín ngưỡng cúng Thần thờ ở các Đình làng tức là Thần Hoàng Bổn Cảnh người ta cúng cả chay lẫn mặn, còn **người tín đồ Cao Đài chỉ cúng toàn đồ chay** mà thôi. Vì vậy đây không phải là một sinh hoạt tín ngưỡng đặc thù của Cao Đài giáo mà là nếp tín ngưỡng dân gian mà người Cao Đài đồng hóa.

Họ thường kêu gọi đến sự giúp đỡ của Thần linh trong những trường hợp như: Khởi đầu một công trình xây cất, khai trương một cơ sở làm ăn, mở đầu công việc mùa màng trồng trọt ở một vùng đất mới đặt chân đến đầu tiên v.v...

Nội dung lời cầu nguyện thường gồm bốn điểm chính.

1. Danh tánh và địa chỉ của người cầu nguyện.
2. Công việc đang làm hoặc sắp làm.
3. Yêu cầu Thần linh phù hộ cho mình điều chi, về phương diện nào.
4. Để làm gì, tức là lời khẩn nguyện mình sẽ sống như thế nào với sự giúp đỡ của các Đấng ấy và đây là điều rất hệ trọng.

Nên nhớ rằng không phải tất cả những gì cầu nguyện đều được Thần linh phù hộ.

**HỎI 64: TÍN ĐỒ CAO ĐÀI QUAN NIỆM NHƯ THẾ NÀO VỀ THẦN LINH?**

**ĐÁP:** Trong sự tín ngưỡng của người theo Đạo Cao Đài, Thần linh là những Đấng tác động trên đời sống của người tín đồ để phù hộ cho họ những sinh hoạt về phần xác lẫn phần hồn theo chiều hướng giúp họ biết tu thân lập đức đi đến chỗ giải thoát. Thành thử chỉ có những lời cầu nguyện nào mà nội dung phù hợp với trách nhiệm thiêng liêng của các Ngài mới mong được chấp thuận. Trách nhiệm ấy là dạy dỗ dân làng biết làm lành lánh dữ, sống an cư lạc nghiệp, đủ sức chịu đựng sự trả quả mà mỗi cá nhân đã gây ra từ trước.

Đó là những Đấng vô hình đứng trong hàng chánh giáo, khác hẳn với các vong linh thấp. Vì vậy chúng ta không nên khẩn nguyện với tâm trạng mong cầu sự đổi chác bằng những lễ vật cúng bái hay nói khác hơn là lo lót để được Thần linh phù hộ.

Về hình thức lễ bái không có qui định nào rõ rệt có khi chỉ đơn thuần là một lời khẩn, có khi là một nén hương, có khi là một đĩa trái cây hay một mâm cơm chay. Tuyệt nhiên không dùng đồ mặn trong khi cúng Thần Thổ Địa và Thần Hoàng Bổn Cảnh trong nếp sinh hoạt của người tín đồ Cao Đài. Điều này đã có từ khi mới khai Đạo do lời dạy của vị Thần Hoàng Bổn Cảnh ở làng Mỹ Lộc quận Cần Giuộc, ngày 18-01-1927.

*«Từ thuở Ta vâng chiếu chỉ đến trần nhậm nơi đây, Ta một lòng lo cho lẽ thú đặng an cư lạc nghiệp, thanh vượng mùa màng mỗi mỗi đều lo lắng cho chúng sanh nơi phần trách nhiệm... Còn việc tế lễ cúng, Ta muốn dùng đồ chay hay là cây trái, chớ sát sanh. Tế tự là tại sao? Phàm có lòng tin mới cúng chớ, cúng là lấy có lẽ đó, gọi là kính trọng. Chớ Thần Thánh nào ăn của ai.»*(TNHT Q1 1969 Tr 87-88)

Chúng ta cần phân biệt cho rõ ràng trong thế giới vô hình cũng có những chơn linh thấp kém xấu xa sống lẫn lộn với những chơn linh cao trọng. Hai cấp bậc Thần Thổ Địa và Thần Hoàng Bổn Cảnh mà người tín đồ tin tưởng là những chơn linh tốt, biết thương yêu chúng sanh, sẵn sàng phù hộ giúp đỡ cho đời sống nhơn sanh phát triển theo chiều hướng thánh thiện khác hẳn với những vong linh thấp kém mà đôi khi nhập vào xác những đồng cốt đòi hỏi người ta cúng cho mình ăn vật nọ, vật kia theo những ảo giác của chơn thần họ đang diễn ra. Thành thử

khi vận dụng năng lực phò hộ của Thần linh trong công việc làm ăn hằng ngày cần phải thận trọng. Nếu trong tâm của người khẩn nguyện dù không nói ra bằng lời rõ rệt mà có ý đổi chác song phương. “*Nếu Ngài phò hộ cho tôi, tôi sẽ cúng Ngài một con heo quay, một đĩa trái cây*” chẳng hạn, đó là một điều rất thất lễ.

**HỎI 65: CẦU NGUYỆN TRONG VIỆC THI CỬ, THĂNG QUAN TIẾN CHỨC THÌ THỂ NÀO?**

**ĐÁP:** Trong công việc học hành thi cử người tín đồ Cao Đài dạng phép cầu khẩn với quyền năng thiêng liêng của Đức Chí Tôn khai mở khiếu thông minh cho mình để học hành mau tiến bộ, đến nơi đến chốn, thi cử đỗ đạt, hầu mai sau khi ra đời sống một đời sống có nghĩa nhân, biết thương yêu bạn đồng môn, thương yêu sanh chúng trên đường công danh, biết làm lành lánh dữ, nghĩa là sống đời sống của hàng chánh nhân quân tử trong xã hội.

Khi người tín đồ trong công việc, trong thi cử phải cầu nguyện đến quyền năng của các Đấng Thiêng Liêng hỗ trợ cho mình thì có phải là việc làm mê tín hay không? Có hay không tùy trường hợp.

Tất cả những tri thức của con người còn đọng lại trong phần gọi là **KÝ ỨC** của tinh thần người ấy. Với thời gian quá lâu những ký ức ấy có thể bị phai mờ đi mình gọi là quên. Nhưng thật ra tất cả những gì mình đã nghĩ đã làm trong quá khứ đều lưu trữ lại ở trong sự sáng suốt của Chơn linh mình. Sau khi thân xác này chết đi, **KÝ ỨC** vẫn tồn tại trong Chơn linh người đó. Khi đi đầu kiếp Chơn linh mang một hình xác mới những ký ức ấy vẫn còn nhưng ở một trạng thái tiềm ẩn và chính nó làm

thành sức thông minh bẩm sinh nơi đứa bé. Vì vậy một người đã qua nhiều lần chuyển kiếp, học hỏi được nhiều kinh nghiệm sống trong quá khứ, năng khiếu thông minh nơi trí não của họ thường thường cao độ.

Lời cầu nguyện trong Kinh nhập học: “*Đại Từ phụ xin thương khai khiếu*” là chiếc chìa khóa Thần quyền để khơi dậy kho tàng tâm linh của ký ức tiền kiếp biến đổi nó thành sức thông minh hiện tại để học và hiểu nhanh chóng những vấn đề mà trí não của con người đang đối diện. Trong kiếp sanh gần nhất của con người, lời cầu nguyện có được sự may mắn trong việc học hành thi cử có nghĩa là gì?

– Trước nhất năng lực Thần quyền do các Đấng Thiêng Liêng bố hóa cho người cầu nguyện sẽ làm cho Thần của họ thêm linh hoạt nhớ lại những gì đã học hỏi từ trước để trong công việc thi cử trả lời cho đúng.

– Thứ hai vận dụng được sự sáng tạo của trí thông minh mình trả lời những vấn đề khi người ta đòi hỏi phải biết, phải có những sáng kiến mới giải đáp được.

– Thứ ba là những điều kiện sinh hoạt ở xung quanh mình không gây trở ngại trong việc thi cử như sức khỏe tốt, phương tiện di chuyển an toàn, thời gian không trễ nải. v.v.

Tóm lại phải có sự chăm chỉ học hành từ trước lời cầu nguyện may mắn mới có ý nghĩa trong sáng của nó. Khía cạnh mê tín dị đoan thường nằm ở chỗ không chịu học hành mà muốn Thần Thánh phò hộ giúp đỡ cho mình đỗ đạt.

**HỎI 66: SAO TRONG ĐÀN CÚNG, THẤY ĐỨNG NGHE NHẠC LÂU QUÁ MỚI ĐỌC KINH? Ý NGHĨA CÁC BÀI NHẠC ẤY? SAO KHÔNG DÙNG TÂN NHẠC CHO THÍCH HỢP GIỚI TRẺ VÀ NGƯỜI ÂU MỸ?**

**ĐÁP:** Chỉ trong lễ cúng Đại Đàn mới phải đờn 7 bài nhạc, gọi là “*Nhạc Tấu Quân Thiên*”. Khi mới khai Đạo, chính Đức Hộ Pháp cũng thắc mắc như thế:

“*Đòi phen chúng ta không hiểu được cho yên tâm khi dâng lễ cho Chí Tôn lúc “Nhạc Tấu Quân Thiên”, hết lớp trống qua lớp đờn bảy bài thì lâu quá có khi phải chồn chân rồi nản chí, chính Bản Đạo cũng vậy, vì nghĩ rằng Chí Tôn tư-vị quốc dân Việt-Nam nên tiền định chi chi cũng làm gương mẫu cho toàn Đại-Đồng Thế-Giới mà có Lễ Nhạc này luôn luôn khi dâng lễ, thì ý nghĩa ấy ắt cao trọng lắm là phải.*”

Đức Hộ Pháp hỏi Đức Lý Giáo Tông. Ngài dạy rằng: “*Kể từ phân-thai căn-khôn vận-vật này, Chí Tôn là khối sanh quang, biến thành hai khối sanh khí, hai khối ấy tụ lại thành một khối lớn tương hiệp nhau mới nổ sanh tiếng “Ấm”, người ta gọi là “ấm” hay nghe tiếng “Ni”. Đạo Phật sửa lại thành “úm” (úm ma ni bát ri hồng). Nhờ tiếng nổ ấy bát hỗn mới vận-chuyển biến sanh vận vật và loài người. Tiếng ấy bay ra nghe đến đâu thì khí sanh-quang đến đó, tức là có sự sống đến, bằng chẳng nghe được thì nơi ấy tiêu diệt nghĩa là chết mất mà thôi. “Bởi có nên dùng đến những vật Bát âm, (1) nó đã chết đi rồi như cái trống chẳng hạn, tấm da trâu ấy đã chết, mà với sự khôn ngoan loài người mà nó có tiếng kêu được tức là làm cho nó sống lại được, nghĩa là Bát Hỗn ấy vận-chuyển sống lại mà đánh lễ Đức Chí-Tôn, vì có nên khi nghe NHẠC TẤU QUÂN THIÊN là có âm thanh sắc tướng, song hiểu*

xác ý: khi dâng lễ Chí-Tôn qui pháp định, thấy và nghe cả Bát Hồn vận-chuyển dâng cái sống cho Ngài”.

Thế nên, trong các thời Đại-đàn dâng lễ Đức Chí Tôn có Đờn bảy bài, do Thánh-giáo Đức Chí-Tôn dạy về ý-nghĩa của bảy bài đàn ấy, bởi trong các bài đàn này là thể hiện đủ tám món nhạc khí của dân-tộc Việt-Nam. Chỉ duy hiến lễ cho Chí-Tôn Ngọc-Hoàng Thượng-Đế mới có bảy bài ấy:

– XÀNG XÊ là khi trời đất mới sơ khai, chưa phân thanh trước, thuở còn hỗn độn.

– NGŨ ĐỐI THƯỢNG: là khí thanh bay lên làm trời.

– NGŨ ĐỐI HẠ: là lúc khí trước lắng xuống thành đất.

– LONG ĐĂNG: là mặt nhật chiếu sáng, sức nóng làm cho nước bốc lên thành mây.

– LONG NGÂM: là lúc mây gặp khí lạnh nên tụ lại thành mưa, từ trên trời rơi xuống.

– VẠN GIÁ: là muôn vật đã định rồi, ấy là lúc nước hợp với đất biến sanh, khiến sản-sanh ra vạn-vật, gọi chung là chúng-sanh.

– TIỂU KHÚC: là những vật nhỏ-nhất đều có định luật của nó, khi đất biến ra ngũ-hành sanh ra kim-thạch, thảo mộc, thú cầm đến loài người ...

Đức Hộ-Pháp bạch: Nếu lấy những bài đó hiến lễ thì Thấy tư-vị dân-tộc Việt-nam sao?

Đức Chí-Tôn phán dạy rằng: “**Trên thế-gian này chưa có nền Âm-nhạc cổ nào để rước Thấy mà đủ ý-nghĩa như âm-nhạc cổ của Việt-Nam; nên Thấy chọn**



**nó làm tiêu-biểu cho toàn cầu, cho nhân loại noi theo.”**

(18-5-Bính-Dần 1926)

Chú thích:

Bát âm là tám thứ tiếng về nhạc: Biểu 瓢 (tiếng sên), Thổ 土 (tiếng trống đất), Cách 革 (tiếng trống da), Mộc 木 (tiếng mõ gỗ), Thạch 石 (tiếng đá), Kim 金 (tiếng chuông đồng), Ty 絲 (tiếng dây đàn). Trúc 竹 (tiếng ống sáo tre)

**HỎI 67: CÓ CHẮC THƯỢNG ĐẾ GIÁNG CƠ DẠY ĐẠO? KHÔNG BIẾT CHỮNG MA QUỶ NHẬP CƠ, RỒI MẠO DANH THƯỢNG ĐẾ, CHỚ BỰC CHỈ TÔN LÊ ĐÀU GIÁNG CHƠN PHẦM TRẦN Ô TRƯỚC?**

**ĐÁP:** Thượng Đế không phải phạm như chúng ta, muốn giáng cơ nơi đâu cần phải đích thân đến đó. Thượng Đế biến hóa vô cùng, muốn giáng cơ Ngài chỉ dùng điển quang truyền tín mà thôi. Còn cơ bút là việc tối trọng, cho nên muốn thấu đáo diệu tánh bút cơ, cần phải gia công tra cứu, nhứt là năng hầu đàn, phải dò Thánh Ngôn từ đầu chí cuối, rồi nghĩ suy, xét nét đến cùng...

**PHÂN BIỆT TÀ CHÁNH TRONG CƠ BÚT.**

Một chơn linh giáng cơ xưng là Đại Tiên. Chúng ta nên tin chăng?

Nếu chơn linh chỉ dạy những việc tầm thường hoặc trái chơn lý, tất nhiên chúng ta không tin là bực Đại Tiên. Trái lại, nếu giáng cho đạo lý cao siêu có tính cách Tiên gia, tuy không bằng cơ cụ thể, song chúng ta có thể thừa nhận chơn linh ấy không phải giả danh.

Giả danh chẳng là các chơn linh hạ đẳng (Tà Thần Tinh Quái) giáng cơ, mượn danh hiệu lớn lao đặng dễ gạt kẻ hầu đàn nhẹ tánh. Sự nầy thường xảy ra đến đời

Cơ Bút dạy những việc hoang đường nhằm nhĩ mà vẫn có người tin, mặc dầu Đức Chí Tôn có để lời ngừa trước:

*“Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôì Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Quý Vương đã phá khuấy Chơn đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi. Nó lại biết Ta đến với cơ mầu nhiệm này nên mượn Tam thập lục Động giả làm Tam thập lục Thiên, các tên Thần Thánh Tiên Phật đều bị mạo nhận mà lập nên Tả Đạo”.*

(Ngại Ta nó chẳng dám ngồi, nghĩa là: Quý Vương không dám truyền diễn vào các **ĐỒNG tử tiền định** đang ngồi phò cơ tại **Cung Đạo Tòa Thánh**, là những người mà Đức Chí Tôn đã chọn riêng cho Ngài giảng cơ).

Cần lưu ý đến 2 yếu tố phải có để đàn cơ được chấp nhận trong Đạo Cao Đài. Đó là:

– **Phải cầu tại Cung Đạo Tòa Thánh**

– Người cầu cơ phải là các chức sắc Đại Thiên phong được chọn làm **ĐỒNG tử tiền định**.

**HỎI 68: PHÁP ĐIỀU TAM KỶ PHỔ ĐỘ LÀ GÌ?**

**Di-Lạc Chơn Kinh** là bài Kinh do Đức **Thích Ca Mâu Ni thuyết**, nói rõ quyền pháp của Đức Phật Di-Lạc trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, trong đó có đoạn như sau:

*“Nhứt thiết chư Phật, tùng lệnh Di-Lạc Vương Phật, năng chiếu diệu quang tiêu trừ nghiệt chướng. Nhược hữu chúng sanh văn Ngã ưng dương thoát nghiệt, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tùng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa-La Tam-Diệu Tam-Bô-Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn.”*

Dịch nghĩa: Tất cả các vị Phật, nghe theo mệnh lệnh của Đức Di-Lạc Vương Phật, có khả năng chiếu ánh sáng huyền diệu làm tiêu trừ các nghiệp chướng. Nếu như có người nào nghe biết lời TA, thì phải thoát khỏi các nghiệp ác, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tụng theo và nhìn nhận là đúng Luật pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ắt được giải thoát khỏi luân hồi, đắc đạo Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ấy là chứng được quả vị nơi cõi Cực Lạc Niết Bàn (Cực Lạc Thế Giới).

Đức Phật Di-Lạc cầm quyền Chưởng giáo trong Tam Kỳ Phổ-độ. Trong DI LẠC CHƠN KINH, Ngài đã hứa với nhân sanh: nếu biết “Tùng thị pháp-điều Tam-Kỳ Phổ-Độ tất đắc giải thoát luân-hồi...”. Tùng thị pháp điều Tam Kỳ Phổ-độ, đó là tụng theo và làm đúng theo những qui định trong Tân-Luật và Pháp-Chánh-Truyền.

**HỎI 69: CHƠN TRUYỀN LUẬT PHÁP CỦA ĐẠO ĐƯỢC GHI RÕ Ở ĐÂU?**

**ĐÁP:** Chơn Truyền luật pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được ghi rõ trong các quyển:

- Pháp Chánh Truyền chú giải.
- Tân Luật.
- Đạo Luật Năm Mậu Dần.(1938)
- Bát Đạo Nghị Định của Đức Lý Giáo Tông và Hộ Pháp.

**HỎI 70: TẠI SAO PHÁP CHÁNH TRUYỀN ĐƯỢC XEM LÀ HIẾN PHÁP CỦA ĐẠO?**

**ĐÁP:** Trong tổ chức chánh trị đời có hiến pháp làm căn bản quy định cơ cấu tổ chức quốc gia và quyền hạn

của nhà nước, trong tổ chức chánh trị đạo có Pháp Chánh truyền làm nền tảng để dựa vào đó lập nên hình tướng của Hội Thánh và phân định quyền hạn của chức sắc. Vậy Pháp Chánh Truyền tương đương với bản Hiến pháp của đời nhưng điểm đặc biệt là Pháp Chánh Truyền không do người phạm lập nên mà do chính Đức Chí Tôn giảng cơ dạy phải tuân theo và không được sửa cái. Về sau Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc chú giải thêm cho rõ nghĩa từng câu từng chữ viết thành quyển «*Pháp Chánh Truyền chú giải*». Lời chú giải này đã được Đức Lý Đại Tiên chỉnh lại.

Pháp Chánh Truyền nêu rõ vai trò của Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, Bát Quái Đài cũng như những quy định về quyền hành và đạo phục của các chức sắc. Pháp Chánh Truyền đã được lập sao cho có **sự hiệp nhất của quyền độ rỗi và quyền siêu rỗi**.

– Quyền độ rỗi được trọn thành khi ba Hội Lập Quyền hiệp ý cùng nhau.

– Quyền siêu rỗi được trọn thành khi ba Đài hiệp ý cùng nhau.

Các Đấng Thiêng Liêng đều phải tùng quyền và luật của Đức Chí Tôn đã định mà độ dẫn chúng sanh chứ các Đấng cũng không có quyền độ rỗi theo kiểu cá nhân.

**PHÁP CHÁNH TRUYỀN do Đức Chí Tôn lập nên có giá trị vĩnh viễn và không được sửa đổi.**

Khi mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đã lập ngay một Pháp Chánh Truyền và Tân luật để điều hành guồng máy Hành chánh Đạo và Luật pháp để giáo đồ lấy đó làm căn bản noi theo, tránh vi phạm Luật Đạo. Luật pháp do Thiên lý và công lý lập ra nên rất công bình.

Từ cấp tín đồ đến các chức sắc lớn đều có quy luật công cử, quyền hạn. Tuy nhiên, quyền Đạo có khác hơn quyền đời vì do sự thương yêu mà có chứ không dùng sức mạnh để áp chế.

**HỎI 71: TÂN LUẬT QUI ĐỊNH NHỮNG GÌ?**

**ĐÁP:** Luật lệ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tìm thấy trong quyển Tân Luật là bộ luật mới. Nói là mới khi so sánh với cái gì cũ hay cựu luật là những quy điều của các Tôn giáo trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ.

Tân Luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do quyền vạn linh lập nên, được Chí Tôn phê chuẩn và vì thế gọi là « Thiên Điều » tại thế. Tân Luật quy định ba phần: Đạo pháp, Thế luật và Tịnh Thất.

**HỎI 72: NGỌC HƯ CUNG LÀ CUNG GÌ?**

**ĐÁP:** Ngọc Hư Cung hay Cung Ngọc Hư là nơi họp triều đình của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, cầm quyền cai trị toàn cả Càn Khôn Thế Giới.

Ngọc Hư Cung ở tầng Trời thứ 10 là Hư Vô Thiên, ở ngay bên trên Cửu Trùng Thiên, dưới quyền Chưởng quản của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật. Trong Ngọc Hư Cung có Linh Tiêu Điện và Cung Hiệp Thiên Hành Hóa.

– LINH TIÊU ĐIỆN là nơi Đức Chí Tôn họp Thiên triều của Ngài, gồm các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, tạo định Thiên thơ, cầm quyền điều khiển Càn Khôn Vũ Trụ.

– CUNG HIỆP THIÊN HÀNH HÓA là Tòa Tam Giáo thiêng liêng, nơi làm việc của Tam Trấn Oai Nghiêm cầm quyền Tam Giáo thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trong đề tài Con đường THIÊN LIỆNG HÀNG SỐNG, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng về Ngọc Hư Cung như sau: *“Đó là một thế giới đẹp đẽ vô cùng, lâu đài nguy nga chón chở, làm toàn bằng ngọc, có màu như pha lê, hào quang chiếu diệu, mà màu sắc ấy biến đổi luôn, rất huyền diệu. Trong Ngọc Hư Cung không dùng lời nói, chỉ nói chuyện với nhau bằng tư tưởng, nên không có vấn đề ngôn ngữ bất đồng và nơi đó có trùng trùng điệp điệp muôn người mà không có một tiếng ồn ào”*.

Trong Ngọc Hư Cung còn có một nơi gọi là Cung Nam Tào Bắc Đẩu, đặt một quyển Thiên thư không chữ gọi là Vô Tự Kinh. Khi ta đến đứng trước quyển kinh ấy, dỡ ra xem thì thấy tên họ của mình hiện ra, cả kiếp sanh của mình đã làm gì thì nó hiện ra đủ hết, để ta quan sát trở lại kiếp sanh của ta, tự ta làm Tòa xử lấy ta. Chẳng những nó hiện ra những việc làm trong kiếp sanh vừa qua, mà nó còn hiện ra tất cả các kiếp sanh của chúng ta từ lúc chúng ta đầu kiếp xuống cõi trần, bao nhiêu kiếp ghi lại đủ hết. Bởi vì chính chơn thần của ta ghi lại tất cả các kiếp sanh, như là quay phim lưu giữ lại đó, mỗi một kiếp sanh là một cuốn phim, đến chừng chơn thần đến trước Vô Tự Kinh thì chơn thần chiếu trở lại các phim ấy. Cái huyền diệu của Vô Tự Kinh là ở chỗ đó.” Cung Hiệp Thiên Hành Hóa là cung để cho mình định tội lấy mình, không qua không đặng.

*“Cung Ngọc Hư là nơi cầm quyền chánh trị Càn Khôn Vũ Trụ, không có một ngôi sao nào, không có một mặt trời nào đứng trong Càn Khôn Vũ Trụ mà không chịu dưới quyền điều khiển của Ngọc Hư Cung. Nên chánh trị của Càn Khôn Vũ Trụ là vậy. Cho nên khi chúng ta vô tội*

*Cung Hiệp Thiên Hành Hóa, rũi chúng ta có làm tội tình, thì dường như các Đấng ngự nơi Cung ấy hơi hộp lo sợ cho mình, sợ mình kêu án mình quá nặng. Thành thử, Ngọc Hư Cung là nơi an ủi các chơn linh trong Càn Khôn Vũ Trụ, chính nơi ấy cầm quyền cai trị Càn Khôn Vũ Trụ để diu dặt, bình vực chớ không phải để trị. Các chơn linh tự trị lấy mình.”*

**HỎI 73: ĐIỀU TRÌ CUNG LÀ CUNG GÌ?**

**ĐÁP:** Điều Trì Cung là cung điện bên cạnh ao Điều Trì, nơi thường ngự của Đức Phật Mẫu.

Bát Nương giảng về Điều Trì Cung như sau:

*“Nơi ao Điều Trì có một đài phát hiện Âm quang, đài ấy thấu lẫn Sinh quang của ngôi Thái Cực rồi đem Dương quang hiệp với Âm quang mà tạo nên chơn thần cho vạn linh trong Càn Khôn Vũ Trụ. Phật Mẫu là Đấng nắm Cơ Sinh hóa, thay quyền Chí Tôn, đứng ra thấu cả Thập Thiên can đem hiệp với Thập nhị Địa chi mà tạo nên vạn vật. Điều Trì Cung là cung điện bằng ngọc điêu ở bên Ao Thất Bửu, chớ chẳng chi lạ. Ngọc tượng trưng cho sự quý giá, còn Điều là chất hơi kết tụ mà thành. Vậy, **Điều Trì Cung là Cơ Sinh hóa vạn linh và vạn vật đó.**”*

Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về cơ Giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về cơ Phổ độ mà trên hết là Đức Quan Âm Bồ Tát. Quan Âm Bồ Tát ngự tại cung Nam Hải, ở An Nhân động, còn Điều Trì Cung thì ở tại Tạo Hóa Thiên.

**HỎI 74: BÁT QUÁI ĐÀI LÀ GÌ?**

**ĐÁP:** Bát Quái Đài là nơi ngự của Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài với hình thể gồm ba đài:

1. CỬU TRÙNG ĐÀI là phần hữu hình, thuộc về Đời, tức là xác thể của Đạo.

2. HIỆP THIÊN ĐÀI là phần bán hữu hình, nửa Đời nửa Đạo, tức là chơn thần của Đạo.

3. BÁT QUÁI ĐÀI là phần vô hình thuộc về Đạo, tức là linh hồn của Đạo.

Xác nhờ chơn thần mà liên lạc với Hồn, thì CTĐ cũng nhờ HTĐ mà thông công với BQĐ.

Hồn muốn điều khiển Xác thì phải qua trung gian của chơn thần, nên BQĐ phải nhờ HTĐ mà điều khiển CTĐ.

- Đức Giáo Tông làm chủ Cửu Trùng Đài.
- Đức Hộ Pháp làm chủ Hiệp Thiên Đài.
- Đức Chí Tôn làm chủ Bát Quái Đài.

Cửu Trùng Đài lo phần độ rỗi chúng sanh thì Bát Quái Đài lo phần siêu rỗi

**HỎI 75: CÁCH THỜ PHƯỢNG NƠI BÁT QUÁI ĐÀI TÒA THÁNH TÂY NINH?**

**ĐÁP:** BÁT QUÁI ĐÀI NƠI TÒA THÁNH TÂY NINH có hình Bát quái, cao 12 bực, trên bực cao nhất có cần 8 cung Bát quái, tại trung tâm của 8 cung Bát Quái này có đúc một cái trụ, trên trụ đặt Quả Càn Khôn hình cầu. Quả Càn Khôn có đường kính 3 thước 3 tấc, sơn màu



xanh da trời, trên đó có gần 3072 ngôi sao tượng trưng Vũ trụ hữu hình gồm Tam thiên thế giới và Thất thập nhị Địa, phía trước Quả Càn Khôn vẽ Thiên Nhân trên ngôi sao Bắc Đẩu.

Dưới Quả Càn Khôn là bệ thờ trên đó đặt Long vị của Ba Đấng Giáo Chủ Tam giáo: Đức Phật Thích Ca, Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Đức Khổng Tử. Phía dưới ba Long vị này là ba Long vị của Tam Trấn Oai Nghiêm: Đức Quan Âm Bồ Tát, Đức Đại Tiên Trưởng Lý Thái Bạch, Quan Thánh Đế Quân.

Tiếp theo bên dưới nữa, theo hàng dọc ở giữa là Long vị của Đức Chúa Jêsus, Giáo Chủ Thánh Đạo; kế dưới nữa là Long vị của Khương Thượng Tử Nha, cầm quyền Thần Đạo.

Nếu kể theo hàng dọc ở giữa từ trên xuống dưới thì có: Đức Phật Thích Ca, Lý Đại Tiên Trưởng, Đức Chúa Jêsus, Đức Khương Thượng Tử Nha, kết hợp với 7 cái ngai nơi cấp 9 CỬU TRÙNG ĐÀI tượng trưng Nhơn Đạo, thì hàng giữa gồm đủ Ngũ Chi Đại Đạo: Phật đạo, Tiên đạo, Thánh đạo, Thần đạo, và Nhơn đạo.

Cách sắp đặt thờ phượng nơi BÁT QUÁI ĐÀI như vậy là để thể hiện tôn chỉ của Đạo Cao Đài là «Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt.»

Nơi BÁT QUÁI ĐÀI nơi TÒA THÁNH TÂY NINH còn có Long vị thờ chư vị Thánh Tử Đạo và các Chức sắc nam nữ đã rời vị, để cho trọn phép: Thiên Nhơn hiệp nhứt.

Phía bên trên của BÁT QUÁI ĐÀI nơi TÒA THÁNH TÂY NINH là một kiến trúc xây cao ba tầng hình 8 cạnh bát quái, dính liền với CỬU TRÙNG ĐÀI: tầng dưới cao

chùng 9 mét, tầng giữa cao chùng 4 mét và tầng trên hết cao chùng 5 mét, có nóc bát quái, trên nóc là một tòa sen lớn, trên đó có đắp tượng ba vị Cổ Phật gọi là Tam Thế Phật:

– BRAHMA PHẬT đứng trên lưng con Thiên nga, day mặt về hướng Tây, tay mặt bắt ấn, tay trái cầm bửu châu.

– SHIVA PHẬT đứng trên lưng con Giao long, nhìn hướng Nam, tay mặt cầm kiếm chống xuống, tay trái chống nạnh.

– CHRISTNA PHẬT đứng trên Thất đầu xà, nhìn hướng Bắc, cầm ống sáo thổi.

**HỎI 76: HIỆP THIÊN ĐÀI LÀ GÌ?**

**ĐÁP:** Đó là cơ quan lập pháp & tư pháp trong Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ.

Hiệp Thiên là cách gọi tắt của bốn chữ Hiệp Nhưt Thiên Nhơn. Đây là cơ quan giữ phần thông công và bảo thủ Luật pháp chơn truyền của Đạo. Hiệp Thiên Đài còn được xem là cơ quan Tư pháp. Hiệp Thiên Đài có hai cơ quan: Pháp Chánh và Phước Thiện.

**I. PHÁP CHÁNH:**

Là cơ quan gìn giữ luật pháp Đạo để bảo thủ đúng chơn truyền mà nhiệm vụ được nêu rõ trong câu liên dành cho cơ quan.

PHÁP LUẬT VÔ TƯ, ĐẠO GIÁO TỪ OAI TÙNG LÝ  
CHÁNH TÔNG BẮT DỊCH CHƠN TRUYỀN,  
THIỆN ÁC TÙY HÌNH.

Ý nghĩa:

*Pháp luật không thiên vị ai nhưng hình phạt của tôn giáo thì hiển lành từng theo lẽ phải.*

*Đạo chánh không thay đổi chơn truyền nhưng việc thiện ác tùy theo hình phạt mà áp dụng.*

## II. PHƯỚC THIÊN”

Làm nhiệm vụ bảo sanh dưỡng thiện, trợ giúp chúng sanh để có điều kiện no ấm, đặc biệt đối với trẻ mồ côi, người già yếu và tàn tật không nơi nương tựa. Phước Thiện tạo nền kinh tế chính nghĩa, nền văn hoá xã hội hướng thiện. Lấy tình thương làm lẽ sống, lấy điều nghĩa phục vụ nhơn sanh nên cơ quan Phước Thiện được coi là cơ quan đem Đồi về Đạo, giúp xã hội trở về thời Thánh đức. Phước Thiện lập cơ chế như những dòng tu, sống đem thân phụng sự cho đời, chết được an ngôi vị. Trong Phước Thiện có 12 cấp từ thấp lên cao. Nhiệm vụ của Phước Thiện được minh họa bởi hai câu liễn treo trước cơ quan:

**PHƯỚC ĐỨC THIÊN BAN VẠN VẬT CHÚNG SANH LY KHỔ KIẾP.**

**THIỆN DUYÊN ĐỊA TRỮ THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT HIỆP NGUYÊN NHÂN.**

Ý nghĩa:

*Trời ban phước đức cho vạn vật và chúng sanh khỏi kiếp sống khổ nhọc.*

*Đất chứa duyên lành, chư Phật mười phương độ các Nguyên nhân hội hiệp trở về.*

**HỎI 77: CỬU TRÙNG ĐÀI LÀ GÌ?**

**ĐÁP:** Cửu Trùng Đài, theo từ ngữ, có nghĩa là tòa nhà cao lớn có chín bậc, nhưng về phương diện Đạo thì Cửu Trùng Đài có ý nghĩa rất rộng. Cửu Trùng Đài là tòa ngự của chư Chưc sắc Thiên phong, thay mặt Chí Tôn, phổ độ nhơn sanh đem vào cửa Đạo, giáo hóa cho trở nên lành, dẫn dắt từ từ tiến lên đường tu, để cuối cùng đạt được phẩm vị cao trọng, trở về hiệp nhứt cùng Đức Chí Tôn. Cho nên phận sự quan trọng nhứt của Cửu Trùng Đài là phổ độ và giáo hóa nhơn sanh.

Đó là cơ quan hành pháp trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Giữ quyền Hành Pháp, trông coi về hành chánh Đạo và điều hành cơ phổ truyền giáo hóa chúng sanh.

Có ba phái tượng trưng cho Tam Thanh

- Phái Thái: mặc áo vàng (PHẬT ĐẠO)
- Phái Thượng: mặc áo xanh (TIÊN ĐẠO)
- Phái Ngọc: mặc áo đỏ (THÁNH ĐẠO)

**I. HÀNH CHÁNH:**

Có Cửu Viện là 9 cơ quan lớn của Đạo có phần hành chuyên môn ở Hội Thánh Trung Ương, điều hành tất cả công việc của Đạo và trực thuộc dưới quyền của ba Chánh Phối sư.

– Phái Thái trông coi về Hộ viện (tài chánh), Lương viện (thực phẩm) và Công viện (xây cất, tu bổ)

– Phái Thượng trông coi về Học viện (giáo dục), Y viện (y tế) và Nông viện (sản xuất thực phẩm nuôi người hiến thân trọn đời hành Đạo)

– Phái Ngọc trông coi về Hòa viện (hòa giải xích mích), Lại viện (lo về văn thơ, hồ sơ thăng thưởng) và Lễ viện (lo về các cuộc tế lễ)

## II. PHỔ TẾ:

Đây là cơ quan truyền giáo, dìu dắt chúng sanh nương theo Đạo mà tiến hoá đến phẩm trọn lành. Người đi phổ tế phải có khả năng tâm linh vững chắc để giúp người giác ngộ, cải hoá.

Muốn vậy, chức sắc Phổ tế phải biết tu tiến, tham khảo các giáo lý, triết thuyết Đông Tây Kim Cổ để tìm đường hướng giải thoát vừa trình độ của chúng sanh đồng thời vừa nhập thế vừa xuất thế. Nhiệm vụ độ rỗi này được ghi rõ trong hai câu liên:

**PHỔ HÓA CHÚNG SANH CÁI ÁC TỪNG LƯƠNG  
QUI ĐẠI ĐẠO**

**TẾNG UY VẠN LOẠI KHỬ TÀ TÔN CHÁNH HIỆP  
TAM KỲ.**

Ý nghĩa:

*Giáo hóa nhưn sanh khắp nơi, sửa đổi không làm ác mà làm theo điều lành trở về với Đại Đạo.*

*Cứu giúp điều nguy khốn cho muôn loài, trừ bỏ điều tà vạy, giữ cho còn điều chánh đáng, hợp vào Đạo Cao Đài.*

**HỎI 78: CƠ CẤU CỦA HỘI THÁNH ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ CÓ ƯU ĐIỂM GÌ?**

**ĐÁP:** Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gồm có:

- Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Đứng đầu là phẩm Giáo tông
- Hội Thánh Hiệp Thiên Đài. Đứng đầu là phẩm

Hộ pháp.

– Hội Thánh Phước Thiện trực thuộc Hiệp Thiên Đài

Ưu điểm của sự phân quyền là tránh sự áp chế và tạo được sự tương quan chặt chẽ, ràng buộc lẫn nhau. **Phần lãnh đạo tối cao, Quyền Hành pháp và Quyền Tư pháp được chia ra cho hai phẩm Giáo Tông và Hộ Pháp chứ không cho một Quyền Giáo chủ độc đoán.**

Ở cấp trực tiếp làm việc với tín đồ và nhơn sanh, hai quyền này được giao cho hai phẩm Phó Trị Sự và Thông Sự, thường được gọi là Giáo Tông em và Hộ Pháp em, còn Chánh Trị Sự được gọi là Đầu sự em.

Giữ thế quân bình, không cho hai quyền chống đối, lấn áp nhau mà làm tốt đẹp cho nhau, đó là điều mới mẻ của nền Tân Pháp.

**HỎI 79: XIN CHO BIẾT CƠ CẤU CỦA HỘI THÁNH CỬU TRÙNG ĐÀI?**

**ĐÁP:** GIÁO TÔNG đứng đầu Cửu Trùng Đài. Dưới quyền Ngài, Hội Thánh, còn có:

- 03 Chưởng Pháp
- 03 Đầu Sự
- 36 Phối Sư
- 72 Giáo Sư
- 3000 Giáo hữu

**Hội Thánh do Ba Đầu Sự lãnh đạo, nhưng quyền hành giao cho Ba Chánh Phối Sư.**

Ba Chánh Phối Sư đứng đầu Toà Nội Chánh, điều

hành Chức sắc cả ba phái và hai cơ quan: Hành chánh và Phổ tế.

**HỎI 80: CƠ CẤU CỦA HỘI THÁNH HIỆP THIÊN ĐÀI?**

**ĐÁP:** Hội Thánh Hiệp Thiên Đài là cơ quan lập pháp và tư pháp, có nhiệm vụ thông công cùng các Đấng, bảo thủ chơn truyền chánh giáo. Hiệp Thiên Đài có ba chi: Chi Pháp, Chi Đạo, Chi Thế.

– **HỘ PHÁP** chưởng quản Hiệp Thiên Đài và đứng đầu chi PHÁP.

– **THƯỢNG SANH** chưởng quản chi THẾ.

– **THƯỢNG PHẨM** chưởng quản chi ĐẠO.

Dưới ba vị lãnh đạo còn có Thập Nhị Thời Quân, chia làm 3 chi, mỗi chi 4 vị. Nhiệm vụ của ba chi rất trọng đại, có các cơ quan trọng yếu như sau:

– Chi Pháp có Bộ Pháp Chánh.

– Chi Đạo có cơ quan Phước Thiện.

– Chi Thế có Ban Thế Đạo.

**Thập nhị Bảo quân** là 12 chức sắc cao trọng về chuyên môn, được xem như Hàn lâm viện của Đạo. Các vị này cùng phẩm Phụ tử, phẩm cao nhất của Ban Thế Đạo, khi châu lễ tại Đền Thánh giữ địa vị trên phẩm Chánh Phối sư và dưới Đầu sư.

**HỎI 81: CƠ CẤU HỘI THÁNH PHƯỚC THIỆN?**

**ĐÁP:** Hội Thánh Phước Thiện là cơ quan lo về việc xã hội, cứu khổ. Tuy thành lập Hội Thánh nhưng cơ quan vẫn trực thuộc Hiệp Thiên Đài.

Đạo Nghị Định 48 của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp thành lập Cơ Quan Phước Thiện, qui định 12 phẩm cấp Chức sắc Phước Thiện gọi là Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của Cơ Quan Phước Thiện, gồm các phẩm Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn, Hiễn Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Tử, Phật Tử. Phẩm Hiễn Nhơn trở lên không còn phận sự trong Cơ Quan Phước Thiện, mà qua Hiệp Thiên Đài giúp giữ gìn chơn pháp.

**HỎI 82: HÀNH CHÁNH ĐẠO LÀ GÌ? CÓ CẦN THIẾT KHÔNG?**

**ĐÁP:** *“Hành Chánh Đạo là cơ quan để thi hành các luật lệnh của Hội Thánh hoặc của chúng sanh dâng lên mà đã có Quyền Chí Tôn phê chuẩn, nghĩa là buộc chúng sanh phải tuân y luật pháp mà đi trên con đường đạo đức cho đặng thông dong, hòa bình, trật tự, hạnh phúc, an nhàn, tức là thật hành cả khuôn viên luật pháp cho ra thiết tướng.”*

*(ĐẠO LUẬT NĂM MẬU DẦN 1938)*

Cầm quyền Hành Chánh Đạo là phận sự của Chức sắc Cửu Trùng Đài thay mặt cho Trời mà thực thi nhơn nghĩa đạo đức để phục vụ nhơn sanh về phần vật chất tức là phần đời.

Bảo thủ chơn truyền chẳng để cho Chánh giáo trở nên Phàm giáo là nhiệm vụ của Chức sắc Hiệp Thiên Đài can hệ về phần tinh thần tức là phần Đạo.

Hành là làm, chánh là ngay thẳng, không xiên vẹo, nghĩa là làm cho ra thiết tướng nền chơn đạo của Đức Chí Tôn trong sứ mạng tận độ. Tại sao nơi cửa Đạo Cao Đài lại có Hành Chánh Đạo, mà không như các tôn giáo hằng hữu ngồi yên để tịnh luyện? Đạo Cao Đài sở dĩ có



Hành Chánh Đạo là vì muốn cho có đẳng cấp trật tự đi trong lễ phải, thực hành chơn lý, để mỗi chơn linh dù lớn dù nhỏ, có phương tiện nương theo đó mà lập vị mình, hầu trở lại quê xưa hay là tiến hóa.

**Mục tiêu chánh của Hành Chánh Đạo là giáo hóa, chứ không phải như Hành Chánh của đời là cai trị.**

Hành Chánh Đạo có một hệ thống tổ chức chặt chẽ từ trung ương ở Tòa Thánh Tây ninh đến địa phương. Chẳng hạn, mỗi Tộc Đạo xây dựng một Thánh Thất để làm nơi thờ cúng Đức Chí Tôn, các Đấng Thiêng liêng và để qui tụ các tín đồ tổ chức các sinh hoạt của tôn giáo. Vị Lễ Sinh Đầu Tộc Đạo cai quản đạo sự trong Tộc Đạo thì cũng cai quản luôn cả Thánh Thất của Tộc Đạo. Giúp việc văn phòng cho Đầu Tộc Đạo có một vị Đầu Phòng Văn khoa mục do Hội Thánh bổ nhiệm.

**KHÂM TRẦN:** phẩm vị Giáo Sư, trông coi một vùng liên tỉnh.

**KHÂM CHÂU:** phẩm vị Giáo Hữu, trông coi một Châu Đạo (tỉnh, tiểu bang).

**ĐẦU TỘC:** phẩm vị Lễ sanh, trông coi một Tộc Đạo (một quận hay huyện).

**CHÁNH TRỊ SỰ:** trông coi một Hương đạo (một phường hay xã).

**PHÓ TRỊ SỰ & THÔNG SỰ:** trông coi một Ấp Đạo

**HỎI 83: BAN THỂ ĐẠO- PHẨM HIỂN TÀI TRỰC THUỘC AI?**

**ĐÁP:** «ĐẠO không ĐỜI không sức, ĐỜI không ĐẠO không quyền». Ban Thể Đạo đặt căn bản và định phương

hướng hoạt động trên tư tưởng ấy. ĐẠO lo cho phần hồn của chúng sanh, phổ độ nhưn sanh để sau khi trả xong nợ thế, trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, đồng thời ĐẠO cũng chú trọng đến phần xác của con người, cải thiện xã hội nhưn quần ngay tại thế gian này. Có nhiều bậc ưu thời mẫn thế sẵn có Đạo tâm, giàu lòng nhân ái, muốn phụng sự Đại Đạo, nhưng còn ràng buộc trách nhiệm đối với quốc gia, xã hội, chưa phé Đời hành Đạo được. BAN THẾ ĐẠO là nơi dụng hiển, tạo cơ hội cho những bậc có Đạo tâm thực hành thiện nguyện ấy.

## I. TỔ CHỨC

Ban Thế Đạo thành lập do Thánh Lệnh số 01/TL ngày 28 tháng 02 năm Ất Tỵ (30-03-1965) của Đức THƯỢNG SANH thể theo Thánh Giáo của Đức LÝ ĐẠI TIÊN đêm mừng 3 tháng 12 năm Quý Tỵ (07-01-1954).

Cơ quan này trực thuộc Hiệp Thiên Đài, dưới quyền chương quản của một vị Thời Quân Chi Thế Hiệp Thiên Đài do Hội Thánh ủy nhiệm. Chức Sắc trong Ban Thế Đạo có nhiệm vụ độ ĐỜI nâng ĐẠO và hành sự trực tiếp với Cửu Trùng Đài về mặt chuyên môn trong Xã Hội, và **trực thuộc Hiệp Thiên Đài “CHI THẾ” về mặt Chơn Truyền và Luật Pháp.**

## II. PHONG VỊ:

Ban Thế Đạo gồm có 4 phẩm: HIỂN TÀI, QUỐC SĨ, ĐẠI PHU, PHU TỬ

Những vị nào muốn được tuyển trạch vào Ban Thế Đạo phải có 2 Vị Chức Sắc trong Đạo tiến cử và phải nhập môn cầu Đạo.

– Hàng phẩm Hiển Tài do Hội Thánh Hiệp Thiên

Đài chọn lọc và tấn phong.

– Các hàng phẩm QUỐC SĨ, ĐẠI PHU và PHU TỬ do Hội Thánh Hiệp Thiên Đài tuyển chọn và dâng lên quyền Thiêng Liêng phán định.

### III. LỄ PHỤC

1. Lễ Phục HIỂN TÀI: Áo tràng trắng, đầu bịt khăn đóng đen, mang dấu hiệu Cổ Pháp Giáo Tông nơi ngực, thêm hai chữ “*Hiển Tài*” bằng Quốc ngữ, trong giờ châu Lễ giữ địa vị trên Phẩm Lễ Sanh dưới Giáo Hữu.

2. Lễ Phục QUỐC SĨ: Y như của Hiển Tài, Cổ Pháp thêm hai chữ “*Quốc Sĩ*”, khi châu Lễ giữ địa vị trên phẩm Giáo Hữu dưới Giáo Sư.

3. Lễ Phục ĐẠI PHU: Y như của Quốc Sĩ, nhưng đầu bịt khăn đóng đen chín lớp chữ Nhứt, Cổ Pháp thêm hai chữ “*Đại Phu*”, khi châu Lễ giữ địa vị trên Phẩm Giáo Sư dưới Phối Sư.

4. Lễ Phục PHU TỬ: Y như Đại Phu, Cổ Pháp thêm hai chữ “*Phu Tử*”, khi châu Lễ giữ địa vị trên Phẩm Chánh Phối Sư dưới Đầu Sư.

Lễ Phục của Nữ Phái y như Nam Phái, nhưng để đầu trần.

Về Thế Phục thì tùy ý, được mang Phù hiệu theo đẳng cấp nơi ngực bên trái. Chức Sắc Ban Thể Đạo khi lãnh nhiệm vụ đặc biệt của Hội Thánh Hiệp Thiên Đài và với sự chấp thuận của Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, được mang Trường Y (06) sáu nút như tiểu phục Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, trong thời gian thi hành nhiệm vụ được giao phó.

**IV. CẦU PHONG:** Thể theo tinh thần Thánh Lịnh Đức HỘ PHÁP số 49, ngày mồng 1 tháng 6 năm Tân Mão (DL ngày 4-7-1951) thành lập ngôi vị Hiền Tài trong cửa Đạo sau (05) năm năm công nghiệp có Bộ Pháp chánh minh tra đủ lẽ, bậc Hiền Tài sẽ cầu phong vào hàng Chức Sắc Hiệp Thiên Đài hay Cửu Trùng Đài do Thiêng liêng chỉ định. Cũng như trên, bậc QUỐC SĨ, ĐẠI PHU và PHU TỬ sẽ được cầu phong do quyền Thiêng liêng định đoạt. Khi đắc phong vào hàng Thánh rồi thì không còn phận sự trong Ban Thế Đạo nữa và phải tuân y trọn vẹn Tân Luật và Pháp Chánh Truyền. Ngày sau Bản Quy Điều này có thể bổ sung hay điều chỉnh tùy nhu cầu tiến hóa của nhơn sanh.

Quy Điều này đã được tu chỉnh do Hội Thánh Hiệp Thiên Đài theo vi bằng số 10/VB ngày mùng 6 tháng 6 năm Kỷ Dậu (DL. ngày 19-7-1969) và được Đức Hộ Pháp phê chuẩn do Thánh giáo đêm mùng 4 tháng 7 Kỷ Dậu. (DL.16-8-1969).

**HỎI 84: HÀNH CHÁNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG?**

**ĐÁP:** HÀNH CHÁNH ĐẠO địa phương tổ chức trong nước Việt Nam gồm: Trấn Đạo, Châu Đạo, Tộc Đạo và Hương Đạo. Trấn đạo là cấp cao nhất của HCD địa phương. Trong nước VN có nhiều Trấn đạo.

– Một Trấn Đạo có nhiều Châu Đạo. Đứng đầu Trấn Đạo là một vị Khâm Trấn Đạo, phẩm Giáo Sư, do Hội Thánh bổ nhiệm.

– Một Châu Đạo có nhiều Tộc Đạo. Đứng đầu Châu Đạo là một vị Khâm Châu Đạo, phẩm Giáo Hữu,

do Hội Thánh bổ nhiệm.

– Một Tộc Đạo có nhiều Hương Đạo. Đứng đầu Tộc Đạo là một vị Đầu Tộc Đạo, phẩm Lễ Sanh, do Hội Thánh bổ nhiệm.

– Một Hương Đạo có nhiều Ấp Đạo, đứng đầu Hương Đạo là một vị Đầu Hương Đạo, phẩm Chánh Trị Sự, do các Chức việc Bàn Trị Sự của Hương Đạo bầu lên.

– Một Ấp Đạo có 2 vị: Phó Trị Sự và Thông Sự trông coi đạo sự trong Ấp Đạo của mình. Phó Trị Sự và Thông Sự do các Đạo hữu trong Ấp Đạo bầu lên.

Như vậy, **một Hương đạo chỉ có một Chánh Trị Sự Đầu Hương Đạo, nhưng lại có nhiều Phó Trị Sự và Thông Sự phụ trách trong các Ấp Đạo.**

Đặc biệt trong Đạo Cao Đài, Hành Chánh Đạo nói riêng và các tổ chức khác của Đạo nói chung, đều phân ra hai phái NAM và NỮ. Hai phái này có tổ chức Đạo hoàn toàn giống nhau, các cấp bậc đều tương ứng nhau, nhưng điều hành việc Đạo riêng theo mỗi phái, phái này không xen qua phái kia, quyền hành nam nữ riêng biệt.

**HỎI 85: NHIỆM VỤ CỦA BÀN TRỊ SỰ?**

**ĐÁP:** Chức việc Bàn Trị Sự (BTS) gồm 3 phẩm cấp: Chánh Trị Sự (CTS), Phó Trị Sự (PTS), Thông Sự (TS), chịu dưới quyền trực tiếp của Đầu Tộc Đạo. Mọi đạo sự trong Hương đạo đều phải báo cáo với Đầu Tộc Đạo.

**I. Bốn phận Chức việc BTS đối với Hội Thánh.**

Bốn phận của Chức việc BTS là phải tuân mạng lệnh của Hội Thánh truyền dạy, không được phép trái với sở

định của bề trên, chẳng lấy ý riêng của mình mà canh cải, bất từng giáo hóa. Một điều nên ghi nhớ trong Tứ Đại Điều Quy là: Dưới gián trên đưng thất khiêm cung mà lỗi đạo làm em và bị phạm luật đạo.

## 2. Bốn phận Chức việc BTS đối với bốn đạo.

Chức việc BTS đối với bốn đạo đàn em phải hết dạ thương yêu, thành thật giúp đỡ và dịu dặt đàn em trên đường Đạo cũng như trên đường đời. Phải giữ hạnh khiêm cung từ nhượng, dùng lời dịu ngọt mà dạy dỗ, nhứt là phải đối xử cho công bình, giữ mình trong sạch để nêu gương tốt cho đàn em bắt chước. Chức việc BTS được quyền sai khiến đàn em trong phạm vi quyền hạn của mình.

Chức việc BTS là người thay Hội Thánh, thân cận với nhơn sanh trong Hương đạo, thì bốn phận của mỗi vị cần phải thực thi đúng trách nhiệm của mình y theo Pháp Chánh Truyền...

Chánh Trị Sự (CTS) phải chịu cho toàn cả Phó Trị Sự và Thông Sự trong Hương đạo xúm nhau công cử. Chỉ có Phó Trị Sự hoặc Thông Sự đương quyền mới được ứng cử chức Chánh Trị Sự. Đạo hữu không có quyền ứng cử chức CTS. Hồ sơ ứng cử phải nộp cho Đầu Tộc Đạo. **Chánh Trị Sự đắc cử mỗi nhiệm kỳ là 5 năm.** Đắc cử rồi mà vô cơ phể phận, không trọn khóa đắc cử thì không được kể công nghiệp, mặc dù có viện lý do.

Mỗi tín đồ, sau khi đổi Sớ Cầu Đạo Tạm, lấy Sớ Cầu Đạo Thiệt Thọ rồi, đều có quyền bầu cử và ứng cử chức Phó Trị Sự hay Thông Sự. Ứng cử viên Phó Trị Sự và Thông Sự phải là người Đạo hữu giữ thập trai, có đạo tâm, sốt sắng và có năng lực hành sự.

## Trường hợp đặc biệt Hương đạo mới thành lập: Đề cử

Hương đạo mới phổ độ thành lập thì Đầu Tộc Đạo có quyền đề cử, nghĩa là lựa chọn trong hàng Đạo hữu, những vị nào có hạnh kiểm tốt, đạo tâm sốt sắng, để thành lập Bàn Trị Sự đầu tiên, gồm có: một Chánh Trị Sự, một Phó Trị Sự, một Thông Sự.

Sau khi đề cử xong, Đầu Tộc Đạo phải đệ tờ về Hội Thánh xin xác nhận mới có giá trị. *(Trích trong tài liệu Hạnh Đường Huấn Luyện Lễ Sanh và Huấn Luyện Bàn Trị Sự)*

### HỎI 86: QUYỀN VẠN LINH LÀ GÌ?

Khi lập Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn lập ra 3 đài tương ứng với 3 quyền: Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp.

– Quyền Lập pháp là của Bát Quái Đài do Đức Chí Tôn nắm giữ.

– Quyền Hành pháp là của Cửu Trùng Đài do Đức Giáo Tông nắm giữ.

– Quyền Tư pháp là của Hiệp Thiên Đài do Đức Hộ Pháp nắm giữ.

Khi lập Đạo xong thì **Đức Chí Tôn giao Quyền Lập pháp lại cho Vạn linh**, vì Đức Chí Tôn cho Quyền Vạn linh được ngang bằng với Quyền Chí linh. (Chí linh là Đức Chí Tôn). Vì thế, **Quyền Vạn linh lập thành Cơ quan Lập pháp của Đạo Cao Đài**. Cơ quan Lập pháp của Đạo Cao Đài là một cơ quan có nhiệm vụ lập ra hay hủy bỏ các luật pháp tu hành cho các tín đồ Cao Đài, để

các luật pháp này lúc nào cũng thích hợp với trình độ tiến hóa của nhơn sanh.

**Quyền Vạn linh lập pháp của Đạo Cao Đài thể hiện lần đầu tiên là lập thành Tân Luật, luật tu hành của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.**

Muốn thực hiện Quyền Vạn linh thì phải quyết nghị qua 3 Hội: Hội Nhơn sanh, Hội Thánh, Thượng hội.

**1. HỘI NHƠN SANH** là hội nghị của các đại biểu nhơn sanh gồm: đại biểu của Đạo hữu, đại biểu của Bàn Trữ Sự, đại biểu của Lễ Sanh. Hội Nhơn sanh còn là đại biểu của các hạng chúng sanh: kim thạch, thảo mộc, thú cầm, nhơn loại, bởi vì trong chúng sanh thì nhơn loại tiến hóa và linh hơn tất cả, nên làm đầu chúng sanh. Các đại biểu trực tiếp do nhơn sanh bầu cử đem lời thỉnh nguyện trình bày giữa hội. Thượng Chánh Phối Sư giữ nhiệm vụ Nghị trưởng, có một nữ Chánh Phối Sư làm Phó Nghị trưởng.

**2. HỘI THÁNH** là hội nghị của các đại biểu của hàng Thánh, gồm: các Giáo Hữu (đối phẩm Địa Thánh), các Giáo Sư (đối phẩm Nhơn Thánh), các Phối Sư và Chánh Phối Sư (đối phẩm Thiên Thánh). Hội Thánh có quyền tán thành hay phản đối lời thỉnh cầu của Nhơn sanh chiếu theo Luật Pháp của Đạo, cũng như xem xét những luật lệ nào không phù hợp với sự tấn hóa về dân trí của nhơn sanh. Thái Chánh Phối Sư giữ nhiệm vụ Nghị trưởng và có một nữ Chánh Phối Sư làm Phó Nghị Trưởng.

**3. THƯỢNG HỘI** là hội nghị của các đại biểu hàng Tiên và Phật, gồm: các vị Đầu Sư (đối phẩm Địa Tiên), các vị Chưởng Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh (đối



phẩm Nhơn Tiên), Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp (đối phẩm Thiên Tiên và Phật vị). Hội Tối Cao này sẽ xem xét đề nghị của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh rồi quyết định chấp thuận hay không

Ba hội này hiệp lại quyết nghị một điều gì thì đó là quyết nghị của Vạn linh, tạo thành Quyền Vạn linh. **Luật nào được Ba Hội lập Quyền Vạn linh quyết nghị thông qua, thì được xem là Thiên điều tại thế**, không ai có quyền sửa cải. Khi có điều luật nào áp dụng lâu ngày trở nên lỗi thời thì chỉ có Quyền Vạn linh mới được sửa cải mà thôi.

Như vậy, chỉ Nhơn sanh không đủ kể là Vạn Linh, mà toàn Thánh Thể của Đức Chí Tôn cũng chưa kể là Vạn Linh được, phải có đủ cả hai thành phần đó. **Quyền Vạn Linh được xem ngang bằng với Quyền Chí Linh**. Đó là vì Đức Chí Tôn muốn ban quyền hành rộng rãi cho con cái để vạn linh tự lập luật kèm chế lấy mình trên đường tu hầu có thể hội hiệp cùng Đấng Cha Trời.

#### **HỎI 87: HỘ PHÁP LÀ AI? VI HỘ PHÁP HAY PHẠM HỘ PHÁP?**

#### **ĐÁP:**

*Hộ giá Chí Tôn trước đến giờ,  
Pháp luân thường chuyển máy thiên thơ.  
Chưởng quyền cực lạc phân ngôi vị,  
Quản xuất càn khôn định cõi bờ.  
Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo,  
Hữu duyên Đông Á nắm thiên thơ.  
Hình hài thánh thể chừ nên tướng,*

*Đài trọng hồng ân gắng cây nhờ. Căn cứ vào bốn câu*

thơ đầu của bài thơ trên thì nguyên căn Đức-Hộ-Pháp được giải rõ.

Ngài là một Đấng hằng hữu, khi vũ trụ thành hình thì đã có Ngài để quản xuất càn khôn định cõi bờ. Ngài đã từng giáng trần dưới hình thể có tên như là Vi-Hộ, Jésus, Phạm Công Tắc. Đó là những Đấng lâm phạm trong nguyên căn của Hộ-Pháp qua từng thời kỳ tại địa cầu này, chứ không thể nói rằng Vi-Hộ trong đời phong thần là nguyên căn của Hộ-Pháp. Vậy xin hỏi trước đời phong thần này thì càn khôn vũ trụ vận hành ra sao! khi không có quyền lực để điều khiển sự vận hành của nó?

**Hộ-Pháp là gì? Là năng lực gìn giữ bảo hộ sự vận hành trong càn khôn vũ trụ từ lớn tới nhỏ, gìn giữ những nguyên lý, qui luật vận hành của vũ trụ, thí dụ như là các vì tinh tú xoay quanh một quỹ đạo trật tự an bày hay là lực hấp dẫn giữa các vì tinh tú đó. Không có nguyên căn của Hộ-Pháp trong chơn linh của Thầy thì tức nhiên vũ trụ lúc đó không có quyền năng gìn giữ pháp.**

Chúng ta biết rằng Đức Chí Tôn là sự sống đầu tiên trong vũ trụ, không tên không tuổi, không gì cả. Tiếng Thượng Đế chẳng qua là danh gọi của con người đặt ra và tất cả mọi người đều hiểu rằng Thượng Đế là Đấng toàn năng còn Hộ-Pháp là một năng trong số toàn năng có nghĩa là một phần sức sống đầu tiên ấy, nhưng chuyên biệt về một vấn đề bảo thủ những qui luật nguyên tắc của sự vận hành của vũ trụ.

Trong Đạo giáo của Tam Kỳ Phổ Độ có một tiếng gọi đơn giản đó là chơn truyền của Đạo, không nói Thần học không nói gì cao siêu cho lắm mà nói là chơn truyền,

Đức-Hộ-Pháp có nhiệm vụ gìn giữ chơn truyền của Đạo.

Tức nhiên Hộ-Pháp là một chức năng trong cái toàn năng của Thượng Đế. Cái đó không có hình tướng gì cả, từ trong khối điện toàn năng đó, tạm gọi là điện chứ không có tên gì hết mới chiết ra một phần nhập vào hình xác của Vi-Hộ làm thành một quyền năng, sau nầy gọi là Hộ-Pháp nghĩa là tinh thần của nhân vật Vi-Hộ đã nhập lưu được vào dòng thần lực của chức năng Hộ-Pháp, kế tiếp nhập vào Jésus làm chúa cả Đạo Thánh, sau nữa nhập vào ông Phạm Công Tắc làm Hộ-Pháp trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Chúng ta chỉ biết được qua sử sách có ba kiếp như vậy chứ còn thực ra chức năng của Hộ-Pháp vẫn vô vàn tác động từ kim thạch, thảo mộc, thú cầm đến con người để gìn giữ những luật tắc trong càn khôn vũ trụ.

**HỎI 88: VÌ SAO CHỌN THI SĨ LÝ BẠCH LÀM GIÁO TÔNG CỦA Đ.Đ.T.K.P.Đ?**

**ĐÁP:** Tín đồ Cao Đài thờ chơn linh của Lý Bạch làm Giáo Tông Đạo Cao Đài chớ chúng ta không thờ thi hào Lý Bạch làm Giáo Tông Đạo Cao Đài bao giờ. Chơn linh Lý Bạch là một khối thần lực của Thượng Đế từ tạo thiên lập địa đã có khối đó cũng giống như trường hợp của Đức Hộ Pháp.

*“Ánh Thái Cực biến sanh Thái Bạch.*

*Hiện Kim Tinh trọng trách Linh Tiêu.*

*Quyền năng vưng thừa Thiên triều.*

*Càn khôn thế giới dặt dìu tinh quân”*

Căn cứ vào bốn câu thi trên, chúng ta có thể hiểu: nguyên căn của ngài bắt nguồn từ khối đại chơn linh (Ngôi Thái Cực) đã biến sanh ra một khối năng lượng

sáng trắng to lớn vô cùng,

*(căn cứ Hán Việt Từ Điển Nguyễn văn Khôn- XB năm 1969 thì: Thái là rất lớn. Bạch là sắc trắng, rõ ràng, sáng sủa).*

Như vậy, lúc khởi thủy của vũ trụ, Ngài vốn không có danh xưng nhưng quyền năng thì vô cùng to lớn (ba câu thơ sau đã nói rõ). Trải qua không biết bao nhiêu thời gian, cho đến lúc:

*“Tinh quân thọ sắc thuở Phong Thần.  
Cho đến Đường triều mới biến thân.  
Thái Bạch Kim Tinh đang trị thế,  
Trường canh trích tử đến thăm trần”*

Thì danh xưng Thái Bạch mới có ở đời Phong Thần. Đến đời nhà Đường ngài mới chiết chơn linh đầu kiếp là một đại thi hào Lý Bạch.

Nay chúng ta tôn kính Ngài qua danh xưng trong một kiếp xuống trần của Ngài là Ông Lý Bạch, người có công trong nền văn học Trung Quốc đời nhà Đường. Chúng ta mượn kiếp này của Ngài để tôn thờ một quyền năng thiêng liêng cao trọng với danh hiệu

“LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG KIÊM GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ”

Ngài đã và đang:

*“Vãng linh Ngọc Hư nay xuống thế,  
Tam kỳ độ rỗi các nguyên nhân”*

**HỎI 89: CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG & CỬU VỊ NỮ PHẬT LÀ AI?**

**ĐÁP:** “Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng

*hà sa số Phật trông nom về Cơ phổ độ mà Quan Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại cung Nam Hải, ở An Nhân động. Còn Diêu Trì Cung thì ở Tào Hóa Thiên.” (Trích Luật Tam Thế).*

Nhiệm vụ của mỗi Tiên Nương nơi cõi Thiêng Liêng như sau:

### **1. NHỨT NƯƠNG:**

Nhứt Nương cầm bửu pháp là đòn Tỳ bà, cai quản vườn Ngạn Uyển nơi tầng Trời thứ nhứt trong Cửu Trùng Thiên, đón tiếp các chơn hồn qui Thiên đi lên Cửu Trùng Thiên, xem xét các nguyên nhân đang còn sống nơi cõi trần hay đã qui liễu. Mỗi đoá hoa trong vườn Ngạn Uyển là một chơn linh. Khi chơn linh tái kiếp xuống trần thì hoa nở, khi qui liễu thì hoa héo tàn, khi chơn linh làm điều đạo đức thì sắc hoa tươi thắm, còn làm điều gian ác thì sắc hoa ủ dột xấu xí.

### **2. NHỊ NƯƠNG:**

Nhị Nương cầm bửu pháp Lư hương, cai quản vườn Đào Tiên của Đức Phật Mẫu ở tầng Trời thứ nhì trong Cửu Trùng Thiên, đón tiếp và hướng dẫn các chơn hồn đi lên tầng Trời thứ nhì, vào vườn Đào Tiên, mở tiệc rót rượu trường sanh đãi các chơn hồn, rồi đưa chơn hồn lên Ngân Kiều, có lần Kim quang đỡ chơn hồn đi lên tầng Trời thứ ba.

### **3. TAM NƯƠNG:**

Tam Nương cầm bửu pháp là quạt Long Tu Phiến, đón tiếp các chơn hồn lên tầng Trời thứ ba là Thanh Thiên, dùng thuyền Bát Nhã đưa các chơn hồn đi

qua biển khổ sang bờ giác ngộ, qui hồi cựu vị.

#### **4. TỬ NƯƠNG:**

Tử Nương cầm bửu pháp Kim Bàng, đón tiếp các chơn hồn lên từng Trời thứ tư là Huỳnh Thiên.

#### **5. NGŨ NƯƠNG:**

Ngũ Nương cầm bửu pháp là cây Như Ý, tiếp dẫn các chơn hồn lên từng Trời thứ 5 là Xích Thiên trong Cửu Trùng Thiên. Nơi đây, chơn hồn được hướng dẫn đến Minh Cảnh Đài để xem rõ ràng các việc làm tội phước trong kiếp sanh nơi cõi trần, rồi đến cung Ngọc Diệt Hình để mở quyển Kinh Vô Tự, xem quả duyên của mình.

#### **5. LỤC NƯƠNG:**

Lục Nương cầm bửu pháp là Phướn Tiêu diêu hay Phướn Truy hồn, tiếp đón các chơn hồn lên từng Trời thứ sáu là Kim Thiên, hướng dẫn đến cung Vạn Pháp cho chơn hồn xem rõ cựu nghiệp của mình. Trong một kiếp giáng trần ở nước Pháp. Lục Nương là Thánh Nữ Jeanne d'Arc (1412-1431), đã đánh đuổi quân xâm lăng Anh quốc để cứu nước Pháp.

#### **6. THẤT NƯƠNG:**

Thất Nương cầm bửu pháp là Hoa sen, tiếp đón các chơn hồn đến từng Trời Hạo Nhiên Thiên bái kiến Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Đức Phổ Hiền Bồ Tát. Thất Nương, tình nguyện lãnh lĩnh Ngọc Hư Cung xuống cõi Âm Quang giáo hóa các Nữ tội hồn cho họ sớm thức tỉnh, để được tái kiếp trả xong căn quả và tu hành.

## 7. BÁT NƯƠNG:

Bát Nương cầm bữu pháp là Giỏ Hoa Lam, tiếp đón các chơn hồn đến từng Trời Phi Tượng Thiên, từng thứ tám trong Cửu Trùng Thiên, hướng dẫn chơn hồn đến bái kiến Đức Từ Hàng Bồ Tát. Bát Nương giáng trần nơi nước Trung Hoa, vào thời nhà Tây Hán, tên là Bạch Liên (Hoa sen trắng).

## 8. CỬU NƯƠNG:

Cửu Nương cầm bữu pháp Ống tiêu, tiếp đón các chơn hồn lên từng Trời Tạo Hóa Thiên để đưa vào bái kiến Đức Phật Mẫu.

Tóm lại, Cửu vị Tiên Nương trông nom về Cơ giáo hóa vạn linh. Tất cả nghề hay nghiệp khéo, về Nữ công hoặc Cầm, Kỳ, Thi, Họa hay Văn chương Triết học đều thuộc phần nhiệm của Cửu vị Tiên Nương giáo hóa và un đúc cho thành tài.

Trong quyển kinh” Thiên Đạo và Thế Đạo” do Hội Thánh ấn hành trong mục hướng dẫn cúng đàn tại Phật Mẫu hướng dẫn người tín đồ Cao-Đài xá ba xá niệm:

- Nam mô ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN
- Nam Mô CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG
- Nam Mô BẠCH VÂN ĐỘNG CHƯ THÁNH

Nhưng khi tụng xong bài kinh “*Xưng tụng công đức Điều Trì Kim Mẫu*”. Phần kết luận dạy niệm “NAM MÔ TẠO HÓA HUYỀN THIÊN CỬU VỊ NỮ PHẬT”.

Tại sao có hai danh xưng như thế? Điều này không có gì khó hiểu vì Các Đấng ấy là một. Trong ngôn ngữ

dân gian nếu bạn để ý thì thấy trong những chuyện thần thoại về quyền phép biến đổi thì người ta đề cập đến Tiên, khi nói đến sự giác ngộ thì đề cập đến Phật.

**Giác ngộ là Phật. Quyền phép là Tiên.** Trong tinh thần tín ngưỡng của dân gian là như thế.

Trong kinh điển Cao Đài buổi đầu các chơn linh đến dạy Đạo cho các vị tâm tu học Đạo, buổi ban sơ thì xưng là Cửu Vị Tiên Nương có nghĩa là quyền phép của các bà. Nói đúng hơn là các chơn linh này từ chỗ hư không, giao tiếp với người trần bằng cách xây bàn, cầu cơ làm thi họa với nhau, từ đó lập nên Đạo Cao Đài giống như là một giấc mơ. Từ chỗ những bậc tiền bối xây bàn, cầu cơ tìm thú vui giải trí lạ hơn những chuyện thế tình mà nó biến hình ra được thành một tôn giáo đó là phép Tiên.

Chúng ta thấy rằng Phật hay Tiên cũng là các chơn linh đó thôi, nhưng phần sau với danh xưng này ý muốn nói đến sự giác ngộ. Cái nhìn trần tục của con người nê chấp vào từ ngữ chớ thật ra các Đấng ấy chỉ là sự sống cao diệu không có hình tướng, xác thân. Danh xưng Tiên hay Phật do con người đặt ra để gọi các đấng cao cả mà trước đây đã theo đuổi một phương pháp tu hành nào đó, tu theo kiểu Thích Ca gọi là Phật, tu theo Lão Trang gọi là Tiên. Do quá trình tu hành của các Ngài trước đây mà người đời có danh gọi như vậy, chứ thực ra đã giác ngộ tức nhiên là có quyền năng tâm linh mà đã có quyền năng tâm linh, tức nhiên phải giác ngộ đó là hai mặt của sự sống linh hồn, các Đấng cao cả ấy khi thông công với loài người thì sử dụng ngôn ngữ của thế giới con người, để truyền đạt Thánh ý cho dễ hiểu. Nếu chúng ta không hiểu sâu về huyền lý rất dễ vướng mắc ở điểm này.



Cửu Vị Tiên Nương hay Cửu Vị Nữ Phật vẫn là một và con đường tấn hóa của các Đấng ấy không ngừng nghỉ, giống như ánh sáng mặt trời soi rọi trên các hành tinh.... Không phải Cửu Vị Tiên Nương có công trong Đạo Cao Đài mới được thăng lên phẩm vị Phật theo cái hiểu thường tình của thế gian.

**HỎI 90: ĐẾN THÁNH TÂY NINH KHÁNH THÀNH NĂM NÀO?**

**ĐÁP:** Tòa Thánh Tây Ninh, còn được gọi là Đền Thánh, là **Tổ Đình**, là Tòa Thánh Trung Ương của Đạo Cao Đài, tọa lạc tại xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, cách Thị Xã Tây Ninh khoảng 5 Km về hướng Đông Nam, thuộc Miền Nam nước Việt Nam. Gọi Tòa Thánh Tây Ninh là Tổ Đình, vì đây là nơi phát xuất của Đạo Cao Đài.

Tòa Thánh được cất theo kiểu vở của Thiên đình, quay mặt về hướng Tây

Việc chọn đất Thánh địa làm nơi xây dựng Tòa Thánh và kiểu vở xây cất Tòa Thánh đều do Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông giảng cơ chỉ dạy tỉ mỉ.

Đức Lý Giáo Tông giảng dạy tại chùa Gò Kén ngày 20-2-1927 (âl 19-1-Đinh Mão) như sau: «*Chư Đạo hữu phải hiệp sức nhau dựng lập thành Tòa Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi, vì là Thánh địa, và lại phong thổ thuận cho nhiều nước ngoại quốc đến đây học đạo. Lão muốn nơi khác mà Chí Tôn không chịu. Thượng Trung Nhứt! Phải làm thế nào chùa đất dư ra ít nữa là 50 mẫu là cả trọn bản đồ Bạch Ngọc Kinh và cho đủ Thánh địa ấy. Hiền hữu đi chọn đất về cho Lão hay, câu khẩn Chí Tôn nghe!*» (Trích ĐS. II. 222)

Tại chùa Gò Kén, ngày 21-2-1927 (âl 20-1-Đinh Mão), Đức Chí Tôn giảng dạy như sau:

*“Các con nghe! Nơi nào Thấy ngự thì nơi ấy là Thánh địa... Còn Tòa Thánh thì muốn để cho có nhơn lực hiệp cùng Thiên ý, là hạnh của Thầy, các con nên xem gương mà bắt chước. Từ Thầy đến lập Đạo cho đến giờ, Thầy chưa hề một mình chuyên quyền bao giờ. Các con lựa chọn nơi nào mà Hội Thánh vừa lòng thì là đẹp lòng Thầy. Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi.”* (ĐS. II. 223) & (TNHT. I. 98).

Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông đã dạy tất cả chi tiết, kích thước trong họa đồ xây cất Tòa Thánh từ tháng Giêng năm Đinh Mão (1927), nhưng lúc đó Đạo còn quá nghèo, số tín đồ chưa đủ đông, nên việc xây cất Tòa Thánh bằng vật liệu kiên cố chưa thể thực hiện ngay được, chỉ cất tạm bằng mái tranh vách ván, để có ngay nơi thờ cúng Đức Chí Tôn

Tòa Thánh được khởi công xây dựng từ năm 1931 (Tân Mùi).

Ngày *mùng 3-Giêng-Đinh Hợi* (dl 24-1-1947), Tòa Thánh được hoàn thành. Tổng Giám Lê văn Bàng, các Phó Tổng Giám và Tá Lý, đại diện các công thợ Nam Nữ làm Lễ Bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh.

Ngày *mùng 6-Giêng-Đinh Hợi* (dl 27-1-1947), tức là 3 ngày sau khi làm Lễ Bàn giao Tòa Thánh, Đức Phạm Hộ Pháp làm Lễ Trấn Thần Tòa Thánh.

Ngày *mùng 8-Giêng-Đinh Hợi* (dl 29-1-1947), Đức Phạm Hộ Pháp làm Lễ rước Quả Càn Khôn (đã gởi nơi Báo Ân Từ khi tạo tác Tòa Thánh) về thờ nơi Tòa Thánh,

để khuya hôm đó, giờ Tý cúng Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn.

Nhưng mãi đến 8 năm sau, Đức Phạm Hộ Pháp mới tổ chức **Đại lễ Khánh Thành Tòa Thánh vào dịp Vía Đức Chí Tôn ngày mùng 9-Giêng-Ất Mùi (dl 01-02-1955).**

Đây là một cuộc lễ vĩ đại nhất của Đạo Cao Đài kể từ trước tới nay. Người Tín đồ Cao Đài rất hãnh diện có được một ngôi Tòa Thánh đồ sộ, nguy nga, tráng lệ, do Thiên ý hợp cùng nhơn lực tạo nên, xứng đáng là Bạch Ngọc Kinh tại thế, tiêu biểu cho nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

#### **HỎI 91: NƠI THỜ ĐỨC PHẬT MẪU?**

**ĐÁP:** Đức Phật Mẫu được thờ tạm nơi Báo Ân Từ, Tây ninh. Chánh điện nằm ở gian giữa của Báo Ân Từ. Trên bức vách ngăn giữa chánh điện và hậu điện, có đắp tượng Đức Phật Mẫu, Cửu Vị Tiên Nương và Tiên Đồng Nữ Nhạc, ngồi trên lưng chim thanh loan trong tư thế đáp xuống. Tượng Đức Phật Mẫu ngồi chính giữa, mặc áo vàng, tay cầm ngọc Như Ý.

Phía dưới các tượng này có tượng ông Đông Phương Sóc, đứng thẳng, hai tay nâng cái đĩa lên khỏi đầu để nhận quả đào tiên do Đức Phật Mẫu ban tặng cho Hớn Vô Đế. Nơi sân của Hoa Điện có tượng của Đức Cao Thượng Phẩm mặc áo trắng tay cầm Long Tu Phiến, quì ngước mặt lên cung nghinh Đức Phật Mẫu (\*).

Trên bàn thờ có đặt các Long vị viết bằng chữ Nho lớn thẳng đứng:

- **DIÊU TRÌ KIM MẪU**
- **CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG**

## - BẠCH VÂN ĐỘNG CHƯ THÁNH

Bàn thờ được bày trí hoa, quả, rượu, trà, đèn, nhang. Đặc biệt là không có đèn Thái Cực, chỉ có đèn Vọng treo ở phía trước Bàn thờ. Có hai lư hương:



- Một lư hương đặt lên trên có cắm 5 cây nhang dành thờ Đức Phật Mẫu.

– Một lư hương phía dưới có cắm 9 cây nhang phân làm 3 hàng dành thờ Cửu Vị Tiên Nương.

Lồng căn có đặt bàn thờ Đức Phật Mẫu gọi là lồng căn số 1.

Lồng căn số 2, mỗi bên đặt 3 cây Tàn với 3 màu vàng, xanh, đỏ, theo thứ tự từ trong ra ngoài.

Lồng căn số 3, mỗi bên đặt một Dàn Lỗ bộ gồm 8 món binh khí thời xưa, có 2 cây Lọng đặt ở hai đầu.

Giữa 2 cây cột phân chia lồng căn số 2 và số 3, có đặt một Bàn Hương án dùng làm Nội Nghi, trên đó có bình bông, đĩa trái cây, lư trầm, cặp chưng đèn và một lư hương cắm 3 cây nhang để kính Đức Phật Mẫu, phía ngoài là một lư hương thấp 9 cây để kính Cửu vị Nữ Phật.

Ngoài ra ở 2 bên, trên 2 ghế nhỏ có đặt 1 cái chuông và 1 cái mõ để đồng nhi tụng Di Lạc Chơn Kinh sau khi cúng thời Dậy xong. Do đó bàn Nội Nghi còn được gọi là Bàn Kinh.

Từ bàn Nội Nghi ngó ra ngoài còn có một bàn hương án đặt giữa 2 cây cột phân chia lồng căn số 6 và số 7, gọi là Bàn Hội Đồng, dùng làm Ngoại Nghi. Trên bàn Ngoại Nghi có bông, trái cây, đèn vọng, rượu, trà, cặp chưng đèn với lư hương cắm 3 cây nhang. Bàn này dành cho chơn hỗn của các chức sắc Đại Thiên phong Hiệp Thiên và Cửu Trùng đến châu lễ Đức Phật Mẫu khi cúng Đại đàn.

Cuối lồng căn số 8 có đặt một cái bàn, trên đó không có chưng bày gì cả, gọi là Bàn Lễ sĩ, để các Lễ sĩ chuẩn bị Bông, Rượu, Trà (Tam Bửu) điện lễ dâng cúng mỗi ngày. (Khi cúng Đại đàn, Ban Nhạc không ngồi ở đây, mà lên

lầu 1). Bên cạnh bàn của Ban Nhạc, phía bên Nữ phái có đặt một cái Kiếng. Phía sau bàn của Ban Nhạc là một tấm vách ngăn có chừa một khung lớn sơn toàn trắng, để tượng trưng Khí Sanh Quang.

Đức Hộ Pháp dạy:

*«Khi cúng rồi phải day ra xá một xá, cũng như ở Đền Thánh vậy. Nên hiểu, không phải xá Hộ Pháp, mà là xá để kính chào Khí Sanh Quang, tức là nguồn cội của Pháp biến sanh vạn vật: trước là Phật Pháp Tăng gọi là Tam Qui, trong Pháp ấy xuất hiện Phật Mẫu, kế tiếp vạn linh, vạn vật, vv... Bởi cái Bí Pháp Diêu Trì Cung có liên quan mật thiết cùng Hiệp Thiên Đài (một căn cội Pháp) vận hành ngươn khí. Nơi nào có Hiệp Thiên Đài thì có Tam Qui thường bộ Pháp giới. Mặc dầu nơi đây không có thờ chữ KHÍ mà buộc mình phải xá ra, đó là lòng tin tưởng biết ơn và chào mạng sanh của chúng ta đó vậy.»*

Bước qua căn bên Nam phái, phía bên trong ngang với tượng thờ Đức Phật Mẫu, có đắp một cái khánh thờ lớn, ở giữa có hàng chữ Nho lớn thẳng đứng:

### CHỮ CHỖN LINH NAM PHÁI

Bên trên có 2 chữ Nho nhỏ: “CUNG PHỤNG”, và bên dưới có 2 chữ “TỌA VỊ”.

Phía dưới chữ “CHỮ CHỖN LINH NAM PHÁI” có đặt một Long vị để chữ Nho là “TỊCH BỘ HỮU CÔNG”, để thờ những Chức sắc Nam phái có đại công với Đạo.

Cách bày trí bên căn nữ phái giống y như bên Nam phái, nhưng hàng chữ Nho lớn trên khánh thờ là:

## CHƯ CHƠN LINH NỮ PHÁI

### KÍCH THUỐC MẶT BẰNG BÁO AN TỬ

#### HỎI 92: Ý NGHĨA LỄ HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG?

**ĐÁP:** Hội Yến Điều Trì Cung là ngày lễ đặc biệt và quan trọng trong Đạo Cao Đài. Lễ được tổ chức hàng năm vào chiều tối ngày Rằm tháng tám âm lịch, tại Đền thờ Phật Mẫu Tây Ninh. Lễ được tổ chức lần đầu tiên vào ngày Rằm tháng 8 Ất Sửu (1925), tại tư gia của Đức Cao Thượng Phẩm (ở Sài Gòn) theo lệnh của Đức Chí Tôn.

Đức Hộ Pháp giảng về ý nghĩa Lễ Hội Yến tại Đài Cửu-Long buổi chiều ngày 15-8 năm Tân-Mão (1951) như sau:

“Cả thầy con-cái Đức Chí-Tôn đều biết, **chúng ta tu, cốt yếu mong mỗi một điều trọng yếu hơn hết là đạt cho đặng cơ giải thoát hay là có phương thế trở lại cựu vị Thiêng Liêng của chúng ta...** Phật-Mẫu đào-tạo tám phẩm chơn hồn, tức là chơn hồn vật chất, thảo mộc, thú cầm, Nhơn loại, Thân, Thánh, Tiên, Phật. Trong tám phẩm chơn hồn ấy xuất hiện nơi Kim Bàn do theo luật Thiêng Liêng của Đức Chí Tôn đã định, thì họ phải từ từ tăng tiến mãi, cái luật tăng tiến ấy nó buộc ta mỗi kiếp sanh đều kiếp phương tu, đặng chi? Đặng tạo Thiêng-Liêng-Vị... Hôm nay, Ngài đến lập nền chơn-giáo của Ngài, chúng ta đã ngó thấy lòng yêu-ái vô-tận của Ngài là thế nào? Chúng ta thử suy-đoán không ai nói cho mình nghe hơn Mẹ của mình, không ai dạy-dỗ mình có oai-quyền hơn Mẹ của mình. Cái tình trạng ấy đối với mặt thể chúng ta thế nào thì quyền-năng nơi cõi Thiêng-Liêng Hằng-Sống như in không có mấy-may chi khác. Ngài lập Giáo rồi còn một

nổi là kêu nó không đến. Ngài đến dạy mà họ không biết chi, chính mình Ngài đã nhiều lần hạ trần lập Đạo mà 92 ức nguyên-nhân vẫn đui và điếc mà thôi, không biết để chun vào lòng yêu ái vô-tận của Ngài, đặng hưởng cái hạnh-phúc vô-biên của Ngài đã đào-tạo. Vì có cho nên Đức Chí-Tôn giao cho Đức Phật-Mẫu... Đức Chí-Tôn giao cho Đức Phật-Mẫu nắm quyền hành để rước hết những chơn-hồn khi đã đạt Pháp tức nhiên đạt cơ siêu-thoát, lập vị mình đặng vào cái địa-vị Thiêng-Liêng, đạt đặng thì phải về Hội-Yến cùng Đức Phật-Mẫu. Lễ Diêu-Trì Cung Hội-Yến mà người ta gọi là hội, nhưng thật ra chúng ta về hội-hiệp vui cùng Mẹ sanh của chúng ta đó vậy.”

**Như thế, Đại lễ Hội Yến có nhiều ý nghĩa sâu xa:**

**1. Thể hiện tình thương yêu công bằng, vô hạn của Đức Mẹ đối với con cái. Đức Mẹ ban hồng ân Thiêng liêng cho con cái của Người.**

**2. Hội Yến Diêu Trì Cung là ngày Phật Mẫu đem bí pháp đặng giải thoát chúng sanh, tận độ toàn vạn linh sanh chúng, trong cửa Đạo Cao Đài này mà thôi.**

**3. Đây cũng là ngày tạo thành hình tướng hữu vi của Đạo Cao Đài.**

**HỎI 93: CỔ PHÁP CỦA ĐẠO CAO ĐÀI?**

**ĐÁP:** Cổ Pháp có hai nghĩa:

**1. Cổ Pháp là Pháp luật xưa.**

**2. Cổ Pháp là bí pháp xưa của các Tôn giáo.**

Ở đây ta phải hiểu theo nghĩa tổng hợp, dùng bí pháp xưa của các Tôn giáo là để biểu tượng chánh pháp



ngày nay và nhất giữ luật lệ theo Tam giáo.

Theo Tân Luật, Pháp Chánh Truyền có ba Cổ Pháp của Tam giáo là: Bình Bát Vu, Cây Phất Chủ và Bộ Xuân Thu.

– BÁT VU: là cái bình của các tăng ni ôm đi khát thực. Bát vu tượng trưng cho cổ pháp của Phật đạo.

– PHẤT CHỦ: hay phất trần, là cây chổi quét sạch bụi trần của Tiên gia. Phất chủ tượng trưng cổ pháp của Tiên đạo.

– SÁCH XUÂN THU: là quyển lịch sử do Đức Khổng Tử soạn ra, trong đó hàm súc học thuyết đạo Nho. Sách Xuân Thu tượng trưng cổ pháp của Thánh đạo.

Đạo Cao Đài dùng hình ảnh Cổ pháp Tam giáo để nêu lên tôn chỉ “*Tam giáo qui nguyên*”

Cổ Pháp của Tam giáo là: Bình Bát Vu, Cây Phất Chủ và Bộ Xuân Thu.

Đó thường gọi là Cổ Pháp Hộ Pháp.

Cổ Pháp của Thượng Phẩm là Long Tu Phiến

Cổ Pháp của Thượng Sanh là Thư Hùng Kiếm và Phất Chủ.

Cổ Pháp Giáo Tông là gộp chung Cổ Pháp Thượng Phẩm và Cổ Pháp Thượng Sanh

#### **HỎI 94: Ý NGHĨA LÁ PHƯỚC?**

**ĐÁP:** Lá phước chiều dài 9 thước, bề ngang 1 thước 2 tấc, dưới thì nền vàng, trên mặt có 3 màu: vàng, xanh, đỏ. Đoạn trên có Thiên Nhân kế đó Cổ Pháp Hiệp Thiên Đài rồi kế là sáu chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngay chính

giữa lá Phước là giỏ hoa Lam, kể đến có 9 thể, hai bên bia là 12 thể theo chiều dài.

**1. Ý nghĩa nền vàng** là tượng trưng của Phái Phật, chính đức Phật Mẫu cầm quyền năng tạo đoan cả nhân loại. Trên nền vàng có 3 màu: Vàng, Xanh, Đỏ tượng trưng Tam Giáo. Vàng thuộc Thích Giáo, Xanh thuộc Tiên Giáo, Đỏ thuộc Nho Giáo

## **2. Thiên Nhân**

Tại sao Đạo Cao Đài lấy Thiên Nhân làm tiêu biểu? Con mắt ấy là chủ linh tâm, hai điểm quang của con mắt là chủ thể (thể trên trời là Nhật Nguyệt, thể nơi người là Lương Mục). Điểm quang ấy thuộc thần, thần thuộc trời, trời ấy là ta vậy. Thời xưa Tam giáo do các vị Giáo chủ giáng trần lập đạo mang hình hài xác thịt, Âu thì lấy hình thể người Âu. Á thì lấy hình thể người Á... Ngươn hội này Đức Chí Tôn giáng cơ khai Tam Kỳ Phổ Độ dạy thờ Thiên Nhân tất nhiên ngày muỗn con cái của ngài hoà ái hiệp tâm với nhau để đi đến chỗ đại đồng thế giới.

## **3. Cổ Pháp:**

Xuân Thu, Phát Chủ, Bát Vu. Ba Cổ Pháp tiêu biểu của ba Đạo: Nho, Thích, Lão mà ta nhìn thấy dính liền với nhau còn có nghĩa là sự Quy Nguyên Tam Giáo. Nghĩa là Đạo chỉ có một mà thôi.

## **4. Giỏ Hoa Lam**

Giỏ của một tiên nữ (Hà Tiên Cô) dùng để đi hái hoa luyện thuốc cứu đời. Hiện nay, Cao Đài dùng Giỏ Hoa Lam trước đền thờ Chí Tôn tất nhiên để khuyến khích tinh thần nữ phái noi gương sáng ấy để mở rộng lòng thương với vạn loại chẳng ngại khó khăn.

**5. Mười hai Thế:** Số 12 là số riêng của Đức Chí Tôn, thuộc về Thập Nhị Khai Thiên.

**9 thế ở dưới** thuộc về Cửu Thiên khai hoá.

Đang buổi thế giới cạnh tranh, tang thương biến cuộc, Phật Mẫu dùng Phướn từ bi để thức tỉnh sanh linh nương theo mà trở về cửa đạo, nhìn nhau đồng chủ nghĩa, chẳng phân biệt nòi giống, thực hành đạo đức thương yêu nhau. Được như vậy, sau khi thoát xác rồi bà Lục Nương sẽ dùng phướn từ bi ấy mà dìu dẫn chơn hồn qui hồi cựu vị, hội hiệp cùng Phật Mẫu nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

**HỎI 95: ĐẠO KỶ CAO ĐÀI NHƯ THẾ NÀO? XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA?**

**ĐÁP:** Đạo kỷ Cao Đài hình chữ nhật, gồm ba phần đều nhau của chiều dài, xếp thứ tự từ trên xuống dưới là:

– VÀNG: còn gọi là Thái Thanh, tượng trưng cho Phật Đạo.

– XANH: (xanh da trời) còn gọi là Thượng Thanh, tượng trưng cho Tiên Đạo.

– ĐỎ: còn gọi là Ngọc Thanh, tượng trưng cho Thánh Đạo (Nho)

Trên nền vàng có hàng chữ Hán:»ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ« từ phải sang trái.

Trên nền xanh có hình Thiên nhãn và Cổ pháp.

**HỎI 96: LUẬT NHƠN QUẢ & LUÂN HỒI. TIN VÀO HAI LUẬT ẤY CÓ ÍCH LỢI GÌ?**

**I. LUẬT NHƠN QUẢ**

Nhơn chỉ về hạt giống; Quả chỉ về trái mới sanh. Nhơn quả nghĩa đen là trồng cây nào thì hái trái ấy. Về Đạo

pháp, như quả có nghĩa bóng là làm lành thì có phước trả lại; làm dữ thì họa đến chẳng sai. Kinh Phật thường lấy sự trồng dưa, để cắt nghĩa luật báo ứng. Chúng tôi xin phân tách như sau, để rồi nương theo mà nhận thức Luật Nhơn Quả đối với kiếp người.

Hột dưa gieo xuống đất là **Nhơn**.

Đất, nước, gió và hơi nóng mặt trời là **Duyên**.

Trái dưa mới sanh là **Quả**.

**Nhơn, Duyên, Quả** là ba yếu tố cấu sanh muôn loài vạn vật.

Đối với kiếp người thì tư tưởng, lời nói, việc làm, sau khi động tác rồi, còn lưu lại trong không gian một dấu vết ấy là **Nhơn**.

Tinh thần của Vô Trụ là **Duyên**.

Phước họa trả lại là **Quả**.

Theo lẽ này mà suy ra, chúng ta hiểu rằng: những điều phước họa bây giờ là kết quả của sự hành động trước, hoặc trong kiếp hiện tại, hoặc trong kiếp quá khứ. Còn những hành động bây giờ sẽ là Nhơn ngày sau, hoặc mau thì trong kiếp này; hoặc lâu thì trong kiếp tới

Nhơn quả hay nghiệp báo vốn có hai thứ: Biệt nghiệp (Karma individuel) và Cộng nghiệp (Karma collectif).

1- Biệt nghiệp là quả báo riêng từng người.

2- Cộng nghiệp là quả báo chung cho nhiều người phải chịu. Như nhiều kẻ đồng phạm một tội ác, khi đến tội phải chịu chung một ác quả. Cũng có nhiều kẻ, tuy tạo nhưn khác nhau, song tội đồng nhưn thể, đến khi trả quả vẫn chung chịu với nhau một lượt. Lại có khi một

người làm ác mà nhiều người chung hưởng lợi, tất cũng phải thọ quả đồng thể.

Tất cả nạn như một tai họa lớn như động đất, bão lụt, chìm tàu, hỏa hoạn, dịch khí, chiến tranh, v.v... đều là những kẻ chịu một quả báo chung vì họ đã đồng tạo một ác nhưn.

Mặc dầu xa lạ nhau, mặc dầu kẻ Nam người Bắc, Thiên cơ sẽ xui khiến cho họ hiệp nhau một chỗ đặng đền tội một lượt.

## II. LUÂN HỒI

Kinh Phật thường ám chỉ sự báo ứng liên tục trong ba đời, cho nên nói rằng: kiếp hiện tại vừa trả quả cho kiếp quá khứ; vừa tạo nhưn cho kiếp vị lai, rồi Nhưn kia, Quả nọ; Quả nọ, Nhưn kia liên kết thành một đoàn dây duyên nghiệp, ràng buộc chúng sanh trong bánh xe luân hồi, hằng xoay mãi không lúc nào ngừng. Đã hiểu như thế, nay muốn giải thoát Kiếp Luân Hồi thì tất nhiên phải tránh Luật Nhưn Quả, nghĩa là chẳng tạo ác nghiệp thì ắt chẳng có ác quả. Mà hễ không nghiệp quả thiện thì chẳng có kiếp luân hồi.

Đức Chí Tôn dạy rằng: *«Các con sanh trường nơi thế này, khi tử hậu các con đi đâu. Chẳng có một đứa nào hiểu cơ mầu nhiệm ấy. Thấy nói cả kiếp luân hồi của chúng sinh, Thấy đổi từ vật chất ra thảo mộc, từ thảo mộc ra côn trùng, từ côn trùng ra thú cầm. Loài người phải chuyển kiếp ngàn ngàn muôn muôn lần mới đến địa vị Nhưn phẩm.»*

*Nhơn phẩm chia ra nhiều hạng: Bạc Đế Vương nơi địa cầu này chưa bằng bạc chót của Nhưn phẩm địa cầu 67. Nhưn phẩm chia ra nhiều cấp, số địa cầu càng cao, nhưn*

*phẩm càng quý trọng; mãi đến đệ Nhứt câu, Tam thiên Thế giới, Tứ đại Bộ châu, rồi mới vào Tam thập lục Thiên, qua Tam thập lục Thiên, còn phải chuyển kiếp tu hành nữa, mới vào Bạch Ngọc Kinh, Phật gọi là Niết Bàn.*

*Một kẻ kia, tuy chưa có chún trong Tôn giáo, song đã làm tròn Nhơn đạo, tức làm xong bốn phận Người, thì buổi chung quy, cứ theo nấc trên mà tiến lên. Trên đường về Thấy, các con thú nghĩ ngày nào mới đến? Vì vậy, Thấy ban cho nhơn loại một quyền hành rất rộng. Nếu các con sớm tỉnh ngộ, một đời tu cũng có thể trở về cùng Thấy. Nhưng tiếc thay, Thấy chưa từng thấy kẻ ấy».*

Trước những nghịch cảnh, đau khổ, bất công, thiên tai, chiến tranh... sự giải thích thông thường của một số người về những thảm trạng đau thương ấy là: “Đó là ý muốn của Chúa Trời!” Nhưng thật khó mà dung hòa cái ý niệm một đấng Cha Lành đầy lòng từ bi bác ái mà lại tạo ra những cảnh đau khổ lâm than đó cho những đấng con vô tội của Ngài. Về điểm này, người ta lại nói rằng ý muốn của Chúa Trời là một điều bất khả tư nghĩ, không thể cân nhắc đo lường, và không thể hiểu được! Nhưng rốt cuộc câu ấy vẫn không giải quyết được sự mâu thuẫn nói trên.

Thuyết Luân Hồi đã đưa ra sự giải thích cho vấn đề bí hiểm đó bằng cách chỉ rằng sự vật diễn ra trong vũ trụ không bao giờ do sự ngẫu nhiên tình cờ, mà là do sự hành động của một định luật thiên nhiên rất công bình và hợp lý. Đó là một trong những định luật căn bản trong Trời Đất.

Những tài liệu về kinh nghiệm cận tử thấy những người thân đã chết đến đón, những người chết đi sống lại kể chuyện cõi trung giới, những nhà ngoại cảm nhờ người khuất mặt chỉ dẫn đã tìm được nhiều ngôi mộ thất lạc, các

vị mở được con mắt thứ ba tả lại các thể phách, vía; màu sắc tư tưởng như thế nào... Đó là những bằng chứng giúp chúng ta có một tầm hiểu biết sâu xa hơn. Nó giúp cho chúng ta thấy rằng ngoài ra những kiếp sống tầm thường, bần chạt, gò bó của chúng ta trên cái thế giới nhỏ hẹp này, còn có một tầm sinh hoạt rộng lớn bao la hơn nữa, và cuộc đời còn có một ý nghĩa sâu xa thâm trầm hơn những gì mà chúng ta đã có thể tưởng tượng từ trước đến nay.

Có nhiều người, tuy chấp nhận Nhân Quả, nhưng lại quan niệm luật ấy dưới khía cạnh trừng phạt và đau khổ. Ta nên nhớ rằng danh từ Karma chỉ có nghĩa là hành động, và đó là một danh từ trung lập. Mọi sự vật trong vũ trụ đều có hai phương diện Âm và Dương, và Nghiệp Quả (Karma) cũng không ngoài cái thông lệ đó. Do bởi mãnh lực tạo thế quân bình của LUẬT NHÂN QUẢ, chúng ta được điu dắt trở lại con đường chính, là con đường tự tu tiến và cải thiện lấy mình. Còn do LUẬT TIẾN HÓA, chúng ta cứ từ từ tiến bước một cách đều đặn, không gián đoạn trên con đường chính, tức là con đường Tiến hóa đưa đến mục đích giải thoát vậy.

**Nói chung, luật Nhân Quả luôn luôn hành động theo nguyên tắc giáo dục, sửa đổi, cải tiến, và lập lại thế quân bình trong tâm tính của con người. Mục đích rất rõ ràng là làm cho người đời sẽ quay đầu hướng thiện, và cứu cánh sẽ trở nên trọn lành.**

Nói tóm lại, nếu chúng ta thật tin tưởng nơi điều quan trọng này, thì chúng ta sẽ không bao giờ bị thất vọng trên đường đời. Mỗi giờ phút trôi qua, chúng ta đều tự tạo nên tương lai của mình. Cái tương lai đó được tốt đẹp hay không, là tùy nơi trong lúc hiện tại chúng ta có những cố

gắng tốt lành và xây dựng, hay là chúng ta lãng phí thời giờ vô ích để tìm những thú vui vật chất phù du giả tạm của cuộc đời trần thế.

**HỎI 97: THUYẾT TIÊN ĐỊNH & LUẬT NHÂN QUẢ?**

**ĐÁP:** Có nhiều người tin tưởng một cách sai lầm về Luật Nhân Quả. Họ nghĩ rằng theo luật ấy, mọi sự đều có tiền định, và điều này làm cho họ có một thái độ thụ động, lười biếng, mất cả chí tiến thủ, và việc gì cũng đổ thừa cho số mạng. Nếu chúng ta chấp nhận quan niệm về Nhân Quả, thì thái độ của chúng ta đối với luật Quả Báo, cũng như đối với mọi định luật thiên nhiên, phải là an phận và tin tưởng. Nhưng chúng ta không khỏi tự hỏi rằng chúng ta nên chấp nhận sự kiểm tỏa của Luật Quả Báo và bằng lòng an phận đến một giới hạn nào, và đến một mực độ nào?

*“Tốt nhất là anh hãy cầu nguyện Ôn Trên và hoàn toàn tin tưởng nơi đấng Thiêng Liêng, vì Ngài là Công Bằng, Chân Lý và Ánh Sáng.”* Ôn Trên ở đây không phải là một độc quyền của đạo Gia Tô hay của những người tin ở đấng Christ: Ôn Trên có thể được ban xuống cho tất cả người nào, dầu y là người Phật giáo, Ấn giáo, Hồi giáo hay Gia tô cũng vậy. Được thấm nhuần Ôn Trên, tức là do sự sám hối, ăn năn tội lỗi và quyết chí sửa mình mà được hưởng ân huệ tốt lành nó làm tiêu tan nghiệp chướng do luật Quả Báo đưa đến. **Sự suy giảm, cầu nguyện, đọc Thánh Kinh, lập hạnh, và làm việc phụng sự giúp đời, là những phương pháp thường được nêu ra để sửa đổi tâm tính và tiến bộ tâm linh.** Nhưng muốn được hiệu nghiệm, những phương pháp đó phải được thi hành một cách



## **thành thật, chứ không phải là một cách máy móc.**

Nếu không có một tình thương nhân loại và chúng sinh phát ra từ đáy lòng, nếu không có đức nhân ái từ bi, thì những phương pháp thực hành kể trên chỉ là trống rỗng và không có giá trị gì.

### **HỎI 98: SAO CÓ NHỮNG NGƯỜI VỪA BẤT TÀI, VỪA ĐỘC ÁC MÀ LẠI GIÀU SANG?**

**ĐÁP:** Hãy nhìn một người ăn xin vừa đui mù, vừa tật nguyền tay chân lê lết trên đường. Nếu chúng ta xét mọi sự theo khía cạnh Nhân Quả, chúng ta cũng có thể nhìn thấy con người bất hạnh ấy dưới một hình thức khác. Chúng ta có thể nhìn về dĩ vãng và tưởng tượng người ấy trong một vai trò khác, với một bộ y phục khác và sống trong một thời đại khác hơn bây giờ. Chúng ta có thể tưởng tượng con người vô phước ấy dưới những nét của một vị lãnh chúa độc ác và vô nhân đạo. Với những tài sản khổng lồ, giàu sang không kể xiết, ông đã tỏ ra lạnh nhạt đứng trước sự đau khổ, đói rách của những người dân đã làm việc cặm cụi suốt đời để làm giàu cho y. Y hống hách bỏ tù, trừng phạt thẳng tay không chút lòng thương xót đối với những kẻ đã chống đối hoặc làm mất lòng ông. Đó là hình ảnh cho người của ông trong kiếp trước

Ngược lại, có những người vừa bất tài, vừa độc ác mà lại giàu sang. Ta có thể suy luận, tuy không có lòng nhân hậu nhưng kiếp trước họ đã bố thí rất nhiều. Còn nếu kiếp này họ giàu do tham nhũng, bóc lột hoặc buôn bán ma túy thì kiếp sau họ phải trả quả như trường hợp trên. Tuy nhiên, không nên có thói quen so sánh mình

với những kẻ khác trên bình diện «Ngang» trong thời gian và không gian. Vì theo thuyết Luân Hồi thì quan niệm chân thật về cuộc đời phải là một quan niệm theo «Chiều dọc». Tự so sánh mình với người khác là vô ích vì **chúng ta chỉ hoạt động để tự vươn mình và tiến bộ lấy cho mình, sự tiến bộ của chúng ta không phải là tương đối với kẻ khác, mà là tương đối với chính mình và với Thượng Đế.**

Con người còn sống ở thế gian, thì còn phải bị những cảnh do quá báo đưa đến. Khi nghịch cảnh xảy đến không thể tránh khỏi, chúng ta có thể chấp nhận nó một cách kiên nhẫn, can đảm và vui vẻ; và như thế, chúng ta xây đắp nền tảng cho sự thành công vẻ vang trong tương lai. Phần nhiều chúng ta khi lâm nghịch cảnh hay bị những nỗi đau khổ bất công, thường nghĩ rằng mình là oan ức, vô tội mà phải bị thiệt thòi, chớ không nghĩ rằng có lẽ mình đã từng gây ra những nỗi bất công đau khổ cho kẻ khác. Có lẽ là do thói kiêu căng vốn tự nhiên trong mọi người, nhưng còn một lý do khác, đó là sự lãng quên: Một định luật thiên nhiên đẩy nhân từ và bác ái khiến cho chúng ta quên đi một cái dĩ vãng sai lầm và tội lỗi trong những kiếp quá khứ.

**HỎI 99: THƯỢNG ĐẾ SÁNG TẠO RA CON NGƯỜI, CON NGƯỜI TỰ TẠO LẤY KIẾP SỐNG CỦA MÌNH?**

**ĐÁP:** Đúng vậy. Con người có quyền tự do ý chí trong mọi hành động, và không phải tất cả mọi việc lớn nhỏ trong đời đều đã được định sẵn từng chi tiết theo một cái định mệnh bất di dịch. Luật Nhân Quả là cái định luật theo đó con người tự tạo nên cái thân phận sang hèn, may

rủi, tốt xấu, vui buồn của chính mình. Luật Nhân Quả đặt con người trong sự kiểm tỏa, trói buộc và đặt trong vòng kỷ luật để tự tu tiến lấy bản thân, nhưng đồng thời nó cũng là kẻ giải phóng và là một người bạn tốt. Biết rõ điều này, con người sẽ luôn luôn giữ thái độ hồn nhiên, thanh thoát mọi nghịch cảnh, mọi nổi thăng trầm chìm nổi của cuộc đời.

Kiếp sống tương lai của ta phần lớn tùy thuộc ở hành động và tư tưởng của ta trong kiếp này. Chúng ta phải tự sửa đổi lấy tâm tính của mình. Điều cần phải sửa đổi, chính là cái thái độ tinh thần và cách xử thế hằng ngày. Hãy dẹp bỏ tánh hay chỉ trích, chê bai, sẵn sàng lên án những người chung quanh, tánh thù vật, kiêu căng, ngã mạn, dửng dưng, lạnh lùng mà thay vào đó bằng tánh vị tha, độ lượng, biết chia sẻ và tha thứ. Những khó khăn chướng ngại của ta chỉ có thể giải quyết được bằng cách tu sửa tánh tình, tập lấy những đức tính tốt lành, nhân đức, thuộc về địa hạt tâm linh.

Làm thế nào để không gây nghiệp quả mới? Vấn đề này được giải đáp một cách mỹ mãn trong kinh Bhagavad Gita của Ấn Độ: *“Làm mà như không làm, tuy hữu vi mà vô vi, nghĩa là làm một cách vô tư, với một tinh thần giải thoát, không bám víu, không vụ lợi; đó tức là cái bí quyết của sự hành động cao thượng, siêu thoát, và không gây nên nghiệp quả...”*

## CHUNG



## PHỤ LỤC

### CÁC NGÀY CÚNG LỄ HÀNG NĂM ÂM LỊCH TẠI TÒA THÁNH

Âm lịch	Lễ	Đàn
1-1	Lễ rước chư Thần, Thánh, Tiên Phật	Tiểu Đoàn
9-1	Đại lễ Đức Chí Tôn	Đại Đoàn
15-1	Lễ Thượng Ngươn	Đại Đoàn
15-2	Vía Đức Thái Thượng Lão Quân	Đại Đoàn
19-2	Vía Đức Phật Quan Âm	Đại Đoàn
8-4	Vía Đức Phật Thích Ca	Đại Đoàn
10-4	Kỷ niệm hội ngày qui thiên của Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh và quý Thời Quân Hiệp Thiên Đài	Tiểu Đoàn
24-6	Vía Đức Quan Thánh Đế Quân	Đại Đoàn
15-7	Lễ Trung Ngươn	Đại Đoàn
15-8	Đại Lễ HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG	Tiểu Đoàn
18-8	Vía Đức Lý Đại Tiên kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ	Đại Đoàn
27-8	Vía Đức Khổng Thánh	Đại Đoàn
13-10	Kỷ niệm hội ngày qui thiên của Đức Quyền Giáo Tông, quý Đầu Sư và chư Chức Sắc hàng Thánh Nam Nữ	Tiểu Đoàn
15-10	Lễ Hạ Ngươn và kỷ niệm ngày khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ	Đại Đoàn
25-12 (DL)	Vía Đức Jesus Christ	Đại Đoàn

---

2.4-12	Lễ đưa chư THẦN, THÁNH, TIÊN, PHẬT triều Thiên	Tiểu Đàn
	Cúng Sóc Vọng ngày mùng một và ngày Rằm hằng tháng	Tiểu Đàn

## HỆ THỐNG CHỨC SẮC CỬU TRÙNG ĐÀI

		<b>GIÁO TÔNG</b>	
	NGỌC CHƯỞNG PHÁP	THƯỢNG CHƯỞNG PHÁP	THÁI CHƯỞNG PHÁP
NỮ ĐẤU SƯ	NGỌC ĐẤU SƯ	THƯỢNG ĐẤU SƯ	THÁI ĐẤU SƯ
NỮ CHÁNH PHỐI SƯ CHÁNH PHỐI SƯ (Không giới hạn)	NGỌC CHÁNH PHỐI SƯ (1 vị) CHÁNH PHỐI SƯ (11 vị)	THƯỢNG CHÁNH PHỐI SƯ (1 vị) CHÁNH PHỐI SƯ (11 vị)	THÁI CHÁNH PHỐI SƯ (1 vị) CHÁNH PHỐI SƯ (11 vị)
NỮ GIÁO SƯ (không giới hạn)	NGỌC GIÁO SƯ (24 vị)	THƯỢNG GIÁO SƯ (24 vị)	THÁI GIÁO SƯ (24 vị)
NỮ GIÁO HỮU (không giới hạn)	NGỌC GIÁO HỮU (1000 vị)	THƯỢNG GIÁO HỮU (1000 vị)	THÁI GIÁO HỮU (1000 vị)
NỮ LỄ SANH (không giới hạn)	NGỌC LỄ SANH (không giới hạn)	THƯỢNG LỄ SANH (không giới hạn)	THÁI LỄ SANH (không giới hạn)
BÀN TRỊ SỰ: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự	BÀN TRỊ SỰ: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự		
TÍN ĐỒ	TÍN ĐỒ		

## HỆ THỐNG CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI

	<b>HỘ PHÁP</b> Chi Pháp	
<b>THƯỢNG PHẨM</b> Chi Đạo		<b>THƯỢNG SANH</b> Chi Thế
BẢO ĐẠO	BẢO PHÁP	BẢO THẾ
HIỂN ĐẠO	HIỂN PHÁP	HIỂN THẾ
KHAI ĐẠO	KHAI PHÁP	KHAI THẾ
TIẾP ĐẠO	TIẾP PHÁP	TIẾP THẾ
<b>Cơ Quan</b> <b>PHƯỚC THIỆN</b>	<b>BỘ PHÁP CHÁNH</b>	<b>BAN THẾ ĐẠO</b>
1. Phật Tử		
2. Tiên Tử		
3. Thánh Nhơn	1. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn	1. Phu Tử
4. Hiền Nhơn	2. Chương Ấn	
5. Chơn Nhơn	3. Cải Trạng	2. Đại Phu
6. Đạo Nhơn	4. Giám Đạo	
7. Chí Thiện	5. Thừa Sứ	3. Quốc Sĩ
8. Giáo Thiện	6. Truyền Trạng	4. Hiền Tài
9. Hành Thiện	7. Sĩ Tài	
10. Thính Thiện	8. Luật Sự	
11. Tản Dân		
12. Minh Đức		



## TỔ CHỨC CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN

<b>THỜI QUÂN</b> chi Đạo HTĐ Thống Quản CQPT			
<b>CHỖN NHƠN</b> Chương quản NỮ PHÁI PHƯỚC THIỆN		<b>CHỖN NHƠN</b> Chương quản NAM PHÁI PHƯỚC THIỆN	
ĐỆ NHỨT Phó Chương Quản	ĐỆ NHỊ Phó Chương Quản	ĐỆ NHỨT Phó Chương Quản	ĐỆ NHỊ Phó Chương Quản
Cửu Viện PHƯỚC THIỆN Nữ phái		Cửu Viện PHƯỚC THIỆN Nam phái	
<b>HÒA   LAI   LỄ   HỌC   Y</b> <b>  NÔNG   HỘ   LƯƠNG  </b> <b>CÔNG</b>		<b>HÒA   LAI   LỄ   HỌC   Y</b> <b>  NÔNG   HỘ   LƯƠNG  </b> <b>CÔNG</b>	
<b>TRẦN ĐẠO</b> PHƯỚC THIỆN <b>ĐẠO NHƠN</b> Nữ Quản Trần		<b>TRẦN ĐẠO</b> PHƯỚC THIỆN <b>ĐẠO NHƠN</b> Quản Trần	
<b>CHÂU ĐẠO</b> PHƯỚC THIỆN <b>CHÍ THIỆN</b> Nữ Quản Châu		<b>CHÂU ĐẠO</b> PHƯỚC THIỆN <b>CHÍ THIỆN</b> Quản Châu	
<b>TỘC ĐẠO</b> PHƯỚC THIỆN <b>GIÁO THIỆN</b> Nữ Quản Tộc		<b>TỘC ĐẠO</b> PHƯỚC THIỆN <b>GIÁO THIỆN</b> Quản Tộc	
<b>BÀN CAI QUẢN</b> <b>HÀNH THIỆN</b> Nữ Chủ Trưởng		<b>BÀN CAI QUẢN</b> <b>HÀNH THIỆN</b> Chủ Trưởng	
<b>CHỦ SỞ và ĐẠO SỞ</b> <b>HÀNH THIỆN,</b> <b>THÍNH THIỆN,</b> <b>TÂN DÂN, MINH ĐỨC</b>		<b>CHỦ SỞ và ĐẠO SỞ</b> <b>HÀNH THIỆN,</b> <b>THÍNH THIỆN,</b> <b>TÂN DÂN, MINH ĐỨC</b>	

## BẢNG ĐỐI PHẪM CHỨC SẮC CÁC CƠ QUAN

BÁT QUÁI ĐÀI	CỬU TRÙNG ĐÀI	HIỆP THIÊN ĐÀI	CƠ QUAN PHƯỚC THIÊN	BỘ NHẠC	BAN THỂ ĐẠO	CƠ QUAN KHÁC
Thiên Tiên	Giáo Tông	Hộ Pháp	Phật Tử			
Nhơn Tiên	Chưởng Pháp	Thượng Phẩm Thượng Sanh				
Địa Tiên	Đầu Sư	Thập nhị Thời Quân	Tiên Tử			
Thiên Thánh	Chánh Phối Sư Phối Sư	Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, Chưởng Ấn	Thánh Nhơn Hiển Nhơn	Tiếp Lễ Nhạc Quân	Phu Tử	Thập nhị Bảo Quân
Nhơn Thánh	Giáo Sư	Cải Trạng Giám Đạo	Chơn Nhơn Đạo Nhơn	Nhạc Sư Đốc Nhạc Đề Nhạc	Đại Phu	Hộ Đàn Pháp Quân. —Hữu Phan Quân. —Tả Phan Quân.
Địa Thánh	Giáo Hữu	Thư Sứ Truyền Trạng	Chi Thiện	Lãnh nhạc Quản Nhạc Đội Nhạc	Quốc Sĩ	Tổng Giám
Thiên Thần	Lễ Sanh	Sĩ Tài	Giáo Thiện	Cải Nhạc Bếp Nhạc	Hiển Tài	Phó Tổng Giám
Nhơn Thần	Chánh Trị Sự Phó Trị Sự Thông Sự	Luật Sự	Hành Thiện Thỉnh Thiện	Nhạc Sĩ Lễ Sĩ Giáo Nhi		Tả Lý, Đầu Phòng Văn
Địa Thần	Đạo Hữu		Tân Dân Minh Đức			Thơ Ký

---

## SÁCH THAM KHẢO

- **Kinh Thiên Đạo & Thế Đạo**, Hội Thánh
- **Luật lệ của ba hội lập quyền Vạn Linh**, Hội Thánh
- **Lời thuyết Đạo**, Phạm Công Tắc
- **Luận Đạo vấn đáp**, Nguyễn Trung Hậu
- **Trên đường tấn hóa**, Trương văn Tràng
- **Lịch sử Đạo Cao Đài**, Gabriel Gobron
- **Bí pháp**, Nguyễn Long Thành
- **24 giờ hành Đạo**, Nguyễn Long Thành
- **Cổ pháp**, Trần văn Rạng
- **Bước đầu học Đạo**, Nguyễn văn Hồng
- **Ngôi thờ Đức Phật Mẫu**, Tùng Thiên Từ Bạch Hạc

---

## 99 Câu Hỏi Đáp

### Tìm Hiểu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Biên Soạn: Tùng Thiên Từ Bạch Hạc

2010

---

---

**99 Câu Hỏi Đáp Tìm Hiểu**  
**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**  
Biên Soạn: **Tùng Thiên Từ Bạch Hạc**